



ĐẠI-ĐẠO TAM KỲ PHỔ-ĐỘ
(Bát thập tứ niên)
Tòa-Thánh Tây-Ninh

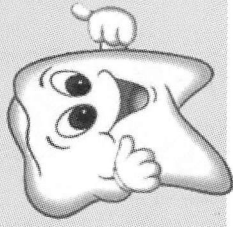
Tập-San

THẾ ĐẠO



Tập mới
SỐ 40
04-2009

- * Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống
(Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc thuyết giảng)
(Bản dịch Đào Công Tâm & Chris Harney)
- * Giáo Hữu Thượng Màng Thanh qui Thiên
- * Tu tại Thế (HT Lê Văn Thân)
- * Những quan niệm sai lầm về tôn giáo &
Chính trị. (Nguyễn Anh Tuấn)



NORTH JACKSON DENTAL GROUP

NGUYỄN HỮU TUỜNG, D.D.S. & TÔ MỸ HUỆ, D.D.S



Tel. 408. 923. 8272

125 N. Jackson Ave, Ste 104 San Jose, CA 95116

(Cạnh Alexian Brothers Hospital, giữa Alum Rock Ave và McKee Ave.)

- Tốt nghiệp bác sĩ Nha khoa tại University of the Pacific, San Francisco.
- Tốt nghiệp ưu hạng và được tuyển chọn vào hội danh dự Nha khoa toàn quốc.
- Được giải thưởng xuất sắc về làm răng giả các loại.
- Được giải thưởng xuất sắc về chăm sóc nha khoa toàn diện.
- Được giải thưởng về "Need, character, and scholarship"
- Tẩy trắng răng (In Office Bleaching) tại chỗ, hiệu quả nhanh chóng
- Có máy **Laser** trị ê răng rất hiệu quả và trám răng không cần gây tê.
- Có máy **Digital X-Ray**, chụp bằng computer, giảm tia quang tuyến
- Có **Intra Oral**, chụp hình màu trong miệng thấy rõ những gì cần phải làm
- Niềng răng bằng **Invisalign** trong suốt không cần đeo **Braces**
- Làm răng giả loại mềm (**Flexible Denture**) không thấy kim loại
- Có máy **CEREC**, làm Crown tại chỗ, chỉ trong 1 lần hẹn

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ Hai – Thứ Bảy

9AM – 6 PM

TẬP SAN THẾ ĐẠO

Chủ Trưởng

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Chủ Nhiệm

HT Nguyễn Ngọc Dũ

Chủ Bút

Tố Nguyên

Phụ Trách Kỹ Thuật

Ngọc Dao - Thanh Điền

Phụ Trách Phát Hành

Duy Hòa

Cộng Tác Thường Xuyên

B.S Nguyễn Văn Tho -TS Nguyễn Anh Tuấn

Lê Văn Thêm- Mai Văn Tâm-Bạch Y

Duy Văn-Nguyễn Trung Đạo-Tố Nguyên

Trần Công Bé-Song Nguyên-Vân Dương

Quang Thông-Đạt Thông Dương Văn Ngừa.

Yểm Trợ

Bài vở gửi đăng & Tài Chánh yểm trợ
Ban Thế Đạo Hải Ngoại/ Tập San Thế Đạo
xin gửi về:

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

3076 Oakbridge Dr

San Jose, CA 95121-1716

Phone: 408-238-6547 & 408-262-4209

Fax# 408-440-1372

Email: dutani@comcast.net

www.banthedao.org



MỤC LỤC

1-Giáo hữu Thượng Màng Thanh qui Thiên:(Tiểu sử- Phân ưu- Vài hình ảnh tang lễ)	03
2-Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống (Đức Hộ Pháp thuyết giảng)	13
3-The Divine Path to Eternal Life (Đào Công Tâm & Chris Harney dịch)	29
4-Thử tìm hiểu Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống (HT Hồ Hoàng & HT Kim Minh	51
5-Tu tại Thế (HT Lê Văn Thêm)	66
6-Thông báo của Ban Thế Đạo Hải Ngoại về việc in sách trong năm 2009 và	98
7-Lịch sử Khai Đạo: Chuẩn bị Khai Đạo (HT Nguyễn Trung Đạo)	100
8-Chức Sắc Hiệp Thiên Đài phụ trách Hành Chánh Đạo (HT Nguyễn Trung Đạo)	118
9-Huyền bí Tranh Haiga (Nhật Chiêu)	123
10-Liên lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại	128
11-Danh sách Cơ sở-Đồng Đạo- Thân hữu yểm trợ Tập San Thế Đạo	130
12-Chúc mừng	133
13- Tin tức tóm lược	134
14-Phân Ưu	146
15-Pháp Điều Tam Kỳ Phổ Độ là gì?	152
16-Nho giáo đại cương (Nguyễn Ước)	159
17-Nhìn lại bi kịch của con người trước tội ác của quyền lực chính trị và những quan niệm sai lầm về tôn giáo và chính trị.(Bài 2) (Tiến sĩ Nguyễn Anh Tuấn)	169



**Giáo Hữu Thượng Màng Thanh
(1922-2009)**

TIỂU SỬ GIÁO HỮU THƯỢNG MÀNG THANH (1922 – 2009)

*-Thế danh Lê văn Màng (Đạo hiệu Từ Vân) sanh ngày 7 tháng 11 năm 1922, tại làng Long Vĩnh, Quận Trà Cú, Tỉnh Trà Vinh.

*-Con Ông Lê văn Điều và Bà Nguyễn thị Nay. Hai Ông Bà nhập môn năm 1933 tại Thánh Thất Vũng Liêm. Bà Nguyễn thị Nay được Thiên phong phẩm Lễ Sanh, Giáo Thiện, và Chưởng Thiện.

*-Ông thành hôn với Bà Nguyễn Thị Ý (sau đắc phong phẩm Lễ Sanh Thánh danh Hương Ý) và có 7 người con (5 gái, 2 trai)

*-Ông nhập môn ngày 15 tháng 7 năm 1942 tại Thánh Thất Long Vĩnh, tỉnh Trà Vinh.

*-Khi 13 tuổi (1935) Ông về Tòa Thánh Tây Ninh theo học tại Đạo Đức Học Đường. Ông là một trong 36 đồng nhi Nam quân phiên đọc kinh cúng Tứ Thời tại Đền Thánh.

*-Ông là một trong những kịch sĩ trong Kịch Đoàn Lạc Xuân do Ngài Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh hướng dẫn. Vì đóng vai phái Nữ nên Ông được Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu lo phần trang điểm và được Bà ưu ái nhận làm con nuôi.

*-Ông tốt nghiệp chương trình Trung Học Phổ Thông tại Trường Trung Học Hạnh Nghĩa (Gia Định).

*-Năm 1943 Ông tham gia vào Nội Ứng Nghĩa Binh Cao Đài.

*-Năm 1944 Ông tốt nghiệp trường Nhật ngữ và được Hãng Dai Nani Koosi bổ làm Trưởng Phòng Kế Toán.

*-Năm 1945 Ông về Tòa Thánh làm việc cho Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức và Ngài Khai Đạo Phạm Tấn Đãi.

*-Năm 1946 Ông đỗ hạng nhì trong khóa Luật Sư đầu tiên và

được bổ nhiệm từng sự tại Bộ Pháp Chánh và phụ trách Phòng Phúc Án Điều Tra.

*-Năm 1948 Ông được Hội Thánh cử đi tham dự khóa Dân Huấn tổ chức tại Hà Nội, và đồng thời hợp tác với GS Trần Văn Quế và Bà Giáo Sư Hương Dư lo việc truyền bá giáo lý Cao-Đài tại Bắc Việt.

*-Năm 1956 Ông về Tòa Thánh hợp tác với chư vị Sĩ Tài hoạt động cho đường lối Hòa Bình Chung Sống của Đức Hộ Pháp.

*-Năm 1957 Hội Thánh Hiệp Thiên Đài phong Ông phẩm Hiền Tài Ban Thế Đạo và được Đức Thượng Sanh bổ nhiệm chức vụ Quản Thủ Thư Viện và Văn Khố Tòa Thánh Tây Ninh (Ban Đạo Sử). Đồng thời giữ chức vụ phó Trưởng Nhiệm Kinh Tài Ban Tổng Quản Nhiệm Thế Đạo đầu tiên. Ông cùng chư vị Hiền Tài hoàn thành công tác xây dựng trụ sở Ban Thế Đạo.

*-Năm 1970 Hội Thánh Cửu Trùng Đài bổ nhiệm Ông giữ chức Thanh Tra hai trường Trung Học Đạo Đức Học Đường và Lê Văn Trung về việc soạn thảo chương trình giảng huấn các môn: Giáo lý, Luật pháp, Nghi Lễ khoa Thần học Cao Đài.

*-Năm 1971 Ông làm Giảng viên khóa huấn luyện chư vị Đầu Phòng Văn, giảng dạy hai môn Hành Chánh Đạo và Quản thủ thư viện.

*-Năm 1972 Ông được đặc cách phong thưởng vào hàng phẩm Giáo Hữu Phái Thượng Cửu Trùng Đài. Ông là một trong ba người tốt nghiệp ưu hạng trong khóa Cao Đẳng Hạnh Đường và được Hội Thánh lưu lại làm việc nơi Tòa Thánh, phụ trách Quản Văn Phòng Thượng Chánh Phối Sư.

*-Năm 1973 Ông sang Nhật dâng hương đáp lễ Giáo Hội Oomoto tại Thánh địa Ayabe - thành phố Kyoto, Nhật Bản

*-Năm 1974 Ông giữ chức vụ Biện Hộ nơi Pháp Chánh Sơ Thẩm Hiệp Thiên Đài.

*-Năm 1976 Hội Thánh Cửu Trùng Đài cử Ông giữ chức vụ Ủy Viên Tài Chính và Kế Toán của Ban tăng gia sản xuất, phụ

trách phân lương thực nuôi Chức Sắc và nhân viên công quá.

*-Năm 1990 Ông xuất ngoại theo diện đoàn tụ gia đình và định cư tại miền nam California và bắt đầu công việc hành Đạo tại hải ngoại.

*-Năm 1991 Hội Tín Hữu Cao Đài nam California mời Ông làm Chủ Tịch Hội Đồng Cố Vấn. Trong giai đoạn này Ông tổ chức Đại Hội Hành Chánh Đạo tại Anaheim CA, và từ đó Hành Chánh Đạo ở hải ngoại được hình thành. Cũng trong thời gian này Ông tổ chức khóa Hạnh Đường huấn luyện Chức Việc Bàn Trị Sự, đồng thời xuất bản Tập San Cao Đài để phổ truyền giáo lý và tin tức sinh hoạt Đạo.

*-Năm 1992 Ông được đề cử giữ chức vụ Quyền Khâm Châu Đạo California trong Đại Hội tại Thánh Thất Garden Grove.

*-Năm 1992 Ông hướng dẫn phái đoàn Cao Đài sang tham dự ngày cầu nguyện hòa bình cho Việt Nam tại Rome (Ý Đại Lợi).

*-Năm 1993 Ông cùng quý đồng Đạo thành lập Thánh Thất Lampson, Garden Grove cho Châu Đạo California.

*-Năm 1993 Ông tham dự Đại Hội Tôn Giáo thế giới lần III do Oomoto Giáo tổ chức tại Thánh địa Ayabe tại Nhật bản.

*-Năm 1998 trong Đại hội Cao Đài TTTN kỳ 3 tại Montreal, Canada Ông được đồng Đạo đề cử là thành viên Hội Đồng Chủ Trưởng của Cơ Quan Truyền Giáo Hải Ngoại.

*-Năm 1999 Ông tham dự Hiệp Hội Quốc Tế Tranh Đấu Cho Tự Do Tôn Giáo (International Association for Religious Freedom) tại thành phố Vancouver, Canada.

*-Năm 1999-2001 Ông tổ chức khóa Hạnh Đường hàm thụ huấn luyện Chức việc Bàn Trị Sự về giáo lý Cao Đài.

*-Ông thường xuyên viết bài cho Bản Tin Đại Đạo, Tập San Thế Đạo và Tập San Đường Sáng.

*-Kể từ năm 2002 Ông định cư tại thành phố Portland, Oregon hướng dẫn Bàn Trị Sự TT Portland trong việc Đạo sự.

*-Ông qui tiên vào ngày 21-03-2009 nơi tư gia , hưởng thọ 88 tuổi.



PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn:
Thân Phụ của HH CTS Lê Minh Hoàng, Qu
Đầu Tộc Thánh Thất Oregon là :

Giáo Hữu

Thượng Màng Thanh

(thế danh Lê Văn Màng)
Nguyên Khâm Châu California & Oregon

Đã qui Thiên vào lúc 10.30 AM ngày Thứ Bảy 21-03-2009
(nhằm ngày 25-02 năm Kỷ Sửu) tại tư gia tại thành phố
Beaverton, bang Oregon, Hoa-Kỳ.

Hưởng thọ 88 tuổi

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng HTỷ Lễ Sanh Hương
Ý, CTS Lê Minh Hoàng và tang quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng
Liêng ban hồng ân cho hương linh cố Giáo hữu Thượng Màng
Thanh được cao thăng Thiên Vị.

Thành kính phân ưu.

**Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo
Ban Thế Đạo Bắc California, Ban Thế Đạo Nam California
Ban Thế Đạo Úc Châu & các Ban Đại Diện Ban Thế Đạo
Hải Ngoại tại bang WA & OR, bang TX, bang LA, bang
GA, bang FL , tại Canada & tại Pháp**

Lời Tòan Soan: Chúng tôi có nhận được rất nhiều Phân Ưu cố Giáo hữu Thượng Màng Thanh nhưng rất tiếc vì số trang có hạn nên chúng tôi không thể đăng trong Tập San này. Xin quý đồng đạo và thân hữu vào trang Web www.banthedao.org nơi tiểu mục Tang Tế Sự. Thành thật cảm ơn.

Vài Hình Ảnh Tang Lễ











Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc

(Tiếp theo từ TSTD số 36, 37,38)

**17.- Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo Tại Đền Thánh
Đêm 26 tháng 11 năm Mậu-Tý (26-12-1948)**

QUYỀN-NĂNG CỦA LUẬT THƯƠNG-YÊU, PHÁP CÔNG-CHÁNH & HÒA-ƯỚC CỦA CHÍ-TÔN VỚI LOÀI NGƯỜI

Kỳ trước Bản-Đạo thuyết cuộc thiệt-chiến tại Cung Hiệp Thiên Hành Hóa về mặt luật các nền Tôn Giáo để, có thuyết sơ cái Luật và Pháp của Đức Chí-Tôn đã dành cho Thánh-Thể của Ngài thi-hành Đệ Tam Hòa Ước của Ngài.

Bản-Đạo hứa sẽ thuyết-minh cái quyền-năng của Luật Thương-Yêu và Pháp Công-Chánh. Bản-Đạo đã nói sơ qua cái luật quyền-năng của Đức Chí-Tôn đã nói buổi nọ, buổi ấy luật hình của Đức Chí-Tôn cho nhơn-loại chưa có ký từ Hòa Ước, Đức Chưởng Đạo đã có tả sơ qua cho chúng ta hiểu Đức Chí-Tôn buộc Thánh Thể của Ngài và toàn nhơn loại từng một khuôn Luật Thương Yêu và Bí-Pháp Công Chánh. Khi đó Bản Đạo hỏi Ngài: Thầy là Thầy, Cha là Cha cả thấy sao Ngài lại xưng bằng Thầy, thì Đức Chưởng-Đạo nói: Cha thì đáng Cha, Thầy thì đáng Thầy, nói đến đây Bản Đạo sẽ giảng sơ qua bài thi: Luật Thương Yêu và Quyền Công Chánh.

Gần thiện-lương xa lánh phàm-tâm,
Làm cha nuôi sống [năng] âm thầm;
Làm Thầy lại nhượng phẩm Thần ngôi Thiên [nôi Tiên].

Tức Ngài cho hiểu Đệ Tam Hòa Ước với Đức Chí-Tôn, Ngài sẽ buộc nhơn-loại nhứt là Thánh Thể của Ngài thi hành Luật Thương Yêu và Quyền Công Chánh.

Bây giờ Bản-Đạo thuyết về cái năng-lực của Luật Thương Yêu của Quyền Công Chánh, chúng ta đã thấy hiện-tượng trước mặt chúng ta cả cơ-quan tạo đoan hữu hình. Chúng ta chẳng cần tìm sâu xa mà hiểu là do nơi Luật Thương Yêu mà sản-xuất, vật gì, con gì, nó cũng có tình ân-ái của nó, thoảng như nó không có tình-cảm ân-ái của nó, thì nó không sanh-sản con cái được, con người không có tình thương với nhau, ân-tình với nhau nên chồng, nên vợ. Nếu không như vậy chắc là chưa có con nối dòng, truyền tử, lưu tồn cho loài người đặng.

Từ tạo Thiên lập Địa đến giờ, Luật Thương Yêu đầu vạn vật cũng thế, người cũng thế, Luật Thương Yêu muốn đủ cao trọng hơn nữa, cao sang hơn nữa, thì luật định luật nơi Ngọc-Hư-Cung và Tây-Phương Cực-Lạc, tức Cực-Lạc Thế-Giái. Nếu nói thiệt đủ tinh thần mặt Luật Thương-Yêu ấy, trừ lại cơ-quan Tạo-Đoan, cả vạn-vật trong Càn-Khôn Vũ-Trụ này là Cung Điều-Trì tức nhiên là Cung Đức Phật-Mẫu đó vậy.

Nói thật nếu Đức Chí-Tôn Ngài không có những tình-ái, không phân ra đê-nhi xác thân, Ngài là bạn, Ngài là cơ hữu-vi Tạo-Đoan Càn-Khôn Vũ-Trụ đương nhiên bây giờ, cũng như ta nếu chúng ta sợ cái cơ-quan Tạo-Đoan ấy, tức nhiên tạo đời của mình. Nếu bên Nam, bên Nữ, sợ vợ, sợ chồng thì đâu có tạo ra đời của mình, phải có tình ái nồng-nàn, nó mới nên chồng vợ. Không phải vợ chồng thương nhau mà thôi, nó còn xô đẩy cao xa hơn nữa. Nếu chúng ta biết lương-tâm (*1), nòi giống, quốc-gia, chủng-tộc tức nhiên chúng ta tạo đời, không phải thương chồng vợ mà thôi, Luật Thương Yêu ấy nó còn cao xa hơn nữa!

Bởi vậy cho nên Khổng Phu-Tử lập Giáo, Đạo Nho-Tông của Ngài chú trọng nhứt là Ngài lấy nhơn-luân làm căn bản, chặt-chĩa mạnh-mẽ chắc-chắn lắm vì cơ cho nên Đạo Nho-Tông của Ngài để lại hơn hai ngàn năm vẫn còn nguyên-lực của nó, đương nhiên bây giờ nó còn đủ sức chuyển-thế đặng nó làm căn-bản mạnh-mẽ chắc-chắn. Căn-bản nhơn-luân chỉ sản-xuất

nơi tình-ái mà ra, ấy Luật Thương-Yêu Đức Chí-Tôn buộc phải theo, theo mới được, ký Hòa-Uớc với Ngài, phải thi-hành cái luật ấy.

Tờ Hòa-Uớc này, ký với Ngài phải cho có hiệu-nghiệm. Ngài buộc ký với Ngài, thi-hành theo luật, cho chúng ta khỏi phải bội ước với Ngài, đã hai kỳ ký Hòa-Uớc với Ngài, đều hai kỳ bội ước. Nếu chúng ta xét đoán hai kỳ trước, Ngài có buộc luật ấy hay chẳng? Sao không có, có chớ! Mà tại Ngài không nói với nhơn-loại, không nói tức không buộc, không buộc thì không làm, đã có định-luật mà không có buộc, không buộc thì không đặng.

Kỳ này Đức Chí-Tôn không nói, mà Đức Chí-Tôn buộc, lại buộc phải thi-hành quyền Công-Chánh, chúng ta không cần tìm Trời - Đất chi cả, cơ-quan dưới thế, nếu không có mặt công-bình về tâm-lý, không có mực thước công-lý tại mặt thế này, thì Bản-Đạo dám chắc rằng: Cả cơ-quan hiển nhiên bây giờ không còn tồn tại được.

Có một điều khuyết-điểm chúng ta ngó thấy, một trường hỗn loạn, tương-tàn tương-sát với nhau, vì muốn thi hành mặt công-lý, tức nhiên lấy cân công-chánh làm mô giới cả cơ quan trị thế. Nhơn-loại loạn lạc tức nhiên mặt luật công-bình chúng ta đã ngó thấy, quả nhiên không thể chối cãi cái gì được. Công-chánh là nơi miệng lưỡi loài người, tức nhiên vạn-quốc đương dùng bây giờ là một phương-pháp để lường gạt tâm-lý nhơn-loại.

Mặt cân công-bình thiên-hạ gọi là công-lý mà thế-gian này chưa có công-lý, mạnh thì công-lý của họ khác, giàu thì công-lý của họ khác, sang thì công-lý của họ khác, vinh hiển thì công-lý của họ khác, nghèo thì công-lý của họ khác.

Cái công-lý của nhơn-loại bây giờ là công-lý giả, vì bởi công-lý giả ấy, cho nên mới có trường hỗn loạn, tương-tàn tương-sát với nhau, phải họ đem công-lý về mặt tinh-thần quả quyết, đặng cân phân cùng các chủng-tộc nơi mặt địa-cầu này, nếu cân công-chánh ấy thiệt tướng của nó, thì thiên-hạ không có tương-tàn tương-sát với nhau, ngày nay máu sông xương núi, họ dùng lời dùng tiền, thực hiện công-chánh đặng lòn-loẹt nghĩa lý công-chánh của họ, con người chưa có đoạt đặng công-chánh thật sự

vì cơ con người chưa có mặt luật Công-Bình Bác-Ái dưới thế-gian này. Bởi cơ cho nên Đức Chí-Tôn buộc cả con cái của Ngài nhưt là Thánh-Thể của Ngài thi-hành cho được thiết tướng. Bởi vậy có câu Thánh-Ngôn của Ngài nói: “Ngày giờ nào các con dòm thấy một lẽ bất công nào nơi mặt thế-gian này thì ngày giờ ấy chưa thành Đạo”./.

18.- Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo Tại Đền Thánh Đêm 8 tháng 12 năm Mậu-Tý (6-01-1949).

HẠNH-PHÚC CHƠN-THẬT CỦA CON NGƯỜI

Hôm nay Bần-Đạo giảng tiếp cái hạnh-phúc chơn thật của loài người do nơi đâu mà có? Bần-Đạo đã tả do cuộc thiết-chiến nơi Cung Hiệp-Thiên Hành-Hóa, các Đấng Chơn-Linh cao siêu về trí-thức tinh-thần thiếu đạo-đức họ phản đối, họ cho rằng: Duy có bậc chơn-linh cao trọng, đủ tinh-thần, đủ quyền-năng, đủ phương-pháp mới ngó ngay “Tứ-Diệu-Đề” tức nhiên là điều khổ của kiếp sanh đặng lập vị mình. Phần nhiều các chơn-linh khác không thể gì đảm đương quyết thắng “Tứ-Diệu-Đề” ấy đặng, tìm phương thế đặng giải khổ. Mà biết không giải khổ đặng, hơn nữa vì quá khổ, họ tìm mảy may hạnh-phúc, họ phải tìm lấy hạnh-phúc đặng giải khổ, duy có phương thế là tìm lấy hạnh-phúc trong phương tối khổ vì cơ mà tạo ra oan-nghiệt tội tình, quả kiếp là do nơi đó. Bần-Đạo nói vì cơ ấy cho nên rủ nhau tìm coi cái hạnh-phúc chơn thật của kiếp sanh con người do nơi đâu mà có?

Bần-Đạo cũng luôn dịp để toàn-thể Thánh-Thể của Ngài toàn cả con cái của Đức Chí-Tôn lấy trí-thức kiểm hiểu coi nơi Cung Hiệp-Thiên Hành-Hóa các Đấng Trọn-Lành trả lời với họ thế nào? Bần-Đạo thuyết đêm nay hơi lâu một chút phải rán ngồi chờ để tâm mà nghe.

Bao giờ cũng vậy muốn thuyết cái chơn-lý, lấy cái Thể Pháp mà nhưt là dùng cái Thể-Pháp ngăn-ngủi khó lòng lắm, nhưt là phải thúc lại trong thời gian ngăn-ngủi này, vì thấy mỗi khi cúng

rồi cả thầy đều mỗi-một, nên Bản-Đạo không muốn để cho Hiền-Hữu, Hiền-Tỷ, Hiền-Muội, Hiền Huynh, Hiền Đệ một mỗi như thế. Khó lắm không phải dễ, thuyết-pháp không phải dễ, dễ chẳng là mấy bà lên nói hai ba câu rồi xuống kết cuộc của mấy bà là vậy thôi; thế nên hôm nay tóm-tắt như vậy thôi, cũng như có vị Giáo-Sư lên đài đứng sợ hãi quá, không phải dễ, chưa có ngày giờ tìm-tàng. Mỗi khi Bản-Đạo thuyết, Bản-Đạo để riêng một chỗ trống để cho tinh-thần toàn-thể con cái của Đức Chí-Tôn kiếm hiểu châm thêm cho được cao siêu, chúng ta có thể tìm-tàng được.

Bản-Đạo cố đưa chìa khóa cho cả thầy nắm trong tay, đừng mở ra hầu đui dắt cả thầy đi cho trọn vẹn trong khối Linh-Đài của Đức Chí-Tôn.

Ấy vậy chúng ta kiếm hiểu hạnh-phúc chơn thật của con người, tức nhiên của kiếp sanh, do nơi đâu mà có?

Bản-Đạo thường khuyên nhủ muốn kiếm một sự thật của một chơn-lý, hay một triết-lý vô-hình vô-cảnh khó lắm, chúng ta phải thấu đáo cho tận cùng, duy chúng ta tìm-tàng dễ-dàng là chúng ta chỉ tìm nơi cái Linh-Đài, lấy cái nhỏ mà tìm cái lớn.

Thoảng chúng ta muốn tìm phương-pháp giải quyết cái thống-khổ đương nhiên nơi mặt địa-cầu này, họ đương đi trong cảnh vô-hình để họ tìm hạnh-phúc cho nhơn-loại.

Ồi! Biết bao nhiêu cái mưu chước đang tìm hạnh-phúc, mà tội nghiệp thay cho nhơn-loại họ cũng tìm, họ đương khao-khát cái hạnh-phúc thương yêu đang để sống. Ai đề xướng ra tạo hạnh-phúc cho họ thì họ theo, họ chỉ theo Hitler vì họ tưởng Hitler tạo hạnh-phúc cho họ đang. Như dân Ý theo Moussolini họ cũng tưởng tạo hạnh-phúc cho họ được mà thôi.

Đương giờ phút này các chủng-tộc nơi mặt địa-cầu này, giờ phút này thiên-hạ đương bị lòn-loẹt vì hạnh-phúc ấy làm cho tinh-thần loài người đương hoang mang bất nhứt, cũng vì khao khát hạnh-phúc mà thiên-hạ bị lường gạt tinh-thần.

Chúng ta suy gẫm kiếm hạnh-phúc của loài người do nơi đâu mà có?

Bản-Đạo để cho cả thầy đều suy gẫm tìm kiếm. Bản-Đạo nói trắng ra thì chúng ta tự nghĩ mỗi anh em, mỗi người đều tự kiếm

lấy mình, kiếm nơi mình, coi hạnh-phúc mình ở chỗ nào, kiếp sống chúng ta từ thuở lọt lòng, hạnh-phúc ở đâu, tìm thử coi? Chúng ta không thấy gì hết, chúng ta duy có biết đau khổ mà thôi. Bởi cố cho nên, Bần-Đạo khuyên cả toàn-thể nhìn ngay “Tứ-Diệu-Đề” của Đức Phật Thích-Ca là đúng, mà sự phản-kháng của các Chơn-ling nơi Cung Hiệp-Thiên Hành-Hóa không phải là qua lẽ đó được.

Chúng ta biết, kiếp sanh ta khổ, kiếp sanh ta từ buổi lọt lòng Nam-Nữ cũng vậy, phải tìm coi hạnh-phúc do nơi đâu mà có. Bần-Đạo dùng phép hồi-quang phản-chiếu xem kiếp sống của Bần-Đạo, chịu thống khổ bao nhiêu, và được bao nhiêu hạnh-phúc chơn thật. Bần-Đạo phải đi từ chỗ nào? Bần-Đạo ngó thấy Bần-Đạo sanh ra gặp nhà nhân-tử đạo-đức, ông thân Bần-Đạo làm một vị quan của đời Pháp (lúc ấy, Bần-Đạo mới có bốn tuổi) chức tước ấy cũng khá, có dư dã, dư ăn, đủ mặc, nếu ăn hối-lộ có thể làm giàu được, nhưng ông thân của Bần-Đạo đạo-đức lắm, người dĩ-đức vi-trọng. Ông thường thấy sự bất công thì ông phản đối lắm, nhứt là trường hợp bị áp-bức nòi giống của đám dân nghèo. Dem tinh-thần ra cứu đời như thế nên đứng không bền-bỉ, vì vẫn bênh vực những kẻ yếu hèn, kẻ cô đơn, phản đối kịch-liệt với cái oai-quyền đặc-biệt của thiên-hạ. Thiên-hạ ghét những người phản đối với họ, nên họ đuổi mình, ra về với Bà Mẹ lo tảo lo tần mua bán nuôi sống. Bần-Đạo thứ tám còn con em thứ chín nữa ở với nhau như bầy con ở trong cái ổ nghèo ổ rách như vậy, mấy anh mấy chị họ lớn hơn họ lập nên danh kẻ có chồng người có vợ, chỉ có mình Bần-Đạo ở với Cha-Mẹ mà thôi. Bần-Đạo là con chót, con áp út phải ở trong gia-đình đó, ngay buổi ấy tưởng mình vô phước, mà ngó lại ngay buổi ấy Bần-Đạo chưa biết gì hết chỉ có biết thương nhau mà thôi. Thương cha có công sanh dưỡng và chơn chánh, thương mẹ bảo trọng gia-đình lo tảo lo tần nuôi con, thương anh em trong gia-đình, duy có biết thương mà lo học, sợ không học Ông Bà buồn rầu. Nói con không học Cậu, Mợ buồn lắm, vì thương yêu quyết chí học, học là tánh-đức của thiên-nhiên, thương nhiều quá, thương trong gia-đình hơn ai hết, anh em cũng vậy, hạng

nhứt là trong nhà bất hòa, là điều khổ hơn hết. Anh Chị bất hòa Bần-Đạo theo năn-nỉ, khóc lóc giải hòa, ngó lại hồi lúc đó đến bây giờ thì lúc đó hạnh-phúc nhiều hơn hết, chỉ có biết thương yêu mà thôi.

Đến chừng lập được thân danh ra đứng đọt với đời, kiếp sống từ đó xét lấy mình thời buổi ấy đã tính trong óc Cha đã chết hồi 12 tuổi chỉ ở với Mẹ, thương Mẹ sợ Mẹ chết nữa không biết ở với ai? Sợ quá chừng quá đôi khi nằm ngủ cũng sợ.

Ở tỉnh Tây-Ninh này người ta thường chôn đám xác ban đêm, khi ngủ nghe họ hò giựt mình thức dậy mò kiếm Bà Già, Bà Già hay hỏi con làm gì vậy? Con nghe người ta đưa đám xác con sợ Mẹ chết quá. Cũng vì sự thương quá đôi, chừng được 17 tuổi quyết định ra làm việc để trả hiếu cho Mẹ.

Bần-Đạo hiện tại ở Tây-Ninh thiên-hạ còn nhớ, buổi ấy không biết gì hết, duy có biết thương Mẹ mà thôi, thêm nữa mấy đứa em gái tới ngày giờ định gả lấy chồng chớ không còn ở chung nữa. Lúc ấy Bần-Đạo đã thi đậu, nếu ra làm việc với hãng buôn ăn lương lớn, mà sợ không biết nuôi Mẹ được không? Lại bị người anh rể nói: Em làm việc hãng buôn ngoài không có danh-dự gì hết, nghe lời nên xin sở nhà nước, làm việc mỗi tháng lương 70, 80 đồng là nhiều lắm. Ăn xài hơn ai hết mà cũng dư một đôi chục bạc để nuôi Mẹ. Đến chừng lương còn hai chục đồng một tháng, chừng đó thiếu nợ lại còn thêm một bà vợ nữa, công việc bối-rối ra không biết bao nhiêu nữa, tới chừng đó không còn lo cho Mẹ được nữa. Còn lo gì nữa được, lúc đó khổ về xác mà tinh-thần cũng khổ nữa, không biết buổi nào quên được, mà trong gia-đình khi đó tạo hạnh-phúc được chưa? Chưa tạo hạnh-phúc được thì bà Mẹ đã chết!

Năm Bần-Đạo được 22 tuổi, đau đớn biết bao nhiêu chỉ có biết một điều là lo lập thân danh đặng nuôi Mẹ, lập đặng thân danh để bảo trọng anh em. Đến chừng thành danh rồi khổ đáo để, Cha Mẹ đã khuất hết, dầu thương bao nhiêu cũng không còn, lại bị ác nữa là vợ con gia-đình sanh đẻ mãi, đâu có lo ngoài được nữa, khởi thống-khổ tâm hồn. Tới chừng cao sang sung-sướng ngó lụng lại không thấy Cha Mẹ, vì Cha Mẹ đã

chết hết. Hai Đấng ấy đã chết hết thôi mình đeo theo anh em, em chết nữa, lần lượt bao nhiêu người thân-ái đều chết hết, bao nhiêu cái thương nồng-nàn chỉ để nơi một người Anh Rễ, thương hơn anh ruột nữa. Có một người em gái thứ chín, đó là người bạn thân mến trong kiếp sanh của Bần-Đạo mà đã qui liễu rồi. Tới chùng ấy tâm hồn ngơ-ngẩn, xác thịt bơ thờ, đi ra ngoài đồng ngô ngọn cỏ, con chim nó cũng nhấc, nghe tiếng hát của mấy em cấy lúa, nghe tiếng hò của người chèo ghe, cũng nhấc tới nỗi đau thương. Từ ngày ấy, không biết buổi nào được vui, chỉ muốn tu, muốn tìm cảnh tu, cho đến từng tuổi này đáo để tâm hồn quá lẽ.

Nhờ Đức Chí-Tôn đem cây đuốc Huệ-Quang chiếu diệu tâm hồn này đặng gỡ mối đau khổ. Vì cơ cho nên Bần-Đạo theo, càng theo cái lý-tưởng càng để tâm hồn theo Ngài, rồi Ngài giao tình thương yêu nồng-nàn hơn muôn triệu lần của gia-đình nữa.

Hễ biết tu thì biết Đạo, hễ biết Đạo rồi thì biết điu-dắt anh em chị em tình thương yêu nồng-nàn đáo để, thương hình-trạng của thiên-hạ muôn ngàn đau khổ.

Bần-Đạo đã sống bao nhiêu năm khổ chỉ biết chung chịu điều thống khổ với nhau, mà mấy anh lớn, mấy chị lớn lần lượt họ đi về Đức Chí-Tôn hết, chỉ để một mình Bần-Đạo quần-quai gánh vác hai vai, khổ anh khổ em, mà các bạn còn bơ-thờ chẳng biết đạo hạnh là gì hết, nỗi lo Đạo-nghiệp, nỗi lo dạy-dỗ mấy em, nỗi lo cho đám con trẻ, mà mấy kẻ không có tay giúp đỡ vì Đạo, binh vực cho Đạo, mà tình-trạng thể tánh còn thay đổi.

Trái lại Bần-Đạo đem thân mình vô cửa Đạo đặng thoát ly thống-khổ cho tâm hồn, mà nó lại còn tăng thêm cái thống-khổ nữa. Hởi cái thống-khổ của Bần-Đạo nơi đâu mà sản xuất, trong cảnh khổ ấy Bần-Đạo cũng có thể tìm hạnh-phúc đặng mà sống, nếu không có hạnh-phúc thì Bần-Đạo đã chết rồi, chết hồi thuở thiên-hạ cường quyền áp-bức đồ lưu nơi hải-ngoại, chết hồi buổi Đạo nguy biến suy vong, nếu không có hạnh-phúc tinh-thần an ủi thì đâu có sống đến ngày nay.

Có chớ, có hạnh-phúc an-ủi được tâm hồn của Bần-Đạo là khối thương yêu của Bần-Đạo, thương yêu con cái của Đức Chí-Tôn, của triệu tâm hồn ấy là hạnh-phúc chơn thật.

Bần-Đạo không kiếm mà thể xác đặng mạnh-mẽ, năng-lực nó làm cho Bần-Đạo sống, sống đặng quyết thắng cả cái thống-khổ là do hạnh-phúc thương yêu ấy. Bần-Đạo yêu thương chơn thật con cái của Ngài, rồi Bần-Đạo thấy cả thấy con cái của Ngài thương yêu Bần-Đạo lại một cách chơn thành. Hỏi trong buổi chưa thương họ còn có kẻ ganh hiềm, ghét ngỏ, vì tinh-thần ganh tị của họ, nhờ sự thương yêu chơn thật của toàn thể con cái Đức Chí-Tôn đem chứng cứ ra công-lý, làm cho toàn cả thiên-hạ ngó thấy khối thương yêu công-bình Thiêng Liêng hiện-tượng ra, đặng làm chứng cho Bần-Đạo, vì thương yêu nên mới tạo hạnh-phúc, vì thương yêu nên mới tạo ra tổ-nghiệp. Ngày giờ này cái (*1) hạnh-phúc thiệt tướng là bởi khối thương yêu vô tận đối với con cái của Đức Chí-Tôn, tức nhiên là trong đạo-đức đó vậy. Hạnh-phúc nó làm cho Bần-Đạo sống một cách mạnh mẽ, sống một cách oai quyền, cả thấy đoán xét lại, khi chúng ta tạo dựng được một cái đại-nghiệp, hay gây dựng một công-nghiệp nào, mà đặng hưởng đặc-ân của nó, thì công-nghiệp ấy vẫn còn giá-trị.

Còn chúng ta có thể tạo công-nghiệp cũng không phải là một thời gian, một thời gian không thể gì đặng. Nếu cả triệu con người tin tưởng đặng, đầu công-nghiệp ấy đem mạng sống của mình đặng ký thác cho nó đi nữa cũng phải làm. Giá-trị gì một mạng sanh, đem đổi hạnh-phúc cho cả triệu người mà sao không đổi, cái hạnh-phúc chơn thật.

Bần-Đạo cho hay nếu Đạo Cao-Đài sẽ hưởng được cái hạnh-phúc vô ngàn của Đức Chí-Tôn ban bố ngày nay đã thiệt-tướng vì vinh-hạnh đó, Bần-Đạo đã lập được đại công đối với toàn cả con cái của Đức Chí-Tôn, Bần-Đạo đã lập được là nhờ cái quyền-năng vô đối của hạnh-phúc ấy.

Kỳ tới Bần-Đạo sẽ giảng thêm năng-lực thương yêu và hạnh-phúc của loài người./.

**19.- Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo Tại Đền Thánh
Đêm 15 tháng 12 năm Mậu-Tý (13-01-1949)**

**ĐỨC CHÍ-TÔN TẠO NÊN TÔN-GIÁO CAO-ĐÀI
CỐT TẠO HẠNH-PHÚC CHO NHƠN-SANH
& THÁI-BÌNH CHO ĐỊA CẦU 68**

Kỳ thuyết-pháp trước Bản-Đạo đã để một dấu hỏi: Đạo Cao-Đài có thể đem hạnh phúc cho nhơn-loại, tạo hòa-bình làm cho đại-đồng thiên-hạ đặng chăng?

Đã để dấu hỏi tức nhiên phải trả-lời. Chúng ta chẳng nên chỉ biết tin nơi Đức Chí-Tôn mà thôi, mà phải biết Ngài đến tạo nên Tôn-Giáo cốt yếu là đến ký tở Hòa-Uớc với nhơn sanh, tạo hạnh-phúc cho nhơn-sanh, và làm cho thiên-hạ hưởng đặng thái-bình nơi mặt địa cầu 68 này, tức nhiên chúng ta dám quả-quyết và để đức tin chắc-chắn rằng: thế nào cũng thành tựu, nhứt là có lời quyết đoán của Anh Cả Thiêng-Liêng của chúng ta là Đức Lý-Giáo-Tông đã nói:

“Đức tin một khối tượng nên hình,
Đã hiệp Vạn-Linh với Chí-Linh.”

Nghĩa là Đạo Cao-Đài đã thành, nhưng từ-từ đi lên cho đến cái địa cảnh vô đối của nó.

Ta choán biết Chí-Tôn đến ký Hòa-Uớc dưới thế gian này, chúng ta ngó thấy Hòa-Uớc của nhơn-sanh nhứt là các liệt-cường ký với nhau khoản này, khoản nọ, khoản kia đủ thứ, ký không biết mấy khoản.

Với Đức Chí-Tôn chỉ có hai khoản mà thôi:

1- Luật thương-yêu: Ngài định-luật cho chúng ta là thương-yêu, không phải thương yêu nhơn-loại mà thôi, mà phải thương-yêu cả toàn Vạn-Linh nữa.

2- Quyền công-chánh: Ngài chỉ định là quyền công-chánh. Từ thử, ta chưa ngó thấy Hòa-Uớc nào mà đơn sơ như thế, mà nó oai quyền làm sao! Không thể gì thực hiện đặng! Dầu cho tận-thể loài người cũng không khi nào thực-hiện ra đặng!

Chúng ta đã hiểu và tin rằng thế nào nó cũng thành, nhưng thời gian ta không biết định đoạt, ta chỉ lương-tri tức là lấy trí-tri để hiểu chơn-tướng của Đạo Cao-Đài, làm thế nào đem hạnh-phúc cho nhơn-loại hưởng được và tạo hòa-bình cho thiên-hạ cả Đại-Đồng Thế-Giới.

Chúng ta duy lấy trí-tri tìm hiểu thôi, chúng ta thấy cái quyền-năng của Luật Thương-Yêu thế nào. Tấn tuồng hiển nhiên hiện từ khi có loài người đến giờ, nếu không có sức mạnh-mẽ vô biên của Luật Thương-Yêu ấy thì Đức Phật Thích-Ca chưa có lập giáo thành tướng được.

Khi Ngài đến Ream luyện phép tuyệt-thực có bốn người theo Ngài, bốn người không phải theo Ngài làm Môn-Đệ mà theo coi Phật có đoạt Pháp đặng chăng? Đến chừng Ngài từ trên đỉnh núi tuột xuống, Ngài ăn uống lại. Bốn người ấy đợi Ngài ở chân núi thấy như vậy cho rằng Ngài đã qui phạm rồi, không có đoạt Pháp chi hết, nên bốn người bỏ đi.

Tới chừng Ngài đi thuyết-giáo Ngài tìm bốn người ấy, bốn người ấy biết Ngài chơn thật mới theo, trong bốn người chỉ có hai người trọng yếu hơn hết nhưng rồi đến cuối cùng chỉ còn có một người đoạt đặng Phật-Giáo mà thôi.

Đạo Tiên, Lão-Tử có một người Môn Đệ và một đứa ở là Từ-Giáp biết Đạo của Ngài, duy có ông Doãn-Hỷ theo Đức Lão-Tử đoạt phép truyền giáo mà Đạo Tiên còn tồn tại đến ngày nay.

Đạo Khổng-Tử, tuy vân, nó có Tam-Thập Lục-Thánh, Thất-Thập Nhị-Hiền, Tam Thiên Đồ-Đệ mà cả thầy Đức Khổng-Tử chưa chắc người nào đoạt đặng, duy có một người mà thôi, là Thầy Sâm, bằng cố là buổi chung qui Ngài kêu Sâm nói: “Ngộ Đạo Nhứt Nhi Quán Chi”, Đạo ta chỉ có một người biết mà thôi. Đức Chúa Jésus Christ có nửa người Môn-Đệ mà thôi, bởi Ông Pierre chối Đạo 3 lần khi ăn năn khóc lóc với Bà Maria mà xưng tội mình.

Mahomet có một người Môn-Đệ phụ nữ mà Đạo Hồi Hồi đã thành vậy.

Chúng ta suy đoán chỉ có thương yêu, duy có một người thương,

hoặc nửa người thương, mà các vị Giáo-Chủ đã lập thành Tôn-Giáo tại mặt thế này.

Chúng ta xét lại thấy Đạo Cao-Đài còn hạnh-phúc hơn các nền Tôn-Giáo trước, nếu nhận quả quyết thì có ba người, mà ba người tức nhiên nhiều hơn thiên-hạ rồi.

Cái thiệt-tướng của nền Tôn-Giáo Đức Chí-Tôn hiện-tượng do quyền-năng vô đối của Ngài mà đoạt được, trong đó các vị thừa mạng lệnh của Ngài đã vẽ nên hình, nắn nên tướng của nó. Bần-Đạo kiếu lỗi cùng con cái của Ngài, không phải tự-kiêu hay là tự-đắc chính tay Bần-Đạo có một phần khá lắm, vì cơ Bần-Đạo rủ chúng ta dùng phép hồi-quang phản-chiếu đặng định tướng diện của mình, cốt yếu là một phần-tử trong nền Tôn-Giáo, hễ mình coi chơn-tướng của mình, rồi tổng-số các chơn-tướng đó làm chơn-tướng của Đạo, Bần-Đạo thấy Đạo Cao-Đài nên hình đặng tức là thành tướng thương yêu vô tận vô biên. Nó nên hình có nét đẹp thiên-nhiên là nhờ vẽ với cây viết thương yêu mà viết nét Thiêng-Liêng cho Thánh-Thể của Ngài để theo nét thương yêu ấy đặng tạo nên hình-trạng thành tướng một khối thương yêu.

Ta không có mơ vọng và không có lường gạt tâm-lý như-sanh, trước mặt mỗi người đều thấy, hỏi do quyền năng nào tạo thành quyền-lực ngày nay.

Quyền Đạo ngày nay do Luật Thương-Yêu mà thành tướng vậy, mà nếu do Luật Thương Yêu thành tướng thì không có quyền-năng nào tàn phá nó đặng, nó có sợ chẳng là sợ luật thù hận. May thay cả lực-lượng thù hận cũng không xung đột được bởi có bàn tay Thiêng-Liêng gạt thù hận ra khỏi rồi.

Nó nên hình bởi sự thương yêu, trưởng thành trong sự thương yêu, bởi hình chất của thương yêu, hễ càng ngày càng lớn lên càng tráng kiện, nó sẽ làm chúa cả thù hận không hề xâm lấn nó đặng.

Nói quả quyết Bần-Đạo đã đánh tan thù hận ra, khi các đảng phái dùng quyền-lực đặng chiếm ngôi vị của Chí-Tôn để tại mặt thế-gian này.

Bần-Đạo đã can đảm dùng quyền của Bần-Đạo đánh ngã

hết đặng bảo trọng hình tướng Thiêng-Liêng của Đạo. Bần-Đạo lỗ vốn cũng nhiều, Bần-Đạo gánh lấy cả thù hận ấy, đặng bảo tồn hình-thể của Đức Chí-Tôn cho trọn thương yêu. Bần-Đạo dùng can đảm gánh cả thù hận của thiên-hạ mà bảo tồn khối thương yêu vô đối của Đức Chí-Tôn không cho hoen ố, như bợn.

Tại sao mà Bần-Đạo dám thí mình gánh vác thù hận đặng bảo trọng nó? Bởi biết nó là Chúa của hình ảnh, của quyền trị thế tương lai, nó là Thầy của thiên-hạ đặng trị thế, nếu không trọn vẹn nó lưu lại kiểu vở thô bỉ như nhớp thì không thể vì làm Thầy thiên-hạ đặng.

Các chi phái hồi đó dùng cường-quyền mà đoạt-vị. Bần-Đạo là Hộ-Pháp nắm giữ chơn truyền của Đức Chí-Tôn trong tay đây, mà để cho nó đoạt ngôi soán vị như các đời vua chúa từ trước lưu lại cho nền chơn-giáo của Chí-Tôn sao?

May thay, quyền ấy không xung đột được với Thánh-Thể của Chí-Tôn, nó đã bại trận, bởi Thánh-Thể của Ngài có người cầm Luật-Pháp oai-nghiêm tức là cầm cây huệ kiếm trong tay đặng gìn-giữ nền Chơn-Giáo nên hình được, nó nên được tức nhiên nó tạo cho thiên-hạ được, nó tạo oai-quyền của nó thành tướng đặng, thì tạo quyền cho nhơn sanh tại mặt địa-cầu này về tương-lai đặng./.

20.- Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo Tại Đền Thánh Đêm 18 tháng 12 năm Mậu-Tý (16-01-1949)

HÌNH-ẢNH PHẬT-MẪU TẠI THẾ-GIAN LÀ ĐỨC PHẬT CIVA& GIA-TỘC THIÊNG-LIÊNG CỦA MỖI NGƯỜI ĐỀU HỘI-HIỆP Ở CUNG ĐIỀU-TRÌ

Hôm nào đến nay chúng ta lưu luyến nơi Cung Hiệp-Thiên Hành-Hóa, chúng ta đã có thấy nhiều bài hay ho về tinh-thần chúng ta, có lẽ chúng ta ở mãi, nhưng chúng ta phải dục-tấn nữa, tấn bộ trên con đường Thiêng-Liêng Hằng-Sống.

Chúng ta đình lại, rủ các bạn đến đây, rất dễ, ngày giờ chúng

ta ở Cung Hiệp-Thiên Hành-Hóa tức nhiên gần nơi Diêu-Trì-Cung là nơi nhao rún của chúng ta, chúng ta chẳng phải dễ gì mà đi đặng. Các bạn nên nhớ rằng: Chúng ta là người hành khách, có một điều là muốn đi đến nơi Cung ấy, dám chắc mình ngưng bước rất dễ, chúng ta đặng một bà Mẹ yêu ái vô tận vô biên, tưởng coi bà Mẹ ở nơi ấy có thâm tình với chúng ta ra sao? Bần-Đạo đã thuyết-minh trong những điều Bần-Đạo có hạnh-phúc, Bần-Đạo nói thật có hạnh-phúc Bà Mẹ của Bần-Đạo đã qui liễu khi trước, đặng nhập vô hình thể Thiêng-Liêng, Bà Mẹ sanh chúng ta tình yêu ái nồng-nàn làm sao!

Chúng ta ngó thấy lúc mới sơ khởi, chúng ta còn vật-loại, biến thân lên cho đến nhơn-phẩm, Thiên-Thần, chúng ta đã có hạnh-phúc, đứng đến địa-vị như nhau, Đệ-Nhị xác thân chúng ta sanh xuống làm người ở trong Đệ-Tam Âm-Quang thì thấy cái liên khổ, trong khuôn-khổ nơi Cung Diêu-Trì thế nào?

Bần-Đạo giảng điều trọng yếu hơn hết, mỗi căn tu của chúng ta đây, chúng ta ngó thấy Bà Mẹ sanh của chúng ta chịu nguyên vẹn nơi Cung ấy. Đại-nghiệp nơi Thiêng-Liêng chúng ta đã đào tạo, Bà Mẹ sanh của chúng ta giữ-gìn một cách mật thiết, chẳng khác nào chúng ta thấy Bà Mẹ tại mặt thế này. Trong những cuộc lễ như ngày Lễ Chúa Giáng-Sinh tức là lễ Noel, Bà Mẹ mua đồ chơi cho con, thương con cho đến đổi, khi nó chơi rồi mỗi vật chơi của nó đều đem chắt trong một căn nhà, sự thương yêu trọng-hệ vô cùng, mỗi vật chơi của con đều để có thứ-tự, đến khi con lớn khôn rồi, đem ra làm dấu tích sơ sanh của nó. Bà Mẹ tại mặt thế này như vậy, hướng chi là Bà Mẹ Thiêng-Liêng đã để ngàn muôn triệu kiếp sanh, chúng ta đã đoạt được thế nào mà không lưu-luyến nó đặng. Mỗi việc gì, mỗi hành-vi gì, nơi

Cung ấy nó giục nhớ cho chúng ta những điều di-tích lại là mỗi cảm-tình vô hạn.

Ngoài ra còn một điều trọng-hệ hơn hết là nơi Cung của chúng ta hội-hiệp mỗi thân tộc Thiêng-Liêng của chúng ta đều hiểu biết cái hạnh-phúc.

Các bạn nên suy nghĩ lại, khi chúng ta lên Cung ấy chúng ta tạm nghỉ nơi Cung ấy, chúng ta nghĩ lại nơi thế-gian này, gia-

đình dầu đông-đảo, bất quá sống một trăm tuổi mà thôi, dám chắc bao nhiêu năm đi nữa cũng phải về, huống chi là các thân-tộc nơi Cung ấy đang chờ ta, đương trông ngóng buổi qui-hồi của chúng ta, họ muốn chúng ta trở về không uổng kiếp sanh, cái thâm-tình thường lệ là cái chi? Là cái tình của chúng ta yêu ái từ buổi xa nhau, nó khổ não lương-tâm đau đớn về tinh-thần vô cùng. Cần nhứt chúng ta phải biết, chúng ta là một hành-khách đó vậy, nơi đây hay là nơi kia, cả Càn-Khôn Vũ-Trụ của hình-thể biết bao nhiêu địa-giới.

Giờ này chúng ta sống nơi trái địa-cầu 68 này là cái nhà, trọng-hệ yêu-ái nhứt của chúng ta, tưởng chắc ai cũng sợ chết lắm, sợ chết rồi lìa khỏi trái địa-cầu 68 này, bị cái sợ chết mà sa đọa. Nếu họ hiểu biết cái chết của họ, thì họ không có bị cái khổ hải như vậy. Bần-Đạo nói quả quyết rằng: Trong Càn-Khôn Vũ-Trụ này, cái địa-cầu 68 này là hạng chót, hạng khổ não nhứt nơi mặt địa cầu này, kiếp sanh nơi mặt địa-cầu 68 này không phải đáng cho chúng ta lưu-luyến, mặt địa-cầu này khổ não lắm, khổ não hơn hết.

Chúng ta ngó thấy những cảnh tượng nơi mặt thế này là chúng ta dòm thấy những kẻ bộ-hành đi xa xứ-sở, thân-tộc họ ra bến tàu đưa đi, mà người đi cũng khóc, kẻ ở cũng khóc, khóc mà đi, khóc sao không ở nhà, người nhà khóc sao để cho người ta đi, nếu khóc thì đừng đi.

Bởi bộ-hành nơi cửa Thiêng-Liêng Hằng-Sống kia cũng vậy, chúng ta còn dục-tấn mãi, dục tấn trên nẻo Thiêng-Liêng Hằng-Sống mãi-mãi thôi chúng ta đi không bờ bến.

Trên Càn-Khôn Vũ-Trụ bao la thế này, mà con đường chúng ta phải bước đến, bước đến cái đại-nghiệp của Đức Chí-Tôn, chưa có chơn-linh nào biết cái đại-nghiệp vô biên, đại-nghiệp ấy chưa có ai thấu đáo cho tận cùng.

Các bạn cứ đi theo tôi, đặt bước vô cửa Thiêng-Liêng. Có hai điều tối trọng tối yếu của chúng ta là nơi Ngọc-Hư-Cung và Cực-Lạc Thế-Giái, ngày giờ đó Bần-Đạo sẽ dắt các bạn đến Cung Điều-Trì, Bần-Đạo cũng nên chỉ rõ Đức Phật-Mẫu đến tại mặt thế gian này đã tượng-trưng bên Ấn-Độ. Phật-Giáo Ấn-

Độ gọi Ngài là Civa Phật, là cái hình ở trên Bát-Quái-Đài chúng ta để trên nóc đó, thấy có “Tinh-Nhũ” nơi ngực của Ngài đó. Hồi buổi Chí-Tôn phân định, phân tánh của Ngài, lấy Khí tức nhiên là Ngài dùng cái “Linh-Pháp” của Ngài biến tướng ra Phật-Mẫu. Phật-Mẫu thuộc về Âm, Chí-Tôn thuộc về Dương, Âm-Dương hiệp lại mới biến hóa Càn-Khôn Vũ-Trụ, sanh ra vạn-vật.

Đức Civa Phật, Ấn-Độ làm một cái hình phân nửa giống đàn bà, còn cái tướng thì đàn ông. Bởi hồi đó con người chưa phân rõ chắc-chắn Nam-Nữ (Âm-Dương). Đức Civa trong huyết-khí tức nhiên là huyết, còn chơn-thần đào tạo chơn-thần là Đức Chí-Tôn. Đức Chí-Tôn là Phật, Đức Phật-Mẫu là Pháp, Pháp mới sanh ra vạn-vật Càn-Khôn Vũ-Trụ, vạn vật ấy là do nơi tinh mà ra, tức là Tạng.

Thần tức nhiên là Đức Chí-Tôn, Thần phân định khí, khí mới sanh ra tinh. Phật là Chí Tôn, Pháp là Civa tức Phật-Mẫu, Tạng là vật-loại trên Càn-Khôn Vũ-Trụ này.

Ấy vậy, Đạo-Phật thờ Phật-Mẫu chớ không phải không biết, dầu không thờ mà Đức Phật-Mẫu vẫn ngồi từ tạo-thiên lập-địa đến giờ, tức nhiên là Đấng tạo ra Vạn-Linh đó vậy.

Phật-Mẫu là gì mà không biết, có con mắt mà không biết Phật-Mẫu là gì? Kỳ tới Bần-Đạo sẽ tự dẫn các bạn vô Ngọc-Hư-Cung coi Cung ấy là Cung gì cho biết./

(còn tiếp)

(tiếp theo trang 97 Bài Tu Tại Thế của HT Lê Văn Thêm

(13) Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp năm Mậu Tý - 1948 Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh NXB, Đường Sáng- San Jose, California USA 1996, trang 147-172.

(14) Pháp Môn Bất Nhị: hay Lý Bất Nhị tức Pháp Môn không hai - Kinh Duy Ma Cật - Đinh Sĩ Trang - Năm 2002 - National Library of Australia Cataloguing in Publication Data ISBN 09585294 3 4, chương 9, trang 250.

Hết.

The Divine Path to Eternal Life

Bản dịch Đào Công Tâm & Chris Harney

(continued from TSTD 36,37,38)

17.- Delivered in the Tây Ninh Holy See 26th of December 1948 .(Lunar Calendar 26th Day of the 11th month, year of the Mouse) .

The Power of the Law of Love The Dharma of Justice & The Agreement between the Supreme Being and Humanity

Last time Bần Đạo preached about the true struggle at the Cung Hiệp Thiên Hành Hóa about those laws which religions have left on this earth. I also cursorily explained the law and dharma of the Supreme Being which he preserved for His holy body in order to implement his Third Covenant.

Bần Đạo has made you a promise, thus I will preach now of the Law of Love and the Dharma of Justice. Bần Đạo has spoken briefly of the power of the law granted by the Supreme Being at that time. At that time the law of punishment granted by the Supreme Being to humanity was not governed by an agreement. His Grace Chưởng Đạo did briefly explain in order that we may understand how the Supreme Being has obliged His holy body and all humanity to follow the law of love and the secret of way of justice. At that time Bần Đạo asked him and he stated: “Your master is like your father, and this father is the father of all, so why is it that the Supreme Being called himself ‘master’?” Then His Grace Chưởng Đạo replied, “A father is worthy of being called ‘father’ and a master is worthy of being called ‘master.’”

So now Bần Đạo would like to briefly explain the poem “Of the law of love and the rule of justice.”

His Law is Love His power is Justice
He knows only of virtue and nothing of Earthly machinations,
As Father I look after my children with care and diligence
As Master He welcomes them into His Divinity.

That is, He lets us understand the Third Covenant with heaven and He will oblige humanity, especially his holy body, to implement the law of love and the rule of justice.

And now Bần Đạo would like to explain to you the capacity of this Law of Love and the Dharma of Justice. We all have seen in front of us the tangible organization of creation - so we do not need to deeply analyse this. We can understand how, due to the law of love, this produces those animal beings that all have levels of loving affection. If they do not have this they cannot continue to multiply. If human beings cannot have love for each other or develop grace and feeling for each other then they cannot become wife and husband. If they do not have this ability they cannot have children to see their family perpetuated; to bequeath children and grandchildren for humanity.

From the time of creation right through to today the Law of Love has applied to all beings including humanity. If we would like to make the law of love more sublime, more noble, more respectable then this law has to be forged at the Ngọc Hư Cung and the Tây Phương Cực Lạc (Western Pure-Land, Sukhàvati), that is the Paradise of Extreme Joy. With the full explanation regarding the essence of the Law of Love, excepting the organization of creation of all beings in the universe, is the Cung Diêu Trì , the palace of the Universal Mother Goddess.

Indeed, to tell the truth, if the Supreme Being does not have love then he would not beget His second body; He is a friend, he

is the tangible instrument of the creation of the heaven and earth. If we are afraid of this instrument of creation, we are afraid of the creation of our own life. If the male side and the female side are afraid of their wife and husband respectively then no life can be created. They must have an intense love in order to become wife or husband. The wife and the husband should not only just love each other, but they must also look to even higher love. If we know the conscience of the race of a nation and the race of humanity, then we know we must create life. This is why a wife and a husband should not simply love each other but allow the Law of Love to take them higher – beyond themselves.

In this way Confucius established Confucianism to focus attention on human morals which were the foundation of his doctrine; a very resilient and stable foundation. And so his Confucianism has lasted over 2000 years and still has this original strength. Of course now it still has enough strength to effect change in the world while also acting as a stable philosophy. The fundamental source of human morals comes from love. This law of love the Supreme Being obliged us to follow. We must follow it if we are to sign the covenant with Him and then we must implement this law.

This agreement, which we signed with him, must be efficacious. He required us to sign with Him and implement this law so that we will not break faith with Him, already twice before we have signed such agreements and we have failed Him twice. Now did we observe if on these last two occasions He obliged you? Why not? Well, He did! But because He did not tell humanity, so, He did not oblige them. As He did not oblige them, so, you did not implement it. There was a law, but we were not obliged to follow it, as we were not obliged, so it was not followed.

This time the Supreme Being has not said so, but He certainly does oblige us, and as we are required this time we must implement

the rights of justice. We do not need to seek out heaven and earth or whatever, for this earthly organization, if there is no justice in terms of psychology, if there is no pattern of justice on this planet then Bần Đạo can be sure that the entire current organization cannot survive.

There is one imperfection we notice, because of a series of troubles, we are at each other's throats, because we would like to implement justice so we return to that which is fundamentally just as the pattern or model for the organization and operation of the world. Humanity abides in chaos, therefore, in terms of justice we have seen how this works, so we can not deny it, justice is only a matter of talk amongst people. It is a method of deception all countries use to pervert the psychology of humanity.

The scale of justice the people call "justice" but the world doesn't have justice yet. Of those who are strong, their idea of justice is different. If they are rich, their sense of justice is different. If they are noble their sense of justice is different. If they are honourable, their sense of justice is different. If they are poor then their sense of justice is also different.

The justice of humanity as we see it now is a false justice, because it is false it creates a series of troubles and so humans kill each other if they use this justice with a decisive spirit in order to bring all the races of the planet into equality, if this scale of justice can operate with true essence intact then today humans will not kill each other and our blood and our bones will be like the rivers and mountains; as they use words and money to implement a mere display which is the meaning of their justice. Humanity has not achieved real justice yet and so humanity has not yet seen real justice and love on this planet. Therefore the Supreme Being obliges all His children, especially His holy body (or Sacerdotal Council) must implement a sense of justice that reveals its true essence.

This is why one sentence of the Supreme Being's divine messages says "whenever you see one act of injustice on this planet it is a sign that the Dao has not yet been achieved."

Chưởng Đạo – the head of the Society of Foreign Missions. This is His Holiness Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Victor Hugo). He was appointed to this position by the Supreme Being.

Cung Diêu Trì - The Heaven of the Creation under the Mother Goddess. It is a palace located beside The Precious Jewel Lake.

Ngọc Hư Cung - Heavenly Council of Eternal Law , The Court of God, The Council of God , Divine Jade Palace.

Tây Phương Cực Lạc - a paradise of extreme joy.

18.- Delivered in the Tây Ninh Holy See 6th of January 1949 (Lunar Calendar 8th Day of the 12th month, year of the Mouse)

The True Happiness of Humanity

Today Bần Đạo will continue to explain where the true happiness of humanity resides. What Bần Đạo has been describing to you are the very real and present struggles of the Cung Hiệp Thiên Hành Hóa. Those who are souls, made sublime through knowledge, may nevertheless lack concepts of virtue (at this place). They tend to argue that only noble and respectable souls have the spirit, power and where-with-all to recognise the four noble truths, and know that the four sufferings as they pervade ones life might allow them to claim their spiritual positions. The majority of other souls are unable to undertake let alone resolve or conquer the four noble truths and thus try to seek a way to liberate themselves from suffering even though they do not know how to liberate themselves from suffering. Furthermore, because humanity bears the weight of so much suffering it is no wonder that we look for transitory happiness. They look for any kind of

happiness that may help them liberate themselves from suffering, but there is only one way to seek happiness and that is through suffering itself. And so they generate sin from such wrong deeds. This only adds to their karmic account. Therefore Bần Đạo has brought you together so that we may find out the source of true happiness in our lifetime.

By the way Bần Đạo has let His Holy body and all the children of the Supreme Being use their knowledge to find out (in this talk) how the Divine beings at the Cung Hiệp Thiên Hành Hóa give answers to souls that are reincarnating. So tonight Bần Đạo will preach a little longer. Please try to sit, wait patiently and listen as attentively as you can.

Whenever we want to preach the truth, we use the common dharma, but this dharma is especially difficult, because it is the dharma summarised in an extremely concise way. After each ceremony of ours everyone is tired, therefore Bần Đạo does not want you friends, brothers and sisters to be tired. It is very difficult. Preaching is not easy, it is extremely arduous, it is not like when our sisters go up to the stage and say a few things, two or three sentences and then finish, the conclusion of our sister is like that. Similarly today I will just make a summary. Remember just as there was a bishop went up to the pulpit, but stood there with stage-fright, we all find that it is not easy to preach because we do not have time to research our topics. Each time Bần Đạo preaches, Bần Đạo keeps a separate space for the spirit of all the children of the Supreme Being and His holy body to add more. In this way I try to ennoble these words with a more profound knowledge.

Bần Đạo is trying to pass to you a key, one that you can hold, one that will open the gate to, and guide you through, the all-encompassing conscience of the Supreme.

Therefore we can discover where the source of ones true happiness lies in this lifetime. Bần Đạo often offers the advice

that if you want to discover the truth within the Truth or discover an imperceptible philosophy then you have to set for yourself a difficult task; we must understand right to the end that we can easily find the answer in our conscience- for it is from the little things that you discover the larger truths. If we would like to find a way to resolve the suffering of this planet the answers are lying in the invisible realm where we can find happiness for humanity.

Alas, there are many pit-falls along the way to happiness. What a pity it is for this humanity who is trying to find it. These humans are longing for a happiness and a love through which they can live. Whoever initiates the creation of happiness for them then they will follow that person, thus they followed Hitler because they thought that he could create happiness for them. Another example – look at how the Italians followed Mussolini just because they thought he could bring them happiness.

At the present time the human race is beguiled by appearances, because of this, we have a happiness that ultimately makes humanity confused and inconsistent. It is because of this misplaced longing for happiness that the spirit of humanity is being deceived.

If we think profoundly enough, what will we discover regarding what is the true source of happiness? Bản Đạo shall let you think this over for yourselves and discover your own answers. Bản Đạo is speaking clearly! Each of us thinks of oneself in order to discover within the self the source of one's true happiness. In life from our birth onwards we have been asking, 'where is happiness – let us to find it!' But within ourselves we see nothing at all, we only know suffering, therefore Bản Đạo advises all of you to examine closely the four noble truths of Sakyamuni Buddha, there is Truth. The souls at the Cung Hiệp Thiên Hành Hóa cannot avoid this issue.

We know that our life is suffering. From birth onwards, whether we are male or female, we must seek out this source of our happiness.

When Bần Đạo uses the light of reflection to examine my life I see how much suffering I must undertake and note how much happiness I am allowed. Where should I start? I can see that I was born into a family of both clemency and virtue. My father was an official in the French Colonial Administration. At the age of 4 my father attained a good position and the family lived well. There was plenty of food on the table, nice clothes, but if my father had have been corrupt and taken bribes he would have been very rich. My father, however, was extremely virtuous. He considered virtue the highest of goals. He often objected to injustice, especially oppression of the poor. Because he committed himself to helping people he had difficulty keeping his position. He was always defending the weak and the lonely and he objected strongly to the authorities when they were unjust. Such people hated objectors like my father, and so he was eventually fired. After he lost his job he returned to the family house to work with my mother as a trader to make ends meet. I was the eighth child and I had a ninth younger sister. We lived as a herd of children in a very ragged nest. My other brothers and sisters made their way in the world with their own families, but I remained with my parents because the second last must stay with the family. At that time I thought I was unfortunate, but looking back, I did not know anything except that we all must love each other; that is, I had to love my father who caused my birth, who raised me, a genuine man, and I had to love my mother who nourished me, cared for and nurtured our family, and I had to love my brothers and sisters, it was because of this love that I studied hard, worrying that if I did not study hard enough, my grandparents and my mother and father would be sad and concerned. My parents would say “if you do not study, we will be very distressed.” It was because of love that I determined to study hard. Study is a virtue of nature. I loved them so much, even more than others in the family, and I also loved intensely my brothers and sisters, especially when there was disharmony amongst them. This was when there was the most suffering. If brothers and sisters could not be in harmony

with each other, I was often the one, in tears though I may have been, who tried to make peace. Looking back at that time and all that has happened since, it still was the happiest time of my life. The time when all I knew was love.

My father passed away when I was 12 years old, so by the time I completed my studies and started working I was living with my mother. I loved her dearly and was worried that she would pass away. I did not know where I would go after her death. I worried far too much, I even worried when I was asleep.

In Tây Ninh people often took part in funerals that stretched through the night, following them to their graves. While I slept I would hear people chanting. When I would hear these chants I would wake up and stumble towards my mother. She would ask me what I was doing. I would reply that I had heard people going to a funeral and that I was scared that she had died. This was because I loved her so much. When I was 17 years old I decided that I would go to work in order to support and return thanks to my surviving parent.

Bần Đạo at that time was living in Tây Ninh and people around here still remember this. Of course then I did not know anything, only the love of my mother, also, my younger sister had got married and moved out of the family home. By then I had passed my examinations and if I had taken a job with a large company, I could have had a high salary, but I was still worried whether I could look after my mother. Furthermore, my brother in law advised me that working for a commercial company provided no honour. Taking his advice, I decided to work for the government. My salary at the time was 70 – 80 piastres and that seemed so much! I spent more than others but still had some left to look after my mother. My salary left me about 20 piastres a month, but by now, I also had a wife to support. This made me confused because it was now hard to look after my mother. How

could I take care of all this? At the time I suffered physically and spiritually. It was a time I could not forget. Could I bring happiness to my family like this? It was when I could not that my mother passed away. I was 22 years old, how sorrowful it was, I only knew one thing and that was I needed to work to look after my mother, my brothers and sisters, but when you make a name for yourself then you suffer so much, especially when your parents have passed away. You retain so much love for them, even though they do not exist anymore. These feelings were intensified by the fact that my wife was about to produce our family and you can no longer worry about external matters. And here is the beginning of the mind's most intense suffering. When you find a noble and happy life you look back and you no longer see your parents, for they have already passed away. When one's parents pass away then the only thing to do is bond with your brothers and sisters but then your younger brothers pass away, and then, in their turn all the loving members of your family pass away and so, all the familial love I had was directed to my elder brother-in-law. I loved him more than my blood brother, and then my youngest sister, she was the dearest friend in my life, but she also passed away. It was enough to make a wanderer of my soul, and my body became indifferent to life. Outside I would look at the grasses, see the birds and I would remember. I listened to the songs of the girls as they sowed the rice, hearing the calls of the boatmen all reminded me of my sorrow. There were no longer any days of joy, and all I wanted to do was practise the Way and find for myself a noble location in which to do this. Up until this moment, my soul was a terrible thing.

Thanks to the Supreme Being I was provided with a touch of enlightenment, one that illuminated this small soul and liberated me from suffering. And so Bần Đạo followed Him, and the more Bần Đạo followed His ideal the more I offered my soul to Him. Then He delivered a Profound Love to me – a love a million times more rewarding than the love of a family.

If one knows how to practise the Way, then one knows the Dao / Tao. If one knows the Đạo then one knows how to guide ones brothers and sisters with the sense of this Profound Love. It means facing with love the situation of humanity with its thousand sufferings.

Bần Đạo has lived through many years of suffering and all I know is that we must share and undertake these sufferings together. But our elder brothers and sisters have one by one disincarnated and returned to union with the heavenly father. They have left only Bần Đạo to shoulder the burdens of this suffering; elder brothers are suffering, younger brothers are suffering but you friends still remain so unconcerned, as if you don't know the Dao at all. Bần Đạo has to take care of the religious work to teach and to guide our younger brothers and sisters, to take care of the young children. But people do not help the Dao or protect it. Moreover, in their hearts they change their nature.

On the other hand Bần Đạo has offered my life for this religion, I can liberate my soul from suffering, but all I see is an increase in suffering. What is the source of this agony? In such suffering I can find the happiness needed to live, if there was no happiness then Bần Đạo would already be dead. Dead since the time I was forced into exile (by the French to Madagascar), or maybe dead during that time when the Dao was in a state of emergency, and about to fall. If there was no happiness to comfort my spirit then I would not be alive now.

Indeed there is happiness but the happiness which comforts my spirit is the love that I have for the children of the Supreme Being, and the love of these million souls, that is true happiness.

Bần Đạo does not ask for it, but my physical body is strong and healthy. This power keeps Bần Đạo alive in order to conquer suffering using this love and happiness. Bần Đạo truly loves His children, so I know that all His children will return their true love to me. Of the time when there was no love there were people

who were jealous and made envious their spirits and there were those who held the true love of the children of the Supreme Being. They showed us proof of justice. A justice that makes the whole of humanity see clearly. So they now can see the sacred love of Justice which appears as the witness that supports my case.

Because of love happiness is created, because of love the deeds of our ancestors were guided. This time the true physiognomy of happiness is generated from the limitless love granted to the children of the Supreme Being, certainly this arises from the virtuous dharma. It is this happiness which enables me to live with strength and power; all of us should consider this point, whenever we establish a great action or achieve a great thing or complete some public work, we enjoy this special favour of strength and so that work remains valuable.

We can achieve some public good, but you cannot achieve it in a small period of time. No small period of time is long enough to achieve any sort of public good. If millions of people believe something to be beneficial, we may even have to sacrifice our life for that public good. We still have to do it. What is the value of one life? What if we exchange our life for the happiness of millions? Well that is true happiness.

I tell you now, if the Caodaist Religion can enjoy infinite happiness as it is provided by the Supreme Being then we begin to know the true physiognomy of honour. Bần Đạo has achieved a great work and presented it to the children of the Supreme Being. Bần Đạo could achieve this because of the incomparable power of the happiness I have been speaking of.

Next time Bần Đạo will explain more regarding the power of love and the happiness of humanity.

Cung Hiệp Thiên Hành Hóa - Palace of Divine Beings who hold the power to control all human beings in a universe of many

planets. The Palace (or department) of the Divine Alliance for preaching (the Way).

19.- Delivered in the Tây Ninh Holy See 13th of January 1949.(Lunar Calendar 15th Day of the 12th month, year of the Mouse)

The Supreme Being Created the Caodaist Religion in order to Create Happiness for All Human Beings and Peace For this 68th Planet.

In my last sermon, I left a question hanging: can the Cao Đài Religion produce happiness for all humanity and create peace for universal harmony?

The question has been asked so we must answer it. We should not only believe in the Supreme Being but we must know he comes to create this religion and is willing to sign the third great covenant with humanity to create happiness on Earth and allow people to enjoy profound happiness on this 68th planet. Certainly we dare to believe how it will be achieved. We are especially able because of the emphatic prediction of our spiritual elder brother, that is the Spiritual Pope (Lý Bạch, Li Po Ng}v). He said,

A great belief begets a figure,
Already united ten thousand beings with the Supreme.

That is the Caodaist Religion has been achieved step by step to lead us further into each incomparable realm.

We know that the Supreme Being has come and signed the agreement on this earth, we have seen how the agreements of human beings work, especially those amongst the great powers. They sign agreements between each other referring to this article, or that one, all kinds of articles in fact I, who knows how many.

With the Supreme Being there are only two articles:

1. The Law of Love. He determines that the law for us is love, not simply loving humanity, but a love for all beings.

2. The rights of Justice. He designates the rights of justice.

We have not seen any agreements which are as simple as this, nor so powerful. We have not seen agreements which are able to be carried into effect, even right through to doomsday itself even though humanity will remain unable to carry this into effect by itself.

We have understood and believe that it will nevertheless be achieved, but we cannot determine the time. We only instinctively know and ascertain through our wisdom and intelligence the true physiognomy of the Caodaist religion. How can we make a happiness for humanity to enjoy and to create peace for this race and for universal harmony?

We only get wisdom and understanding from seeking, only then we can see the power of the law of love. The drama that commenced with the start of humanity and has played itself out every since, if it lacked the boundless strength of the law of love, then Sakyamuni Buddha would never have established his religion.

When the Buddha engaged in esthetical starvation at Ream, there were four people who followed him, these four did not go with him as followers but went along to observe and see if he would reach enlightenment. When they saw Prince Gotama (that is: the Buddha-to-be) come down from the mountain and start eating and drinking normally, these four people who had been waiting for him remarked that he had returned to an earthly life and had not attained enlightenment at all and all four walked off and left him.

When he went out to preach he searched for these four people, and these four realised his authentic nature and so they rejoined him. Among these four there were only two who were essential to the cause, but at the end there was only one left who attained the way of the Buddha.

The Daoism of Lao Zi had one disciple, and one servant, (Tù-Giáp). Both of them knew the way, but only Doãn-Hỉ (Yin Hsi) followed Lao Zi and attained immortality. Through him Daoism developed right through to our own times.

Although Confucius (Kong Zi, Khổng Tử) has 36 saints and 72 sages and 3000 disciples, it still remains true that from all of these Kong Zi was not sure if any would completely realise his teachings. There was only one person who did, Master Sam. This is proved because in the moment before Kong Zi passed away he called Sam to him and said “my way – only you know it.”

And Jesus Christ had only half a disciple because Saint Peter denied him three times, before he repented, cried with and confessed to Mary.

At the start Muhammad had but one female disciple (Khadisha) and from then Islam was achieved.

We deduce that it is only love, there was only one person, or sometimes only half a person, who offered their love, from that these religious founders could establish their religions on this earth.

If we reconsider we see that Caodaism is more fortunate than these previous traditions if we accept, and this was sure, that there were three people, and with three this was more than the others.

The true physiognomy of the religion of the Supreme Being is created from His incomparable powers, from this truth the disciples, by the order of Đức Cao Đài, draw and mould its form.

May I offer my excuses to His children, it is not pride that makes me say this, but this hand has contributed a good part to that form through self-illumination, therefore I ask all of us to become self illuminated in order to recognise our physiognomy which is an essential element of this religion. If we look at our true physiognomies we see that all of us united collectively become the physiognomy of the religion. I recognise that Đạo Cao Đài has been established from immense and boundless love. It is formed from a natural beauty because it is drawn with love, writing a spiritual calligraphy for his divine body (the religion's hierarchy) which follow these arabesques of loving script and so create the form of universal love.

We do not dream nor hope, neither do we deceive the psychologies of humanity, everyone can see in front of them, so, ask where does the power come from, this power with which we form the current authority.

The current power of the Dao is formed from the law of love. If it formed from the Law of Love then there is no power that can destroy it. It might be concerned about the law of hate, but how fortunate it is that the whole force of hatred cannot give trouble because there is this divine hand that already turned aside all hatred.

It is formed from love, it grows by love, from the constitution of love the more it grows the stronger it becomes, it will become the master of hatred, and hatred will never be able to conquer it.

For sure I have defeated this hatred, when the party and factions had used the power of hate in order to occupy the throne of the Supreme Being on earth!

I was brave and used my prerogatives to strike down all of them so that I could conserve the divine physiognomy of the Dao. I have lost a great deal and have had to shoulder all this hatred in order to maintain the image of the Supreme Being for complete love.

I took courage as my main tool in the shouldering of this hatred. I struggled to protect the boundless love of our Supreme Being. I prevented it from being blemished and becoming besmirched. Why did I dare make such sacrifice and bear this hatred in order to protect such love? Because I knew that it would become the Lord of the image of that authority that governs the world in the future. It would be the Lord of those people governing the earth. If it were not complete then it would leave behind a blemished and rustic model unable to govern people.

The sects at the time used this power in order to forcefully take their positions, and I, who am the Hộ Pháp, hold the orthodox power of the Supreme Being in my hand, how could I let them usurp the throne and take their positions by force as if a king or a lord to maintain it for the religion of the Supreme Being?

How fortunate that those powers would not conflict with the Holy Body of the Supreme Being, it was defeated because in His Holy Body there is an imposing person who holds the law, that is, he holds the sword of wisdom and enlightenment in his hand to protect the true religion, allowing it to reach its true form. This can be formed, that is, it can create for people, it can form this power, and then it can create the power for humanity on this planet earth in the future.

Doãn Hỉ - Yin-Hsi :Lao Tzu (Lao Zi, Lão Tử) wrote his only book the Tao Te Ching (Đạo Đức Kinh) just before he walked away from the Chou empire that he had served. One day Lao Tzu decided to take his leave of the city and simply started walking towards the distant mountain pass to the West. Arriving at the gate leading out of the Empire, he was halted by the gate keeper at the border. This was a man named Yin Hsi, who asked him, “Before you retire entirely from the earthly world, will you please write some words for our enlightenment?” Lao Tzu agreed and before he walked out through the gates and disappeared into another realm, he left with Yin Hsi a slender collection of eighty-

one short chapters verse consisting in total of only around five thousand words, which is now called Tao Te Ching.

Đạo Cao Đài - Cao- Đài Religion.

Đức Cao Đài - God, the Supreme Being.

Hộ Pháp - is the one who unveils the Mystery of the Invisible and is the Maintainer of the Rules and laws of the New Religion /The Cao- Đài Religion. It is he who pronounces judgments on dignitaries and disciples, who elevates the dignity of the faithful through their merit and brings sanctions against those who have committed faults. He is actively involved in assuring that the religious Rules and Laws which have become Divine Laws are carried out in detail, in order to keep the dignitaries and adepts free of the suffering inflicted by the Lords of Karma.

In so doing, he watches over the positive progress of disciples in the Way of God, and guide all evolved souls to achieve the Divine Phase of the Great Spirit. He holds control over the Legislative Power both exoterically and esoterically.

Khổng Tử - Kong Zi , Confucius

Lý Bạch - Li Po , the Spiritual Pope of Cao- Đài Religion.

**20.- Delivered at the Tây Ninh Holy See 16th of January 1949
(Lunar Calendar 18th Day of the 12th month, year of the
Mouse)**

**The Image of the Divine Mother on the Earth is the Image of
Shiva. The Divine Extended Family of Each Individual will
will meet at the Cung Diêu Trì .**

For a while now we have remained at the Cung Hiệp Thiên Hành Hóa. We have learnt numerous interesting lessons regarding the nature of our spirit. We could stay forever, no doubt, on this very topic, but, I regret, we must move on so that we can continue our advance along the Path to Eternal Life. Sure we have delayed here. Instead of leaving we would rather invite friends here and spend time with them. And, of course, such a thing would be easy;

when we stay at the Cung Hiệp Thiên Hành Hóa we realise that it is close to the Diêu Trì Cung (The Palace beside Precious Jewel Lake). This palace is our original womb. No wonder it is not easy for us to move away from this area. But friends, you must remember this; we are but passengers and if you want to eventually arrive at this palace it may seem that all you need do is stop walking, but we have such an endlessly loving mother – just imagine if you could see how this mother expresses her profound love for us? Yes, I have explained previously in these sermons about the happiness that came from how my mother, who had passed away years before, entered into the spiritual form of the Great Divine Mother. All our mothers, all who show us profound love do.

How can we see those very primitive times when we were just matter? How can we see how we were transformed in the direction of human and even angelic rank? Finally, how can we achieve happiness and reach the position we so long to attain? Our second bodies reincarnate again and again and became human. In the Third Yin Light we saw the law of continual suffering. This manifests itself in the form and grandeur of the Cung Diêu Trì.

I would like to explain what is a most essential point, for it is linked to each cornerstone of our practise for the Way. Now, we have already seen our mother complete in Her Palace. The great works in the spiritual realm which we have encountered, our Great Divine Mother has preserved. She has cared for our works with care. This is not so different from how our mother has behaved on this planet. Remember our holidays, such as Christmas or Noel, when a mother buys toys for her children? It is an expression of her love for them. After her child finishes playing with the toys she takes them into the house. By her profound love she keeps the toys in pristine condition. When the child grows to adulthood, the mother looks upon the toys as a trace of the child's early/primitive years. Just as our earthly mother does such things, so much more than this does our Great Divine Mother work! She

who has lived through millions of lives. What can we attain by this? How can we not be amazed? Every action at her Palace helps us remember these traces of her endless affection for us.

Besides this, there is another essential point; it is at this Palace that we meet our extended spiritual family. Then we have certainly understood this special kind of happiness.

You friends should consider that when we arrive at this palace we have the chance to rest here for some time. Now, here on earth even if we can create a great family, the most we can hope to live for is about 100 years. Whatever the number of years you have left to you, you still must die one day (and leave your family). Whereas, our extended spiritual family are waiting for us right now, waiting in this place. They are expecting our return. They want desperately for us to return. They do not want us to waste our lives. So, if I ask, 'what is our standard experience of love?' It surely must be the love we experience since before our last departure. Although we suffer so much in terms of our conscience and our spirit (as we reincarnate), the most important thing for all of us to remember is that we are merely a passengers. We might live over here or over there, for in this universe there are, as you know, numerous planets.

At this time we are living on the 68th planet. It is the most loving house we have. Around us we see that everyone is afraid of death. This is because everyone is worried that if we die we will leave this planet 68. Everyone is worried of that death where we fall downwards. If we understood our death, however, we would not need to undertake this kind of suffering. I am sure that in this universe and on this planet that is 68th in ranking, we are in the lowest class. We suffer the most. Our life on this planet is not so worthy that we should grow too fond of it. Our planet is full of suffering - it is the planet itself that suffers the most in fact.

Now, we have seen some sights on this planet, I mean, we have seen the passengers going far from home, their relatives go out to the port and say goodbye. The ones who are leaving cry, the ones who are staying cry. They cry but yet they leave. If you are going to cry so much why go in the first place? The people who are staying cry even more – if you are going to cry that much why let them go? Why all the tears? Why leave?

For passengers at the door to Eternal Life its just the same. However, we must continue our progress ever further along this Divine Path to Eternal Life. All the time we progress and do so without limits.

Throughout this vast universe, along the path we use to arrive, we come towards the great work of the Supreme Being. There is no one soul who yet knows this limitless work. There is no one who can understand this work to its very end.

You, friends, must follow me in order to enter the Divine Door. We face two of the most essential things in this area; these are the Ngọc Hư Cung and the Cực Lạc Thế Giới. And when the time comes I will guide you to the Cung Diêu Trì. I must also point out to you clearly that the Great Mother Buddha who descended to this earth represents the Shiva Buddha in India, and so you see the statues on the Bát Quái Đài and we know we have already seen the breadth of her chest.

At the time (in the beginning) when the Supreme Being decided to divide His “Tánh” (i.e. His nature) and did so using the khí (qi, energy), we can say he used his mystical dharma to beget and develop the physiognomy of the Buddha Mother.

The Buddha Mother belongs to the yin, the Supreme Being belongs to the yang, when the yin and yang are united together they beget and transform the cosmos and generate the 10 000 things.

Regarding Shiva Buddha, we note that the Indian people sculpt a statue of her and half of it looks female but her physiognomy resembles the male. This is because at this time humanity could not distinguish surely enough the yin/yang composition of heaven. The Shiva Buddha in energy (qi) and blood, and from this the Supreme Being created the perispirit. The Supreme Being is Buddha, the Buddha Mother is the Dharma, the Dharma then creates the 10 000 things of the universe. These 10 000 things come from the essence (tinh, jing, material) and are called “tăng/ the sangha” or the global community.

The Spirit which is the Supreme Being divines and decides the development of the khí / qi, the khí / qi then begets the “tinh.” While Buddha is the Supreme Being, the Dharma is Shiva, that is the Buddha Mother and the “tăng” constitutes the beings of this universe.

Therefore Buddhism worships the Buddha mother, of this they are aware. Although they may not venerate Her, still She was there since the beginning of heaven and earth. So we say She is the Being who created all the beings of the universe.

Who is the Buddha Mother, why don't we know this? We might have eyes, but we don't know about her. Next time I will guide you to enter the Ngọc Hư Cung and we will examine the mystery of this palace.

Bát Quái Đài - the Council of the Great Spirits which heads the Eight States of Soul, the Eight-sided Palace of God's presence, the Eight Trigrams Palace.

Cung Hiệp Thiên Hành Hóa – Palace of Divine Beings who hold the power to control all human beings in a universe of many planets. The Palace (or department) of the Divine Alliance for preaching (the Way).

(continued on page 176)

Thử Tìm Hiểu Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống

(HT Hồ Hoàng & HT Kim Minh)

(Tiếp theo từ TSTD số 36,37,38)

- 1960 Đây sông tấp nập thuyền bè,
Mặc tình tưởng tượng thì e sai rồi...
- Hãy nghe tường-tận khúc-nôi,
Hộ Pháp thuật lại từng hồi xảy ra.
 Lưu tâm bất luận trẻ già,
- 1965 Thiên Phong Chức Sắc biết qua để hành.
 Dõi nhìn bối cảnh xung quanh,
Bao nhiêu diễn biến kể rành chẳng sai.
 Trên đường giục tấn dặm dài,
Giã từ “Vú Mẹ” mấy ai đồng tình?
- 1970 Vì đang hưởng phước hồi sinh,
Vô vàn hạnh phúc đời mình lên hương.
 Vui vô đối, khó chán-chường,
Ở cùng với Mẹ tình thương nồng-nàn.
 Cuộc đời khỏi sợ lằm than,
- 1975 Giờ xa lại ngại lỡ-làng bước chân...!
 Bầu “Linh Nhũ” quý vô ngần,
Ngậm hoài vú Mẹ cho thân thêm tròn...!
 Ta từng dạy bảo đàn con,
Khuyên răn từ thuở chúng còn thơ ngây,
- 1980 “Đi cho biết đó biết đây”
“Ở nhà với Mẹ biết ngày nào khôn...?”
 Quyết tâm trẩy gót chân đồn,
Giã từ “Cung Mẹ” mới khôn phi thường.

Càn Khôn Vũ Trụ ngàn phương,
 1985 Ta càng giục tấn con đường thêm xa...
 Hành trình đặng-đặng bao la,
 Vô biên vô giới thật là mông-lung...
 Ta đi đi mãi khôn cùng,
 Làm sao tạo được cả khung địa hoàn...?
 1990 Để mình làm chủ không gian,
 Càn Khôn Vũ Trụ hoàn toàn trong tay.
 Làm sao ta giống như Ngài * (ĐCT)
 Quyền năng vô tận không ai sánh bằng.

Chí tài hun đúc thêm hăng,
 1995 Lập Công, Lập Đức lòng hằng khắc ghi.
 Lập Ngôn từ thuở xuân thì,
 Cho đường tấn hóa bước đi vững vàng...!



VI - NGỌC HƯ CUNG

*

Bây giờ đối cảnh chói chang,
 Lạ lùng huyền bí ngõ-ngàng mất hoa.
 2000 Mọi điều trước mắt chúng ta,
 Chơn Thần xuất hiện Pháp Hoa tự thành.
 Cái chi mình tưởng có nhanh,
 Miễn lòng ta muốn hiện rành ra thôi.
 Thật là ngoài sức con người,
 2005 Vô cùng khoái cảm vui tươi đậm đà.
 Nơi Cung Phật Mẫu vừa qua,
 Ngỡ rằng hạnh phúc mới là tuyệt luân.
 Nào hay mỗi bước thêm nhuần,
 Càng đi càng thấy gian truân giảm nhiều.
 2010 Tinh thần nhẹ-nhõm phiêu-diêu,

- Lâng lâng sản khoái như điều tung mây.
 Vui trong hạnh phúc tràn đầy,
 Cứ dâng cao mãi lòng ngây ngất lòng.
 Say ngùi thông bước thông dong,
 2015 Gặp toàn Bạn Đạo chung dòng khắp nơi.
 Đâu đâu cũng đón reo mời,
 Bà con cô bác đầy vơi lệ mừng...
 Không hiềm kẻ lạ người dưng,
 Tựa người xa xứ gót dừng thăm quê.
 2020 Thân thương Tộc Họ bộn bề,
 Vườn xưa nhà cũ làm mê-mẩn rồi.
 Thâm tình cạn tỏ khúc nôi,
 Bấy lâu xa cách mấy hồi nhớ thương...
 Hằng muôn vạn kiếp đoạn trường,
 2025 Ngày nay có dịp được tương hội cùng,
 Mọi người sắc thái ung dung,
 Chẳng hề nghe tiếng náo nùng rên than...
 Không ai ngược đãi phũ phàng,
 Không ai lâm cảnh trái ngang nơi này...
 2030 Chỉ toàn hớn-hở vui say,
 Sững nhìn đồ sộ lâu đài trắng phau...!
 Ai ngờ Cung Ngọc tươi màu,
 Là Cung Trị Thế thanh cao vô vàn.
 Càn Khôn Vũ Trụ thế gian,
 2035 Năm quyền điều khiển hoàn toàn chí công.
 Thương yêu hòa ái đại đồng,
 Công bình tuyệt đối mấy long chẳng vì.
 Bút tài nào đủ chép ghi,
 Lâu đài chớ-chở uy-nghi rõ-ràng.
 2040 Xa trông lồng-lộng hào quang,
 Trắng trong, đùng đục như màn pha lê.
 Khí thanh chiếu diệu bốn bề,
 Vừa nhìn đã thấy lòng mê-mẩn rồi...
 Kỹ sư, kiến trúc chịu thôi,
 2045 Làm sao kiến thiết Cung Trời nổi đây?

- Khổ tâm lao trí dạn dày,
 Cũng đành phải chịu ngất-ngây đứng nhìn.
 Ngọc Hư biến dạng lung-linh,
 Lâu đài đồ sộ muôn hình đẹp tươi,
 2050 Chí Tôn Ngài ngự trên ngôi,
 Diệu huyền vạn pháp Cung Trời triều nghi.
 Oai linh thần bí nể vì,
 Hào quang chiếu diệu Cung Vi ngọc ngà.
 Brahma, Civa, Christna,
 2055 Ba Ngôi Phật ngự giữa Tòa Cung Thiên.
 Huỳnh Kim Khuyết ánh chớp liền...
 Kế hàng Cửu Phẩm Thần Tiên dự triều.
 Pháp thân những Bạc cao siêu,
 Công viên quả mãn Giáo Điều trọn tin.
- 2060 Thanh quang loang loáng Triều Đình,
 Pháp thân thay dạng đổi hình rập theo...
 Chơn Hồn mình cũng bay vèo,
 Nhập vào cảnh giới xuôi theo một dòng...
 Bây giờ mới gặp Tổ Tông,
 2065 Gia đình đoàn tụ muôn lòng hân hoan.
 Để mình khỏi bị ngõ-ngàng,
 Tông Đường chỉ dẫn lo toan dạn-dò.
 Cung này chẳng phải nhỏ to,
 Chỉ cần tưởng tượng thế cho ngôn từ.
 2070 Chớ nên tưởng Phật hay Sư,
 Vì Thần hoặc Thánh giống như mọi người.
 “Phẩm” dành nhân thế mà thôi,
 Thánh, Thần, Tiên, Phật danh hồi trần gian.
 Chỉ nơi “sáu tám” địa hoàn,
 2075 Tiếng tâm Tiên Phật âm vang mọi miền.
 Tinh Cầu lấm phẩm Thần Tiên,
 Hai ngàn bảy trăm triệu riêng Chơn Thần.
 Mỗi người mang lấy một thân,
 Ai ai cũng có Chơn Thần khác nhau.

- 2080 Dù cho cốt nhục đồng bào,
 Mỗi người một tách không sao hợp cùng.
 Địa cầu năm trái mông lung,
 Kim, Mộc, Thủy, Hỏa chập chùng Thổ Tinh.
 Quần sanh tùy tính tùy hình,
- 2085 Càn Khôn Vũ Trụ rộng thình khôn lường.
 Ba ngàn Thế Giới bốn phương,
 Lại thêm mười một ở đường nào đây?
 Hiếm người thấy được chỗ này,
 Chỉ người “huệ nhãn” đã dày công tu.
- 2090 Mới nhìn xuyên áng mây mù,
 Mới dùng định lực tiếp thu thể hình.
- Khung Trời mờ ảo lung linh,
 Nếu không “huệ nhãn” chẳng nhìn thấy đâu?
 Nhân loài rải khắp tinh cầu,
- 2095 Thích Ca cứu rỗi từ lâu khổ truyền...
 Gia đình Lão Tử Đạo Tiên,
 Nhơn luân Khổng Tử mối giếng phu thê.
 Mahomet giữ câu thề,
 Đạo Người truyền bá từ quê đến thành.
- 2100 Chúa Trời Tộc Họ lừng danh,
 Vinh quang hơn hết phải dành Quan Âm.
 Quản bao nắng dãi mưa dầm,
 Từ Hàng Bồ Tát quyết tâm cứu đời.
 Gia đình mỗi Đấng một tươi,
- 2105 Chơn Linh đầu thế định rồi Tộc Tôn.
 Nương theo đại nghiệp bước dồn,
 Vun bồi “sản nghiệp” sớm hôm bảo toàn.
 Để khi lìa khỏi trần gian,
 Thỏa tình Tông Tộc Thiên Đàng dôi trông.
- 2110 Trùng hoan phải nhớ dặn lòng,
 Tông Đường tô điểm quyết không hững hờ.
 Để khi cầm quyển Thiên Thơ,
 Hồi quang phản chiếu từng giờ từng giây.

- Vinh thăng hoặc phải đọa đày,
 2120 Chính mình tự xử gian ngay cũng mình...!
 Nam Tào Bắc Đẩu lặng thình,
 Trước thêm tội phước luật hình do ta.
 Dù cho vua chúa ngọc ngà,
 Dân đen khố rách chẳng qua công bình.
 2125 Nịnh thần, tiết liệt, trung trinh,
 Tự ta quyết định tội tình kiếp căn.
 Chơn Hồn ghi chép chuẩn thăng,
 Giác Hồn luân chuyển đọa thăng bao lần.
- Thấy đều qui định chia phân,
 2130 Chỉ gồm hai hạng xuống trần tùy duyên.
 Một là quả nghiệp di truyền,
 Tội đời, nợ trả mới yên mọi bề...
 Luật hình quá đỗi gồm ghê,
 Minh gây tội chường lỗi về Tộc Tôn.
 2135 Mỗi khi đổi xác thay hồn,
 Tông Đường đủ mặt nóng nôn đợi chờ.
 Xem mình có được sỗn sơ,
 Trái bao “nghiệp chường” bấy giờ ra sao?
 Oan oan tương báo thế nào?
 2140 Con đường chí thiện đời trau tận tình...?
 Chơn Hồn đạt pháp chí linh,
 Hay còn lận-đận hành trình xẹo xiên...?
 Tạo nên nghiệt-ngã ưu phiền,
 Thú hình lụng lại xích xiềng đeo mang...!
 2145 Khiến cho Tông Tộc bẽ-bàng,
 Tội mình di hại liên can Tông Đường.
 Vậy mình, mình có đáng thương,
 Hay là tội nghiệt chán-chường oan gia?
 Thứ hai vào hạng ngọc ngà,
 2150 Xuống trần du học gấm hoa bảng vàng.
 Lắm người an hưởng giàu sang,
 Có người đổ đạt giữa đàng qui Thiên!

- Nói chung không đáng ưu phiền,
 Tùy cơ phát triển tự nhiên mỗi người.
- 2155 Thanh bần hiếu học, giàu chơi,
 Do Cha với Mẹ dụng lời dạy răn...
 Hạng này giữ được tâm hằng,
 Chẳng ưa đua nịnh nhớ-nhăng cũng từ.
 An nhàn ví tựa nhân ngư,
- 2160 Cao sang quý phái loại trừ rác rưởi.
- Học thông hiểu rộng xong rồi,
 Trở về Tiên Cảnh sẵn ngôi sẵn phần.
 Tiểu Hôi lăm nổi gian truân,
 Biết bao nhiêu kiếp mới gần cõi Thiên...
- 2165 Tu sao cứu giúp Cửu Huyền,
 Lo tròn nhân quả bước lên Đại Hôi.
 Bởi do căn cội mình thôi,
 Quyển kinh Vô Tự ghi rồi dễ sai.
 Án kêu khó nổi van này,
- 2170 Vì mình định án nào ai buộc ràng.
 Tòa này khác biệt thế gian,
 Trạng sư chẳng có dẫn đường tội nhân.
 Điều do Thẩm Phán Chơn Thần,
 Khó mong di dịch cán cân chính mình.
- 2175 Ấy đường đạt pháp Chí Linh,
 Còn như chối bỏ thú hình đeo đai.
 Phải đi đầu kiếp đọa đày...
 Càng thêm tội ác lá-lay cơ cầu...
 Tông Đường liên đới buồn đau,
- 2180 Nằm trong thảm cảnh nghẹn-ngào hay chẳng?
 Quan Âm Bồ Tát ai bằng,
 Tông Đường cao nhất vinh thăng bặt ngàn.
 Tạng Vương Đức Phật chói chang,
 Tông Đường cũng đứng vào hàng thứ hai.
- 2185 Lao tâm, lao trí miệt mài...
 Tông Đường Di Lạc đứng ngay sau liền.

- Mới hay ở cõi Thiêng Liêng,
Mọi người đều có Tộc riêng đón chờ...
Hãi hùng khi thấy con thơ,
2190 Ham làm tội ác, hững-hờ thương yêu.
Nhìn con chí thiện mỹ miều,
Tông Đường hãnh diện tưng tiu reo hò.
- Chí Tôn cũng đã hằng lo,
Lập nên Thánh Thể dạy-dò dạy khuyên.
2195 Lập công bồi đức tu hiền,
Nói lời đáng nói tùy duyên độ người.
Vào hàng Thánh Thể phải tươi,
Trăm cay ngàn đắng cũng cười vượt qua.
Thương yêu hòa ái thật thà,
2200 Giữ gìn giới luật thiết-tha cội nguồn.
Dè chừng ngăn lệ trào tuôn,
Phạm Qui đuổi khỏi Tông Đường bơ vơ...
Nào đâu phải việc bất ngờ,
Khai trừ là tội sờ-sờ quả tang.
2205 Gia tâm chớ để muộn-màng,
Chuyện đời ân hận thế gian đã từng.
Tông Đường chẳng thể dửng-dưng,
Nỗi lo trắc trở, nỗi mừng thành công.
Con đường giục tấn thìn lòng,
2210 Chu tròn “tam lập” để mong ngày về.
Dù đường lập vị nhiều khê,
Thìn lòng vẹn giữ câu thề trước kia.
“Phục linh” lối dạy ôi kìa,
Trùng trùng thiên hạ sốt chia thân tình.
2215 Chỉ dùng ngôn ngữ lặng thinh,
Âm thâm liên tưởng bóng hình hiện ra.
Người thân chí đến ruột-rà,
Đổi trao tâm sự gần xa đủ điều.
Ân cần dặn bảo chặt-chiu:
2220 “Bên trong ẩn chứa lắm điều đổi thay...”

“Khá tua tĩnh trí cầu Thầy”
“Định tâm, định tánh chớ lay tinh thần”
“Linh Hồn, Hộ Pháp cầm chân”
“Phục Linh Tánh Phật tốt trần Kiêm Câu”

- 2225 “Kiêm Câu phát nhẹ qua đầu”
“Hồi Quang Phản Chiếu hiện mau ra liền”
“Kiếp trần mấy độ oan khiên”
“Dập dồn hiển hiện nhãn tiền khúc nôi”
“Đại Hồi trở lại Tiểu Hồi”
- 2230 “Quay về vật loại là nơi xuất hành”
“Rọi soi nguồn cội chính danh”
“Trải bao gian khổ quả dành hôm nay”.
Đường tu thăm-thẳm đậm dài,
Địa cầu “sáu tám” mấy ai đâu là:
- 2235 Nguyên nhân đầu kiếp gần xa,
Chỉ toàn vật loại chính là hóa nhân.
Quý thay các đẳng Chơn Thần,
“Ngươn Linh Vạn Vật” sống gần như nhau.
Chuyển luân hóa kiếp tươi màu,
- 2240 Chẳng qua cốt ở đời trau chính mình...
Ngày nay Di Lạc quang vinh,
Năm quyền Vũ Trụ Cung Đình xét soi.
Nói gương ta gắng học đời,
Thuở xưa Ngài cũng là loài dã nhơn.
- 2245 Đó hồi Thất Chuyển Hạ Ngươn,
Thân làm đây tớ có hơn ai nào?
Bây giờ Ngài được thanh cao,
Cầm Cơ Chuyển Thế tơ hào dễ sai...
Dõi nhìn vạn dặm đường dài,
- 2250 Thích Ca mấy kiếp đầu thai thẳng trâm...?
Một ngàn năm trăm triệu năm.
Thời gian đàng-đẵng quyết tâm ngời Thiên,
Đốc lòng nường bóng cửa Thiền,
Công bình bác ái tùy duyên độ người.

- 2255 Nên Ngài mới được xinh tươi,
Cầm quyền Cực Lạc cuộc đời thăng hoa.
- Ngọc Hư Cung Điện chói lòa,
Mau vào để được hiểu qua nơi này.
 Khung Trời bí ẩn là đây,
2260 Vừa trông đã tối mặt mày trộm lơ.
 Thiên Cung quả thật khôn ngờ,
Điện vàng óng-ánh đường tơ chập-chờn.
 Ngọc Hoàng hoặc Đại Thiên Tôn,
Mình Ngài hai chức vĩnh tồn cao siêu.
- 2265 Ngọc Hư lộng lẫy Cung Triều,
Cần Khôn Vũ Trụ bao nhiêu năm quyền.
 Mặt trời lóng lánh thâm uyên,
Vành trăng bằng bạc con thuyền bể khơi.
 Sao đêm chói lọi bầu trời,
2270 Chim vàng, cỏ mượt tốt tươi đầu ghềnh.
 Cánh bèo, hoa dại chông-chênh,
Hai sương một nắng bông-bềnh bể dâu.
 Hoặc trong ngọc các phụng lầu,
Toàn Cầu Thế Giới năm Châu địa hoàn.
- 2275 Thấy đều do lệnh truyền ban,
Ngọc Hư phán quyết rõ-ràng cân phân.
 Nhưng không giống chốn dương trần,
Mọi điều tội phước bản thân thẩm hình.
 Chơn Thần phán xét công minh.
- 2280 Chính mình luận án cho mình mà thôi.
 Ngọc Hư tác phước cho người,
Chớ nào có “trị” tại nơi chốn này...?
 Tội mình biết trước mảy may,
Chơn Hồn sẽ kết thêm dày đau thương.
- 2285 Rõ ra Hồn sẽ chán-chường,
Không còn muốn sống nấu nường cõi trần.
 Phật cầm quả kiếp lương cân,
Tìm phương chế giảm đôi phần tội căn.

- Thế nên ta chớ nghĩ xằng,
 2290 Hành tàng lệch lạc nói năng hồ đồ.
 Mặt dôi, mày kẻ, môi tô,
 Tùy tâm, tùy tánh tha hồ điểm trang.
 Làm sao để khỏi bẽ-bàng
 Cho mình thoát tục cao sang tuyệt vời.
 2295 Để hồn hòa hợp mọi nơi,
 Trần gian hiển đạt trên trời cũng thẳng.
 Trước sau giữ vẹn công bằng,
 Chớ nên khinh suất ăn-năn muộn-màng.
 Mựa đừng chuốc oán gieo oan ,
 2300 Ngọc Hư định vị cứu nàn độ vong...
 Tần toan hoặc kết tâm đồng,
 Tô bồi Đạo Nghiệp Tổ Tông được nhờ.
 Rõ từng sợi tóc đường tơ,
 Theo chân Hộ Pháp tuông bờ lướt mây.
 2305 Vì ai Hộ Pháp héo gầy...
 Dắt dìu “Con Cái” vui say đặng trình.
 Mỗi Cung mỗi cảnh phân minh,
 Tự mình quan sát tự mình hiểu thôi...
 Mắt trông sự thật hẳn hoi,
 2310 Rành rành chứng tích khúc nôi rờ- ràng.
 Không còn mê tín dị đoan,
 Không còn ảo ảnh Thiên Đàng mộng mơ...
 Lao tâm trí lực thần- thờ,
 Tóc sương đã điểm tuổi thơ đâu còn...!
 2315 Tháng ngày Hộ Pháp héo-hon,
 Lo phần”Thế Pháp”có tròn cho đâu...!
 Đêm đen gặm nhấm chuỗi sầu,
 Nỗi buồn “Tịnh Thất”canh trâu nã-o-nề.
 Dập dồn trở ngại buồn thê,
 2320 Quyết đưa “Nhơn Loại” “trở về Thiên Cung.

Cho xem các Điện khắp cùng,

- Quyển Kinh Vô Tự ghi chung kiếp trần.
Cho ta hiểu rõ bản thân,
Cho ta xét-nét điều cần sửa sai...
- 2325 Tránh lâm vào cảnh đọa đày,
Tông Đường “gánh tội” “mới dai-dẳng buồn...!
Vì mình suốt lệ trào tuôn,
Nên mình phải “đạt” về “nguồn” rạng danh.
Gắng tu quả mãn công thành,
- 2330 Tông Đường nở mặt sử xanh lưu truyền.
Nếu ta hời-hợt không chuyên,
Lãng xao tu tỉnh lụy phiền Tộc Tôn.
Khó mong thư giãn tâm hồn,
Tội mình nặng nhất vùi chôn Tông Đường!
- 2335 Bị chê biếm nhẽ thảm thương,
Do mình tự hạ xem thường mình thôi...
Khi nào được chút thanh- thơi,
Là khi giác ngộ sáng-ngời lối đi...
Sơ sanh mê muội biết gì,
- 2340 Bôn ba trần thế rồi qui Cung Đình.
Ăn nhầm “Cháo lú” u minh,
Tỉnh ra mới biết rằng mình sống đây.
Cho hay kiếp sống đọa đày,
Kiếp căn “nhân quả” bủa vây những sâu...
- 2345 Ai người kết án mình đâu,
Chính mình tuyên án cơ cầu lá-lay...!
Ăn-năn tu tỉnh mỗi ngày,
Rèn tâm, luyện tính, lánh ngay vạ tà...
Chớ nên hời-hợt phôi-pha,
- 2350 Vun bồi “Đạo Đức” thật-thà “thương yêu”
Gặp người cô thế dắt dìu
Giúp người đói khó trở-trêu lở-làng
- Khi Hồn lìa khỏi trần gian,
Phục Linh Cảnh Giới Thiên Đàng thưởng công.
- 2355 Địa cầu chuyển tiếp xuôi dòng,

- Đến ngưỡn “Thất Chuyển” nổ tung hình hài...!
 Hoàn toàn tương diện đổi thay,
 Vạn Linh tiến hóa mỗi ngày thêm cao.
 “Đệ Nhất Chuyển” như thế nào?
- 2360 Thú rừng hung dữ giết nhau buổi nầy...
 Con người cũng bị họa lây,
 Xâm mình tự vệ chống bầy sói lang .
 “Đệ Nhị Chuyển” cũng nhiều màn,
 Ốm đau bệnh chướng khóc than hãi-hùng...!
- 2365 Con người mới chịu ngồi chung,
 Mán, Mưỡng, Bộ Tộc hiệp cùng bên nhau.
 Tập rèn võ nghệ binh đao,
 Thuốc mê, nghệ thuật môn nào cũng thông.
 “Đệ Tam Chuyển” thuyết Đại Đồng,
- 2370 Lập thành xã hội sống trong một nhà...
 Tộc Tông hội hiệp gần xa,
 Tạo nền chính trị quốc gia vững bền.
 Đó là “Bí Pháp “đừng quên,
 Đại Đồng Thế Giới hoàn nguyên y kỳ.
- 2375 Trên đường giục tấn cùng suy,
 Phục Linh Cảnh Giới có gì thâm sâu..?
 Nơi đây tái hiện từ đầu,
 Chơn Linh chuyển hóa Á Âu bao lần,
 Nê Hườn thượng đỉnh châu thân,
- 2380 Hộ Pháp bắt ấn giữ thần Chơn Linh.
 Cho quên kiếp trước của mình,
 Chơn Hồn nhập cảnh lúc vinh khi hèn.
 Từ hàng “vật loại” đua chen,
 Chừng muôn triệu kiếp như đèn thay tiêm.
- 2385 Như trăng le-lói Cung Thiêm,
 Khi mờ khi tỏ từng đêm chuyển màu.
 Đều do căn cội dôi trau,
 Biến hình biến tướng thế nào tùy căn.
 Đạt hàng “Nhơn Phẩm” đã hằng...

- 2390 Tu tâm dưỡng tánh họa-hoàn khéo tu...
 Do cơ huyền bí vận trù,
 Thác rồi tái kiếp trôn-tru thể hình .
 Để mà hòa nhập Ngươn Linh,
 Ngươn Linh phán xét tội-tình chính ta.
- 2395 Thế nên ta sẽ làm Tòa,
 Xử mình nghiêm khắc gấp ba xử người.
 Khi tuyên án phạt khó lời,
 Hết phương bào chữa hết lời biện phân...
 Vì do Thẩm Phán Chơn Thần,
- 2400 Chơn Linh làm chứng bản thân kiếp phàm.
 Khó mà chối cãi cho kham,
 Bao nhiêu chứng tích nhúng chàm khúc nôi.
 Trái qua kiếp kiếp luân hồi,
 Làm sao bào chữa cho trôi bây giờ..?
- 2405 Nhưng trong kẽ tóc đường tơ,
 Ngươn Linh “bào chữa” ai ngờ được đâu?
 Đã là nhân chứng từ đầu,
 Tội, công nắm vững, nông, sâu tỏ tường.
 Bởi vì liên hệ vấn-vương,
- 2410 Ngươn Linh thẩm định đôi đường tội, công..!
 Bao nhiêu “tội, phước” cân đồng,
 Để làm thuyên giảm, để không buộc mình.
 “Ngươn Linh” biện hộ “Chí Linh”
 Đâu còn bắt lỗi luận hình xét soi...?
- 2415 An tâm định trí rạch-ròi,
 Còn ai kể vạch móc moi làm gì..?
- Con đường đạ đạo khác chi,
 Nằm trong Chơn Pháp cũng vì Nhơn Sanh .
 Chí Tôn chỉ rõ ngọn ngành:
- 2420 “Tội con đầy đầy bủa quanh sông hồ..!”
 “Lâm chung biết niệm Nam Mô “
 “Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát “
 “Thì con sẽ được ơn Thầy “

“Thầy ban Bí Pháp vào tay con rồi...
 2425 Dù đường giải thoát xa xôi,
 Gắng tìm Chơn Pháp có hồi vào tay.
 Chơn Linh biến dạng hình hài,
 Hòa đồng vũ trụ nhật phai tùy hình...
 Nhờ đồng tính với Chí Linh,
 2430 Là cơ giải thoát cho mình đâu xa...
 Thế nên mình chối làm Tòa,
 Còn ai kêu án cho ta bây giờ...?
 Cũng vì con trẻ ngu-ngơ,
 Gieo bao chướng nghiệp khù-khờ biết đâu...?
 2435 Quyền uy Thượng Đế nhiệm mầu,
 Chí Linh duy chủ gồm thâu mọi quyền...
 Nắm tròn quả kiếp nghiệp duyên,
 Chơn Linh nhúng-nhẳng dây chuyên Chí Linh.
 Trong tay mình nắm nghiệp mình,
 2440 Làm sao xử được trọng khinh bây giờ?
 Quyền Tòa chối bỏ, làm ngơ,
 Tự mình giải thoát là cơ nhiệm mầu.
 Ba ngàn Thế Giới năm Châu,
 Đến ba ngàn triệu địa cầu khắp nơi.
 2445 Hai ngàn bảy trăm triệu người,
 Sống trên quả đất nhỏ-nhoi của mình.
 Mới hay Trời Đất rộng thênh,
 Biết bao Vạn Loại thu hình nấu nươg

 Chí Tôn bình trị phi thường,
 2450 Hễ khi “Tác Phước” lòng thương “Ngọc Hoàng”
 Ân tình “Thượng Đế” “chứa-chan,
 Là khi ‘giảm tội’ cứu nàn độ sanh...
 Giống như các Bạc sanh thành,
 Nhẹ- nhàng Thầy mới xưng danh ôn tồn.

(còn tiếp)

TÌM HIỂU CON ĐƯỜNG TU CỦA TÍN ĐỒ CAO ĐÀI

HT Lê Văn Thêm

Bài số 2

TU TẠI THẾ

I-CAO ĐÀI CÓ PHẢI LÀ ĐẠO TU TIÊN ?

Nói về con đường tu, có người nghĩ rằng Cao Đài là một Đạo tu Tiên, vì khi khấn nguyện thì niệm “Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”, còn Kinh Kệ thì dạy rõ: “Phép Tiên Đạo tu chơn dưỡng tánh” v.v. Đây là một lập luận mà qua ngôn từ thì nghe có vẻ như hợp lý, nhưng sự thật là không phải như vậy.

Đạo Cao Đài có tôn chỉ Tam Giáo Qui Nguyên, Ngũ Chi Phục Nhứt với ý nghĩa Tam Giáo qui nguyên là trong Giáo lý của đạo Cao Đài có tất cả tinh túy giáo lý của Nho, Thích, Lão, còn Ngũ Chi phục nhứt thì hàm ý đường tu gồm cả Nho đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo và Phật đạo, nhưng phần đặc biệt quan trọng nhất là Nho đạo và Phật đạo chớ không phải Tiên đạo, nói rõ hơn Cao Đài không phải là một đạo tu Tiên.

Thật vậy, lời nguyện niệm Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát thoát tiên qua ngôn ngữ rất dễ gây ngộ nhận cho người nghe, nhưng nếu nghiên cứu và phân tích kỹ thì đây là một lời khấn vái với Phật, với Đức Chí Tôn, hay nói rõ hơn là với “một Bản Thể Siêu Việt, một Đại Thể Vô Biên, bất khả tư nghì được hài danh bằng nhiều cách, được diễn tả bằng nhiều tên khác nhau như Hư Không, Vô Cực, Thái Cực, Đạo, Chơn Như, Chân Tâm, Trời, Thượng Đế, v.v. (1), mà rõ nhất là Thiếu Thất Lục Môn tức Sáu Cửa Vào Động Thiếu Thất của đạo Phật

đã định nghĩa chữ Tiên Ông hay Đại Tiên cũng là một vị Phật, một vị Như Lai như sau: “Nếu trí huệ chiếu sáng, tâm ấy cũng gọi là Pháp Tánh, cũng gọi là Giải Thoát, mới hay tâm ấy không bị sanh tử buộc ràng, không một pháp nào trói mắc được nên gọi là Đại Tự Tại Vương, Như Lai, cũng gọi là Trường Sanh Bất Tử, cũng gọi là Đại Tiên, tên gọi tuy khác nhưng bản thể vẫn là một.” (2)

Nói tóm lại, với lời dạy trên đây của Đức Bồ Đề Đạt Ma rút ra từ quyển Sáu Cửa Vào Động Thiếu Thất do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam xuất bản minh xác rằng Đại Tiên hay Tiên Ông thì cũng không chi khác hơn là Như Lai, là Phật. Danh xưng dù khác nhưng bản thể vẫn không hai. Vậy thì không thể nào nói rằng đạo Cao Đài chỉ là một đạo tu Tiên với ý nghĩa chỉ tu để cốt lo tìm lấy cái thuật trường sinh, mà trái lại Cao Đài là một tôn giáo có đường lối tu và mục đích là để siêu thăng giải thoát chẳng khác chi Tam Giáo, rõ nhất là Phật Giáo.

II- ĐẠO CAO ĐÀI TU TẠI THẾ.

Song song với cách thấy Cao Đài là một Đạo tu Tiên, lại cũng có người cho rằng đạo Cao Đài có cách tu nhập thế chẳng khác chi đạo Nho. Tín đồ Cao Đài vẫn có vợ con, để tóc râu, sống tại gia và sinh hoạt tại thế.

Với cách tu vẫn còn tại thế như vậy thì con đường tu của đạo Cao Đài chẳng có gì là cao siêu, dù có thực hành được Bi và Trí nhưng lại thiếu Dũng vì không hành trì được hạnh từ bỏ cao cả như đạo Phật, do đó nên khó chứng đắc hay giải thoát được.

Đây cũng là một cách thấy và một cách lập luận mà thoát tiên nghe qua cũng có vẻ hợp lý. Tuy nhiên, nếu nghiên cứu và tìm hiểu kỹ thì cách thấy và lập luận này cũng không hoàn toàn đúng.

Tín đồ Cao Đài vì sống tại gia và sinh hoạt tại thế nên đường tu do đó có lúc nhập thế mà cũng có lúc xuất thế, nhưng cách

nhập thế hay xuất thế của đạo Cao Đài lại có nhiều linh động và uyển chuyển, vì vậy mà không giống cách nhập thế của Nho gia hay cách xuất thế của Phật tử.

Trước tiên, đạo Cao Đài với cách tu không chủ trương hoàn toàn xuất thế qua hình tướng hiển lộ là rời bỏ thế tục gia như đạo Phật, nhưng tu sĩ cũng như cư sĩ cũng vẫn có xuất thế với ý nghĩa là xuất thế khỏi phiền não gia và vô minh gia, chớ không chỉ ở thế tục gia, mà các bậc Chức Sắc Thiên Phong hay nhiều tu sĩ đã thực hành.

Thứ đến, mặc dù tín đồ Cao Đài không chú ý nhập thế như một số Nho gia, nhưng vì lý do nhân sinh, đặc biệt ít nhất là để khỏi mang nợ chúng sanh cung dưỡng, và kế tiếp cũng nhằm vào việc phổ độ hay độ tha, tức phục vụ vạn linh đưa đạo vào đời, nên tín đồ Cao Đài cũng tùy thời, tùy lúc, tùy hoàn cảnh mà phải nhập thế.

Phải nhập thế từ thành thị tới thôn quê cho đến tận hang cùng ngõ hẻm chẳng khác chi Đức Phật Thích Ca đã làm trước kia vào thời Phật giáo Nguyên Thủy để đem đời đến với đạo hay đưa đạo vào đời. Nói rõ hơn, đạo Cao Đài nhập thế đó là vì lẽ nhân sinh, tránh được việc tu mà còn có thể mắc nợ, nhưng quan trọng nhất là cũng do nhu cầu đạo sự cần thiết phải thực hành để độ tha trong khoảng thời gian nhất định nào đó của một đời tu và mục đích cũng không chi khác hơn là vãng sanh hay giải thoát như nói theo đạo Phật hoặc siêu thăng giải thoát như nói theo đạo Cao Đài, mà ngôn từ thế gian thường gọi là chứng đắc.

Nói về tu để chứng đắc thì thường thường người ta hay nghĩ rằng chỉ có những tu sĩ, hay những người đã xuất gia, xa lìa thế tục vào chùa, thì mới đủ phước đức và công đức để chứng đắc hay giải thoát. Còn hàng cư sĩ, những người đang ở tại gia, tu tại thế, nghiệp nặng, chướng dày, công thiếu, quả kém thì không

làm sao chứng đắc được, mà có được chẳng là chỉ một chút ít phước báu nhân thiên mà thôi.

Hiểu như thế này hay quan niệm như vậy có thật sự đúng không? Có phải đúng là những người còn ở tại gia tu tại thế là chẳng thể chứng đắc được chẳng? Có phải chẳng là tất cả các cư sĩ đều không thể chứng đắc được?

Để trả lời câu hỏi này, cũng có nghĩa là để làm sáng tỏ vấn đề nhằm cho biết việc còn ở tại gia với cách “tu tại thế” như đạo Cao Đài có chứng đắc được không, có đạt Đạo được không, có giải thoát được không, xin được nhờ đến giáo lý của Tam Giáo để chỉ rõ và chứng minh, đặc biệt nhất là qua cách tu của những vị theo đạo Phật trên hai ngàn năm trăm năm với những kết quả cụ thể của các cư sĩ, của những người vẫn ở tại gia được diễn bày qua kinh và luận của Phật Giáo.

III- TU TẠI THẾ CÓ CHỨNG ĐẮC ĐƯỢC KHÔNG?

Ngay từ thời Đức Phật Thích Ca còn tại thế, đã có nhiều cư sĩ, những người còn ở tại gia, tu tại thế mà vẫn chứng đắc được. Trường hợp thứ nhất xin được kể ra, đó là gia đình của ông Cấp Cô Độc gồm có ông, vợ và các con ông, cũng như nhiều người ở giúp việc trong nhà, tất cả đều được chứng đắc dù rằng chưa hề có xuất gia.

A- ÔNG CẤP CÔ ĐỘC:

Ông Cấp Cô Độc được người đương thời gọi tên như thế vì ông hay cấp dưỡng, cứu trợ những người sa chân lỡ bước, những người nghèo khó, những người cô độc.

Tên thật của ông là Sudatta được dịch là Tu Đạt Đa. Ông là một trưởng giả ở thành Xá Vệ (Sravasti), sống trong thời Phật Thích Ca tại thế và là một trong những cư sĩ nhiệt thành nhất thời đó với đạo Phật mà Phật tử không ai mà chẳng biết hay chẳng nghe nói đến (3).

Một hôm ông có dịp đi sang thành Vương Xá xứ Ma Kiệt Đà để thăm người thân vào lúc nơi đây đang rộn rịp chuẩn bị tiệc trai để cúng dường đức Phật.

Nhờ có duyên lành từ trước nên khi đến đây và nghe nhắc đến Phật thì ông cảm thấy xúc động và muốn gặp Phật.

Ước muốn này của ông được toại nguyện làm cho ông vui mừng đến nỗi thay vì phải đợi đến trưa ngày hôm sau gặp Phật ở tại trai đàn thì đang đêm ông lại tìm đến tịnh xá nơi Phật ở. Ông đến lúc Phật vừa xả thiền xong và đang đi kinh hành ở ngoài vườn.

Gặp ông, Phật gọi ngay tên ông làm cho ông quá bất ngờ và vô cùng cảm xúc. Tiếp theo đó, Phật mới diễn tả cho ông nghe sự hoan lạc của một người tu sống giữa núi rừng, với tâm hoàn toàn thanh tịnh, không còn bị chi phối bởi tham sân si.

Sau khi nghe kể qua trạng thái an lạc và giải thoát mà Phật đã chứng ngộ, ông Cấp Cô Độc thắm thấu, cảm ngộ, trực nhận và chứng quả Tu Đà Hoàn vào dòng Thánh (4)

Chứng quả xong ông cung kính thỉnh Phật về thành Xá Vệ hoàng pháp. Phật nhận lời và bảo rằng từ thành Vương Xá đến thành Xá Vệ cách nhau khá xa và người tại Xá Vệ thì phần lớn theo đạo Bà La Môn. Như vậy, Phật rất cần một nơi chốn thanh tịnh, không gần mà cũng không xa thành Xá Vệ nhiều lắm để cho chư tăng có dịp vừa ở thiền định và cũng vừa có thể đi ra thành để khát thực. Ông Cấp Cô Độc nhận lời, và từ Vương Xá đến Xá Vệ cứ hai dặm đường ông sắp xếp cho đào một cái giếng và cất một cái nhà mát để thỉnh Phật và chư tăng đi về Xá Vệ.

Sau khi có sự đồng ý và sắp xếp của ông Cấp Cô Độc, đức Phật bèn cho một đại đệ tử là Ngài Xá Lợi Phất đi theo ông về Xá Vệ trước để chuẩn bị cho Phật và tăng đoàn di chuyển đến sau.

Trên đường đi, khi đến khu vườn của Thái Tử Kỳ Đà, một khu vườn tuyệt đẹp có cây cao bóng mát, suối nước thiên nhiên với những hòn giả sơn xinh xắn, ông Xá Lợi Phất cảm thấy rằng

nơi này rất thích hợp cho chur tăng, do đó ông Cấp Cô Độc mới tìm đến Thái Tử Kỳ Đà để thương lượng mua.

Thái tử nghe ông Cấp Cô Độc muốn mua nên nói đùa rằng nếu ông có vàng thì cứ đem trải trên khu vườn và trải đến đâu thì Thái tử sẽ bán đến đó. Ông Cấp Cô Độc nghe vậy về nhà lấy xe trâu chở vàng đến nhằm trải ra đất để mua. Thái tử cho biết ông chỉ nói đùa thôi chớ thật sự không có ý bán nhưng cuối cùng Thái tử lại bán để ông Cấp Cô Độc lo cho Phật.

Sau khi mua đất và cất tịnh xá xong, Phật dời tăng đoàn từ Vương Xá qua Xá Vệ và đặt cứ điểm tại tịnh xá Kỳ Hòa. Đây là đạo sự đầu tiên rất tốn kém mà ông Cấp Cô Độc đã làm để giúp Phật hoằng pháp.

Để hoằng pháp, ông Cấp Cô Độc cứ tiếp tục giúp Phật và tăng đoàn bằng cách đem hết tài sản của ông ra để lo, do đó mà vào thời ấy cũng như bây giờ, khi nói đến tên Cấp Cô Độc thì Phật tử ai ai cũng đều biết và biết rõ ông chỉ là một cư sĩ, còn ở tại tư gia chớ không phải là người đã thoát tục, xuất thế.

Thời gian trôi qua. Đến độ nọ ông già yếu bệnh hoạn và sắp lâm chung. Phật nghe tin liền sai tôn giả Xá Lợi Phất và Ngài A Nan đến thăm.

Tôn giả Xá Lợi Phất khi đến nơi có chuyển lại cho ông những lời Phật dạy đồng thời giúp cho ông xem qua “Thiên Nhân” để biết những nơi mà sau khi lâm chung ông có thể chứng quả về đó. Ông thấy có sáu tầng Trời mà mỗi tầng đều có cung điện riêng dành cho ông.

Tôn giả Xá Lợi Phất lúc ấy hỏi vậy chớ ông muốn thoát sinh về tầng Trời nào?

Ông hỏi sáu tầng Trời ấy hơn kém ra sao?

Tôn giả Xá Lợi Phất nói ở sáu tầng trời đều có hạnh phúc, an lạc, tiện nghi đầy đủ nhưng chỉ có cung trời Đâu Suất là nơi có Đức Di Lạc đang ở thì có Phật pháp, còn tại năm tầng trời kia thì không (không có dạy đạo)

Nghe nói như thế, ý ông muốn sau khi lâm chung được về cung Trời Đâu Suất, và ngay vừa khi ông có niệm đó thì năm

cung điện ở năm tầng Trời kia biến mất, riêng cung Trời Đâu Xuất thì rực rỡ lên và đó là nơi mà cư sĩ Cấp Cô Độc sẽ về sau khi rời trần thế.

* * *

Ngoài việc giúp cho ông Cấp Cô Độc được biết tầng Trời mà ông sẽ đến sau khi lâm chung, tôn giả Xá Lợi Phất còn chuyển đến ông những lời mà Phật muốn nói với ông. Đức Phật dạy ông rằng: “Nếu không chấp thủ thân và trần cảnh bên ngoài thì sau khi lâm chung rồi sẽ không có một cái thức nào gá vào để tái sinh nữa được.” Nghe đến đây, ông tâm chứng và ngộ nhập quả Thánh cao hơn là quả Tu Đà Hoàn. Ông mới hỏi tại sao suốt thời gian trước đây ông không nghe Phật dạy lời pháp nào hay như vậy.

Tôn giả Xá Lợi Phất nói pháp này chỉ dành cho chư tăng mà thôi. Ông Cấp Cô Độc liền lúc đó yêu cầu tôn giả Xá Lợi Phất xin Phật dạy luôn pháp ấy cho hàng cư sĩ, vì những vị tu tại gia cũng đều có thể tu, cũng đều có thể đắc quả, tri kiến ngộ nhập được để dứt luân hồi sanh tử, chớ việc giải thoát dứt luân hồi sanh tử không phải chỉ có những vị xuất gia vào chùa, những tăng ni thì mới chứng được thôi đâu.

Cũng không thể bảo rằng cư sĩ hay những vị tu tại gia, còn ở tại thế là những người chỉ có thể tu để hưởng phước báu nhân thiên mà thôi, vì con người ai ai cũng đều có Phật tánh, và vì tất cả đều có thì tất cả cũng đều có thể đắc quả đạt Đạo được cả.

Sau khi tôn giả Xá Lợi Phất cùng Ngài A Nan làm xong Phật Sự và cáo từ ra về thì cư sĩ Cấp Cô Độc mệnh chung được vãng sanh lên cõi Trời Đâu Xuất. Ban đêm ông có xuống thăm đức Phật Thích Ca, có đọc bài kệ tán thán Phật và Ngài Xá Lợi Phất. Phật và Ngài Xá Lợi Phất tán đồng bài kệ này của ông Cấp Cô Độc và sau bài kệ này được ghi vào Trung Bộ Kinh của Phật giáo.

đức Phật hiện ra sau lưng, rồi bên trái, bên phải, cuối cùng bà la toán lên rằng Phật cố ý dọa bà.

Đức Phật biết không có duyên độ bà nên đi về và sai các đại đệ tử đến để cảm hóa bà nhưng tất cả cũng đều thất bại, kể cả Ngài Mục Kiền Liên, vị thần thông đệ nhất, đã khai triển pháp biến hóa để mong qui phục bà, thế mà bà vẫn chống lại, không chịu qui y mà còn tố cáo là Ngài Mục Kiền Liên đã dùng huyền thuật để hãm hại bà.

Tóm lại, để chuyển hóa và hóa độ bà Cấp Cô Độc, Đức Phật cũng như nhiều đại đệ tử, tất cả đều đã thất bại. Ấy thế mà một tăng sĩ tuổi đời còn rất non trẻ lại có thể làm được việc này, đó là La Hầu La, người con trai ruột của Phật.

Cũng như bao nhiêu Tỳ Kheo khác, La Hầu La một hôm đi khát thực ngang qua nhà bà Cấp Cô Độc vào một buổi trưa hè trời nắng chang chang.

Bà Cấp Cô Độc ngồi trong nhà bếp nhìn ra thấy một cậu bé bụ bẫm, đầu trọc bóng láng, mồ hôi nhễ nhại, bước đi chập chạp, có lẽ đã mệt lả vì đói lại vừa khát. Bà động lòng thương nên cho gia nhân gọi vào nhà.

La Hầu La vào bếp nhà bà, ngồi cạnh bà và được bà hỏi về gia cảnh, gốc gác gia đình. Bà được biết cậu bé đang mệt lả đói khát kia lại vốn là một hoàng tử thuộc dòng vương giả, thế mà giờ đây lại rời bỏ cung vàng điện ngọc, xả thân cầu đạo, đi tu để mong tìm đường giải thoát. Bà vô cùng cảm động lấy cơm nước ra cho La Hầu La ăn và dặn rằng khi nào “con đi khát thực mà không có thì cứ đến nhà bà, bà luôn luôn sẵn sàng có cơm nước bánh trái cho con.”

Qua nhiều lần đi, đến và có dịp đối diện nhau, bà hỏi La Hầu La về giáo lý, về cách tu và Phật pháp, v.v. cứ hễ bà hỏi đến đâu thì La Hầu La trả lời tới đó.

Bà cứ hỏi và nghe, thế rồi nghe mãi bỗng một hôm bà hoát nhiên ngộ nhập và đắc quả Thánh Dự Lưu Tu Đà Hoàn. La

Hầu La sau đó đưa bà đến Tịnh Xá nơi có đức Phật và các đại đệ tử ở, tất cả đều bất ngờ, kinh ngạc vì thấy rằng Phật và nhiều đại đệ tử còn không cảm hóa được bà, thế mà giờ đây La Hầu La tuổi như chú điếu lại làm được. Ấu cũng là tiền duyên và ngay ngày hôm ấy bà qui y vào cửa Phật.

* **Kết luận:** Câu chuyện trên đây của bà Cấp Cô Độc đã nói lên được những gì, và chỉ rõ ra được gì cho nhơn sanh nói chung, tín đồ Cao Đài nói riêng là những vị còn ở tại gia, tu tại thế, để được siêu thăng giải thoát.

Bà Cấp Cô Độc chứng quả trước khi qui y nghĩa là còn ở tại gia chớ chưa khi nào có vào chùa cả. Bà đắc quả ngay tại bếp nhà bà, nơi bà thường hỏi Phật pháp và được La Hầu La nói cho bà nghe.

Nói cách khác, bà đắc quả trong khi còn sinh hoạt ở tại gia đình, sống tại thế gian, như vậy có nghĩa là sống tại thế, tu tại gia vẫn có thể chứng đắc được như thường.

Nói rõ hơn, theo giáo lý đạo Phật cũng như của đạo Cao Đài thì chứng đắc được chẳng là do mình chuyển tâm được không, chớ nào phải chỉ nhờ chuyển cảnh. Không phải cứ vào chùa thì mới tu được, mà ở đâu cũng có thể tu và cũng có thể đắc quả.

Phật ở ngay tại thế gian này chớ chẳng ở đâu xa, bằng cứ là Kinh Phật có nói rõ nước Phật là thế giới ta bà này và “khi không vọng tưởng thì một tâm là một nước Phật. Phật ở trong tâm như trầm hương ở trong cây. Phật theo tâm ra, vỏ mục hết thì hương cũng theo cây ra. Mới biết, ngoài cây không có hương, ngoài tâm không có Phật. Nếu ngoài cây có hương thì đó là hương của cây khác, và ngoài tâm có Phật thì đó cũng là Phật ở ngoài chớ chẳng phải Phật tự tâm mình.

Tóm lại, lìa tâm không Phật. Lìa Phật không tâm, tức Phật từ tâm mà ra. Tâm có thể sanh ra Phật, nên nói Phật theo tâm mà sanh” (7) nghĩa là Phật hiển lộ hay không, tức đạt được Đạo hay

không, siêu thăng giải thoát được hay không là do ở tâm chứ việc cư trần hay thoát tục, tại gia hay xuất gia, đó chỉ là trần cảnh, hoàn cảnh hay điều kiện hỗ trợ cho việc tu tập mà thôi.

Đã đành rằng trần cảnh, mà nói rõ hơn là sáu trần, cũng có ảnh hưởng rất sâu rộng đến việc tu tập, mặc dù vậy, tất cả đều chẳng qua tâm, đều do ở nơi tâm.

Tâm tạo thiên đàng, tâm tạo địa ngục. Khi mê thì ở bờ bên này. Khi ngộ thì đến bờ bên kia. Ta bà uest trước cũng do tâm mà cõi Phật thanh tịnh cũng ở tự tâm. Phiền não là chúng sanh, tính ngộ tức bồ đề. Nước đục tức nước trong, phàm phu tức Phật. Phật độ chúng sanh, chúng sanh độ Phật, nói rõ hơn Phật và chúng sanh nào có khác chi nhau. Tất cả đều do tâm, đều ở tại tâm.

Vậy thì tu tâm tức nhiên đắc quả, đạt Đạo, nhưng phải tu tâm như thế nào? Xin được nói rõ là cách tu tâm của đạo Cao Đài có khác tu tâm của Tam Giáo nhất là Phật giáo, sẽ được trình bày ở phần sau khi nói về tu tâm theo lời dạy của Đức Hộ Pháp, cho thấy rõ Cao Đài là Tam Giáo quy nguyên, mà nếu nói đúng hơn là một Tân Tôn Giáo hướng dẫn nhơn sanh về cách tu tâm với lý sự viên dung, qua từng Tướng nhập Tánh.

2)- CON TRAI ÔNG CẤP CÔ ĐỘC

Người con trai duy nhất của Ông Cấp Cô Độc làm quan lớn trong triều đình của vua Ba Tư Nặc, lại là một người rất ham tiền. Đối với ông tiền là trên hết, chỉ có tiền thôi. Chính vì lý do này mà khi ông Cấp Cô Độc đem tài sản ra để cúng dường, người con trai này chống đối quyết liệt, có khi còn phỉ báng cả tăng đoàn, đến độ ông Cấp Cô Độc phải nhờ đức Phật giúp đỡ chuyển hóa nó.

Qua sự yêu cầu của ông Cấp Cô Độc, Phật mới hỏi vậy chứ nó thích hay ham cái gì? Ông Cấp Cô Độc đáp: “Nó chỉ ham

tiền thôi.” Phật dạy: “Nó ham cái gì thì cứ dùng cái đó mà dẫn dắt và chuyển hóa nó. Như vậy, nếu nó ham tiền thì cứ dùng tiền mà tập cho nó quen với Phật pháp.”

Vâng lời Phật, lần thứ nhất ông Cấp Cô Độc nói với con trai ông rằng lúc này ông bận rộn quá nên không thể đi đến tịnh xá thọ bát quan trai để kính Phật được, vậy con tìm dùm ba một người đi thay và ba sẽ trả cho một trăm đồng tiền vàng mỗi ngày.

Nghe cha nói, người con động lòng tham tiền vì thấy rằng mình làm quan lớn trong triều mà lương mỗi ngày chỉ có 5 đồng, vậy với 100 đồng vàng thì thật là một số tiền khá lớn. Người con trai bèn đi thọ bát quan trai thay cha và lấy tiền (8).

Lần thứ hai, ông Cấp Cô Độc nói với con rằng lúc này ông hay bận rộn nên không đi nghe pháp được. Vậy: “con làm sao tìm giúp ba một người thay ba đi dự rồi về kể lại cho ba nghe một bài kệ thôi thì ba sẽ thưởng cho mỗi lần một ngàn đồng tiền vàng”. Dĩ nhiên là người con nhận ra đi, đến tịnh xá cố nghe để nhớ nhưng vẫn quên hoài nên rón ở lại nghe đến chừng nào thuộc chắc một bài kệ mới về kể lại cho cha nghe để lãnh tiền. Người con trai ra đi như vậy nhiều lần, cố nghe Phật giảng, nghe Phật pháp, nghe các bài kệ, thế rồi nghe mãi cho đến một ngày nọ không ngờ người con lại chứng quả Tu Đà Hoàn vào dòng Thánh.

Sau khi chứng quả người con mới mời Phật đến nhà mình để thọ trai, và bữa trưa hôm nọ khi người con dẫn Phật và chư tăng về nhà với vẻ cung kính, ông Cấp Cô Độc trông thấy lòng mừng rỡ vô cùng. Ngay lúc đó ông bèn đem nhiều vàng bạc ra để thưởng con. Ông đưa đến ba lần nhưng người con vẫn không chịu nhận. Ông rất ngạc nhiên thì vừa lúc ấy Phật cho ông biết rằng con trai ông nghe pháp nhiều lần nên đã chứng quả Thánh dự lưu Tu Đà Hoàn rồi, do đó nên không còn ham tiền và không muốn nhận tiền.

Nói rõ hơn là sau khi vào dòng Thánh, tâm của con ông đã

trở thành thanh tịnh, chỉ biết vị tha chớ không còn vị kỷ, có một niềm tin và hạnh phúc mà không một vị vua cõi đất, chúa cõi trời nào có thể so sánh hay bì được.

Như vậy, trong gia đình ông Cấp Cô Độc, hai người chống đối mạnh mẽ nhất việc cúng dường hoàng pháp của ông, hai người không tin Phật pháp mà có khi còn công khai chỉ trích Phật, hai người vẫn ở tại gia, trụ tại thế này, vậy mà nay cả hai người đó đã nhập lưu vào quả Thánh, chứng quả Tu Đà Hoàn, đó là do đâu, đặc biệt với người con trai.

Thứ nhất, người con trai của ông Cấp Cô Độc, mặc dù là một quan viên, chưa hề xuất gia, vẫn sống tại thế cũng như mọi người, cùng chen chân giữa chốn trần hoàn, vậy mà cũng vẫn chứng quả được sau khi đã chuyển tâm do nghe pháp. Đây là trường hợp cho thấy việc chứng quả hay đắc đạo hoàn toàn do tâm chuyển chớ không tùy thuộc vào việc xuất gia hay tại gia, không nhất thiết phải vào việc xuất gia hay tại gia, không nhất thiết phải là tu sĩ đã vào chùa hay cư sĩ vẫn còn ở tại nhà.

Cư sĩ và tu sĩ, cả hai tuy hai mà một. Cư sĩ chỉ cần chuyển tâm là vào ngay đất Phật, và một khi Phật tâm hiển lộ, Phật tánh tròn đầy thì cư sĩ nào có khác chi tu sĩ về việc chứng đắc, dù rằng thân này vẫn ở tại trần, nhưng cư trần mà chẳng nhiễm trần thì đó là cư sĩ vậy (Cư trần bất nhiễm trần thị danh cư sĩ).

Thứ hai, sở dĩ con trai cũng như vợ ông Cấp Cô Độc đắc quả được là do có để tâm nghe pháp. Vợ ông thì nghe La Hầu La nói, còn con ông thì đắc pháp qua những lần thọ bát quan trai và đi nghe giảng đạo. Điều này cho thấy muốn đắc pháp, đắc Phật, đắc duyên, đắc vị, đắc A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề thì việc tìm hiểu pháp, học tập giáo lý, đi nghe thuyết pháp, có phải chẳng đây là những hạnh nguyện cần thiết cho những người kiến đạo, muốn tu nhờ học pháp, nghe pháp, hiểu pháp để có văn huệ, tư huệ và tu huệ là những bước giúp người tu tinh tấn

trên con đường giải thoát. Nhưng tiếc thay, kể từ ngày Đức Hộ Pháp qui thiên thì trong đạo Cao Đài hầu như không có giảng đạo hay thuyết pháp thường xuyên nữa.

Có phải chăng đây là một trong những nguyên nhân đã khiến cho con đường tu của tín đồ nhiều lúc phải chông chênh, một số đông tín đồ không có dịp tiếp cận với đạo tràng Văn Huệ, Tư Huệ và Tu Huệ nên một phần nào chỉ chấp tướng mà không tòng tánh, và một số vị có phận sự, chẳng phải toàn thể nhưng cũng không ít, chẳng phải tất cả nhưng vẫn còn tại vài nơi, cũng vì không quan tâm đến Văn Huệ để có được chánh kiến, chánh tư duy, nhất là chánh ngữ và chánh niệm nên chỉ chú trọng vào tướng hơn là tâm, vào đạo quyền trần thế hơn là đạo pháp vô vi.

Xin chư vị Chức Sắc, chư Tôn Đức, chư Thiện Hữu Đạo Tâm, chư vị Hiền Tài hàng tâm vì Đạo để ý lại vấn đề này.

Kết luận về trường hợp con trai của ông Cấp Cô Độc:

Việc con trai của ông Cấp Cô Độc chứng quả đắc Thánh Dự Lưu đưa đến hai kết luận.

Kết luận thứ nhất có tính cách cục bộ hay đoản kỳ với ý nghĩa chỉ để soi sáng đề tài được nêu ra trong bài viết này.

Kết luận thứ hai có tính cách tổng quát hay trường kỳ liên quan đến tạng Luận và Thuyết Pháp mà mục đích là làm sáng tỏ Kinh, Cơ, Ngữ lục, hay nói rõ hơn là làm cho Kinh, Cơ, Ngữ lục của đạo Cao Đài phổ quang, tuệ chiếu để sáng soi con đường tu cho tín đồ mà mãi đến ngày nay việc tu trì hầu như vẫn chỉ có trông cậy vào Tứ Thời Nhật Tụng, còn giáo lý diệu huyền vô thượng thậm thâm thì một số lớn tín đồ hầu như chưa biết và người ngoài đạo cũng chưa thấy rõ được để có thể phát tâm, nhập môn cầu đạo hầu có thể tìm sự giải thoát cho mình và gia đình mình.

Kết luận I:

Như đã nói ở trên, kết luận I nhằm để nói rõ hay soi sáng cách “tu tại thế” của đạo Cao Đài, xem coi cách tu này có kết quả không, có diệu dụng không.

Căn cứ vào việc chứng đắc của con trai ông Cấp Cô Độc thì rõ ràng là ở tại gia, tu tại thế vẫn đắc quả, đạt đạo.

Thật vậy, con ông Cấp Cô Độc thoát tiên là một người rất tham danh háms lợi, đams mê quyền lực và say đấms tiền tài, mà nói theo danh từ đạo là vẫn còn chạy theo ngũ dục lục trần, trong khi trần là chi, chỉ là ảo ảnh, căn là chi, chỉ là lừa dối và thức là chi, là chỉ mê lầm.

Ấy thế mà con ông Cấp Cô Độc lại tỉnh thức chẳng còn mê lầm nữa. Ông tỉnh thức vì nhờ thọ bát quan trai và thường đi nghe giảng đạo. Như vậy thì việc gần đạo, sống với đạo, nghe nói đạo, nghe giảng đạo có thể thức tỉnh được con người dù là người ấy căn cơ vốn mê lầm như con ông Cấp Cô Độc.

Nói rõ hơn là con người, dù bất cứ ai, dù tậ hại đến mức nào, dù quá khứ có tội tậ đến đâu, dù thoát tiên có thể là hiện thân của tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, nhưng nếu biết hồi đầu thì ngạn như nói theo đạo Phật, hay Hồi quang Phản Chiếu như nói theo đạo Cao Đài thì vẫn có thể đạt đạo, chứng đắc được như thường.

Trường hợp con ông Cấp Cô Độc là một bằng chứng và bằng chứng này muốn nói lên cho bất cứ ai chưa có đạo, ít nghe nói đạo, nghe giảng đạo thì nên đến với đạo hoặc trở về với đạo; như thế tham, sân, si có thể được tiêu trừ và an lạc tự do, hạnh phúc có thể trở về ngay.

Còn gì hạnh phúc hơn là một kẻ tham tiền như con ông Cấp Cô Độc mà giờ đây không còn háms tài, ái dục, không còn lệ thuộc vào tiền, chỉ biết có an lạc, tự do, sống hoàn toàn hạnh phúc, an nhàn tự tại do không còn đeo đẩng theo ngũ dục, lục trần.

Tóm lại, hình ảnh con trai ông Cấp Cô Độc cho thấy là con người, bất cứ ai, nếu chịu đến với đạo thì an lạc và hạnh phúc sẽ có được ngay, một thứ an lạc hạnh phúc vượt ngoài dục lạc thế gian.

Nói rộng hơn, bất cứ ai nếu chịu tiếp cận với đạo, nếu chịu tu, dù rằng tu tại gia, ở tại thế thì cũng vẫn chứng đắc được như mọi người, không phân biệt giàu nghèo, quý tiện, nữ nam, tu sĩ hay cư sĩ. Như vậy nếu có ai còn bảo tìn đồ Cao Đài vì còn ở tại thế, tu tại gia không đắc quả được thì đây là một ý kiến mà con trai ông Cấp Cô Độc nếu đến ngày nay vẫn còn sống thì sẽ không khi nào đồng ý.

Đến đây là hết phần kết luận I. Riêng về kết luận II không nhằm vào việc chứng minh “tu tại thế” vẫn được chứng đắc, mà liên quan đến Tạng Luận, Thuyết Pháp và đường lối tu nói chung, đặc biệt là tu huệ của đạo Cao Đài sẽ được trình bày sau.

3)- BA NGƯỜI CON GÁI

Ngoài người con trai, ông Cấp Cô Độc còn có (03) ba người con gái. Cả ba người con gái của ông dù vẫn ở tại gia, tu tại thế nhưng tất cả cũng đều chứng đắc.

Ngoài hai người đắc quả Thánh nhập lưu Tu Đà Hoàn như mẹ và anh, còn có cô út lại phát tâm tu sớm hơn. Cô tu từ khi cha cô đem tài sản ra cúng dường cho đức Phật Thích Ca, do đó mà Cô chứng được tới quả A Na Hàm là quả Bất Hoàn tức không còn đầu kiếp trở lại trần gian này nữa. Quả A Na Hàm trên Tu Đà Hoàn hai bậc và chỉ còn tu để chờ thành A La Hán đắc quả Bất Sinh hay Vô Sinh đạt được Niết Bàn.

Kết Luận:

Ngay từ thời Đức Phật Thích Ca còn tại thế đã có hơn sanh nữ phái si tình thất tình, đam mê sắc dục, tham đắm ái ân, thế mà khi tỉnh ngộ thì cũng vẫn chứng đắc đạt Đạo được. Đó là trường hợp của Cô Ma Đăng Đà, người thiếu nữ quá đam mê A

Nan, thế mà Ma Đăng Đà, kẻ si tình và tham đắm ái ân ấy khi thức tỉnh lại đắc quả đạt Niết Bàn trước A Nan, lúc ấy lại là một thị giả của Phật.

Cũng ngay từ thời Đức Phật Thích Ca còn tại thế, đã có những cư sĩ dù tu tại gia, ở tại thế, nhưng vẫn chứng quả, đạt Niết Bàn, không bắt buộc phải xuất gia. Nói khác hơn, dù tu xuất gia hay tại gia, việc chứng ngộ, giải thoát, đạt Niết Bàn thì cũng như nhau không có gì khác nhau cả.

Tu sĩ xuất thế hay cư sĩ tại gia, ai ai cũng đều có Chơn Tâm, Phật tánh, Chơn Linh, và bất cứ ai cũng có thể giải thoát. Như vậy, nếu nói tu theo đạo Cao Đài, ở tại gia, tu tại thế thì chẳng cao siêu, không diệu dụng, chẳng chứng đắc hay giải thoát được, thì đó là cách nói phát nguồn từ sự thấy biết hoàn toàn đi ngược lại với những sự chứng quả hay đạt đạo đã được thấy rõ, ngay cả vào thời đức Phật chưa nhập diệt. Đây là cách thấy do chưa hiểu rõ tôn chỉ, mục đích cũng như cách dụng công tu tập của đạo Cao Đài là một Tân Tôn Giáo có cách tu tâm không giống đạo Phật nhưng lại vô cùng diệu dụng và rất dễ tu.

4)- DASAKA & PUNA

Dasaka là tên của người tở trai và Puna là tên của cô tở gái. Ông Cấp Cô Độc Lộc có tại nhà đến cả 500 tở trai và gái. Một số trong những vị này theo gương của chủ và lo tu nên cũng được đắc quả-đặc biệt đáng kể là người tở trai tên Dasaka và cô tở gái tên Puna.

a- Dasaka: Dasaka vốn là con của một người nô lệ và có nhiệm vụ gác cổng Tịnh xá Kỳ Viên.

Dasaka là người có tật hay ngủ nhưng có tâm tu hành để mong chứng quả và đã chứng được A La Hán, một quả mà vào thời Phật giáo nguyên thủy được xem gần như là Phật vì người đắc quả này cũng đã giác ngộ và được giải thoát.

b- Puna: Puna là người tớ gái trong gia đình ông Cấp Cô Độc. Có lẽ do tiền duyên nên chỉ một lần nghe Đức Phật giảng một bài trong Trung Bộ Kinh mà cô đã đắc quả Tu Đà Hoàn. Sau đó cô được ông Cấp Cô Độc cho thoát khỏi kiếp nô tì và cô cố gắng tu tập nên đắc quả A La Hán, làm đến chức Trưởng Lão Ni, một giáo phẩm rất quan trọng vào thời Phật giáo Nguyên Thủy có nhiệm vụ dẫn dắt chúng sinh trên con đường tu để giải thoát.

Cô đã tiến dẫn một tín đồ Bà La Môn vào đạo Phật và nhờ sự hướng dẫn của cô mà vị này cũng đã đắc quả A La Hán.

Kết Luận: Trường hợp hai người tớ trên đây của ông Cấp Cô Độc cho thấy việc chứng quả hay không chẳng nhất thiết phải là chủ hay tớ, nam hay nữ, giàu hay nghèo, xuất gia hay tại gia. Người xuất gia mà tâm vẫn tại thế thì có khác nào như kẻ đang trôi lăn giữa lục đạo luân hồi; còn người tại gia mà tâm đã thoát tục thì phải chăng:

*“Chân tuy ở cõi ta bà,
Mà lòng đã gửi bên tòa hoa sen”*

Xuất gia hay không xuất gia một phần là do căn cơ, một phần là do đạo sự, cũng có một phần là do hoàn cảnh hay tình thế nhất thời. Vậy thì xin đừng phân biệt tu tại gia hay tu xuất gia vì đây chỉ là hai cách dụng công như nhau; nhưng nếu xét về phương diện không gian thì có khác nhau, chẳng qua là chỗ nơi tu tập mà thôi.

Pháp môn Bất Nhị của đạo Phật cũng như bí pháp ẩn tàng trong Thiên Nhân của đạo Cao Đài với lý “Nhất Bản tán Vạn Thù, Vạn Thù qui Nhất Bản” dạy người tu chớ nên chẻ chia, luận bàn phân biệt vì chẻ chia, luận bàn phân biệt chỉ có hại cho cái tâm tu, cái tâm đạo mà thôi.

Người tu theo đạo Cao Đài với tuổi còn trẻ thì cứ từ từ tu vì còn phải lo cho cuộc sống. Mà “lo cho cuộc sống thì đó cũng là

tu” như lời Đức Hộ Pháp đã dạy và người viết sẽ giải rõ ở bài kế tiếp, là mình phải làm sao đừng đi ra ngoài ranh giới của lòng hiếu thảo, của đạo nhưn luân và phép nhưn thường, cũng có nghĩa là mình đang hành bề giáo pháp nhưn đạo đại đồng Nho tông chuyển thế thì đó là tu.

Còn đối với người đã có tuổi hay lớn tuổi, thì việc bình tâm “Hồi Quang Phản Chiếu” để định tâm thấy tánh như lời Đức Hộ Pháp đã dặn dò là một hạnh nguyện cần phải thực hành, một đạo pháp không thể bỏ qua, vì đạo pháp này sẽ giúp cho người có tuổi hay lớn tuổi thấy rõ được mình là ai, biết rõ được mình, biết mình đang làm gì, có tu và tu đúng không, có đi đúng con đường đạo và con đường tu không, có thực hành đúng hạnh nguyện như kinh cơ và ngữ lục của Đức Hộ Pháp và Đức Quyền Giáo Tông đã dạy không?

Nếu đúng thì trong cuộc đời tu của mình, nhất là khi tuổi đã về chiều, mình sẽ thấy rõ thân này dù vẫn tại gia mà tâm thì đã xuất gia lâu rồi. Phải xuất cho khỏi phiền não gia, và hoàn toàn thoát ra ngoài vô minh gia thì bước đường siêu thăng giải thoát chắc chắn đã mở rộng chực chờ mình sẵn đó.

Vậy thì thôi đừng bận tâm chi tới việc tu xuất thế hay tu tại thế vì tu tại gia, ở tại thế vẫn chứng quả và đắc đạo được, như trường hợp của ông Cấp Cô Độc và gia đình, đã kể như trên và trường hợp thân phụ Đức Phật Thích Ca là vua Tịnh Phạn sẽ được kể tiếp sau đây.

C- VUA TINH PHẠN:

Hai năm sau khi thành đạo, đức Phật trở về thành Ca-Tỳ-La-Vệ để thăm vua cha.

Được tin đức Phật về, vua Tịnh Phạn ban lệnh tổ chức yến tiệc linh đình để thiết đãi Phật cùng tăng đoàn. Vua nghĩ rằng con mình khi về chắc sẽ đến thẳng hoàng cung chớ chẳng đi đâu khác. Vua nào có ngờ đức Phật lại đi khất thực trước lúc

vào hoàng cung.

Nghe nói đức Phật đi xin ăn ngoài dân dã, nhận thức ăn từ những giai cấp thấp hèn, vua Tịnh Phạn giật mình, kinh ngạc và cho đây là một sỉ nhục đối với Ngài. Ngài bèn xuất thành đi tìm gặp Phật ở giữa đường.

Ngài vừa bàng hoàng, vừa có phần bực tức nên trách móc rằng: “Con ơi, sao con lại đi chân không, đầu trần không đội nón, và tại sao con lại đi xin ăn từ những giai cấp cùng đinh, tại sao con lại làm nhục cha như vậy? Con có biết rằng giai cấp xã hội chúng ta chẳng cho phép con được làm như vậy không? Tại sao con lại giao thiệp và xin xỏ từ những người trong giai cấp nô lệ, trong khi con xuất thân là một hoàng tử và cha hiện tại là vua?”

Để đáp lại bao nhiêu buồn phiền trách móc của vua cha, đức Phật ôn tồn giải thích rằng Ngài làm như vậy là noi theo cung cách của chư Phật, chớ Ngài hiện giờ không còn sống với truyền thống và lối sống của giòng họ vương giả trong xã hội phân biệt giai cấp thời bấy giờ như tại Ấn Độ.

Sau đó, kế tiếp theo, đức Phật thuyết đạo cho cha nghe và bài pháp ngài thuyết đã làm cho vua Tịnh Phạn rung động, tâm chứng và đắc quả Dự Lưu Tu Đà Hoàn ngay bên vệ đường nơi Ngài cùng đức Phật đang đối diện. Ngài đánh lễ đức Phật ngay tại đó.

Ba năm sau, đến mùa hạ thứ năm, tức sau khi đức Phật đắc đạo được 5 năm, vua Tịnh Phạn đau nặng. Đức Phật hay tin trở về hoàng cung thăm cha. Phật ngồi bên giường bệnh an ủi cha và thuyết pháp cho cha nghe. Sau mấy ngày nghe Phật thuyết pháp, vua Tịnh Phạn đắc quả A La Hán rồi băng hà trong khi Ngài vẫn vận triều phục của một vị quốc vương và đang ở tại hoàng cung trong hoàng thành.

Như vậy vua Tịnh Phạn đã đoạn diệt sinh tử và việc đắc quả Bất Sinh của Ngài đã chỉ dạy cho người sau được những gì?

Ngài đắc quả Thánh Tu Đà Hoàn bên vệ đường khi gặp Phật. Ngài lại đạt được Niết Bàn khi đắc quả A La Hán, một quả vào thời Phật giáo Nguyên Thủy là hiện thân của sự giác ngộ, mà giác ngộ là thành Phật. Nói rõ hơn là Ngài đã chứng quả Bất Sinh nghĩa là đoạn diệt sinh tử, tức giải thoát.

Ngài chứng quả ngay bên vệ đường khi nghe Phật thuyết chớ không phải ở tịnh xá hay ở trong chùa. Ngài chứng Ngộ trong lúc Ngài chưa xuất gia, không phải là một tăng sĩ mà chỉ là cư sĩ, một cư sĩ đắc đạo ngay tại hoàng cung, trong lúc đang vận triều phục.

Nói tóm lại, kết quả chứng đắc của vua Tịnh Phạn cho thấy chứng ngộ không nhất thiết phải là tăng sĩ hay cư sĩ, không nhất thiết phải là xuất gia hay tại gia. Người tu tại gia, ở tại thế, vẫn có thể chứng đắc được như thường, miễn làm sao tu đúng đường, đúng cách, hễ giác ngộ được là thành Phật vì Phật, theo định nghĩa, là một Đấng Giác Ngộ.

KẾT LUẬN

A-Thứ nhất: Việc gia đình một cư sĩ gồm có ông bà Cấp Cô Độc, các con và một số tớ trai gái, tất cả đều được chứng quả từ nhập lưu vào dòng Thánh đến đoạn lìa sanh tử, chứng đắc Niết Bàn cho thấy vấn đề đắc đạo không hề có phân biệt chủ tớ, giàu nghèo, nam nữ, tu sĩ hay cư sĩ, tu tại gia hay xuất gia, đã xuất thế hay vẫn còn tại thế.

Cư sĩ là những người còn ở tại gia, tu tại thế vẫn chứng đắc và giải thoát như tu sĩ là những vị xuất gia.

Bà Cấp Cô Độc, một người không tin Phật pháp mà lại còn công khai chống đối đức Phật và các đại đệ tử của Phật, thế mà bà vẫn đắc quả là do TÌNH THƯƠNG của bà đối với chú tiểu bụ bẫm, kháu khỉnh La Hầu La. Như vậy, nói một cách nôm na là tình thương, còn nói theo Khổng giáo hay Lão giáo là lòng

Nhân ái, và nói theo Phật giáo là tâm từ bi, lòng nhân ái, lòng bác ái hay tình thương vị tha, đức tính thứ nhất của một vị Phật đã sống dậy nơi bà rồi giúp cho bà chứng quả.

Việc chứng quả của bà Cấp Cô Độc cho thấy con người, bất cứ ai, dù thoát tiên không tin ở Đạo, nơi pháp nhưng một khi tình thương vị tha tức tâm từ bi, lòng nhân ái hay lòng bác ái đối với nhơn sanh tròn đầy, không hề thối chuyển khiến cho chẳng còn có thể nghĩ ác, nói ác, làm ác, mà chỉ có thể nghĩ thiện, nói thiện, làm thiện, thì con người ấy, từ lúc đó, có thể đắc đạo chứng quả rất dễ dàng.

Nói rõ hơn là tâm từ bi, lòng nhân ái hay tình thương vị tha là nguyên ủy, là nguồn gốc của mọi thiện lành, là cái chìa khóa để mở cửa Niết Bàn giải thoát mà đạo Cao Đài viết ra bằng chữ “AMOUR” tại Tịnh Tâm Đài Tòa Thánh Tây Ninh, cũng như tại tiền đình của tất cả Thánh Thất.

Còn trường hợp con trai của ông bà Cấp Cô Độc, một người chỉ biết chạy theo uy quyền danh vọng, tham của mê tiền, ấy vậy mà cũng vẫn chứng quả được. Đó là nhờ tâm tỉnh thức, thấy rõ đời là vô thường, tiền bạc vốn không, tất cả đến rồi đi, có rồi không, còn rồi mất nên đã giác ngộ. Nhờ trí tuệ giác ngộ qua những lần thọ bát quan trai và đi nghe pháp nên thấm thấu và tâm chứng, do đó mà không còn đam mê tiền bạc, danh vọng nữa, vì thế cũng đắc được quả Thánh.

Đây là kết quả của tâm giác ngộ, của trí tuệ thấy rõ tánh không của ngã và pháp được đạo Phật gọi là Trí Bát Nhã, đạo Cao Đài gọi là Trí Vô Đối, một đức tính thứ hai cũng của tất cả các vị Phật mà đạo Cao Đài viết ra bằng chữ “JUSTICE” đặt tại Tịnh Tâm Đài Tòa Thánh Tây Ninh cũng như tại tiền đình của tất cả các Thánh Thất.

Tóm lại, ông bà Cấp Cô Độc cùng các con và gia nhân trai gái chứng quả trong khi vẫn còn là người tại thế, tu tại gia. Chậm

chí bà Cấp Cô Độc đã đắc quả trước khi qui y, và ông Cấp Cô Độc cũng đắc quả ngay lần đầu gặp Phật. Vậy thì việc đắc pháp hay đạt đạo không nhất thiết là do tu xuất gia hay tại gia, xuất thế hay tại thế, tu sĩ hay cư sĩ.

Bất cứ ai mà nếu chuyển được tâm là có thể tu đắc quả, dù là ở bất cứ nơi đâu. Vấn đề tu đắc đạo hay không là nhờ chuyển tâm chớ không do chuyển cảnh.

Kinh Phật đã chỉ rõ việc này và cách tu của Đạo Cao Đài là một minh chứng.

B- Thứ hai: Đây là trường hợp của vua Tịnh Phạn, phụ thân của đức Phật Thích Ca.

Vua Tịnh Phạn sau khi nghe đức Phật Thích Ca, thuyết đạo đã chứng quả A La Hán, tức đạt được Hữu Dư Niết Bàn tại thế trong lúc đức Vua vẫn còn ở tại Hoàng Cung, vận triều phục hoàng đế. Như vậy thì việc đắc quả rõ ràng không bắt buộc phải là đầu tròn áo vuông, cũng không bắt buộc phải là xuất gia thoát tục.

Kết luận về trường hợp của vua Tịnh Phạn và gia đình ông Cấp Cô Độc, cả hai xác nhận rằng trong việc chứng quả hay đạt đạo không hề có sự phân biệt giữa cư sĩ và tu sĩ, giữa xuất gia và tại gia, giữa tại thế hay thoát tục mà Thiếu Thất Lục Môn đã có nói rất rõ.

1)-THIẾU THẤT LỤC MÔN:

Thiếu Thất Lục Môn của đạo Phật hay Sáu Cửa Vào Động Thiếu Thất của đức Bồ Đề Đạt Ma, đặc biệt là tại Cửa Thứ Năm Ngộ Tánh Luận và Cửa Thứ Sáu Huyết Mạch Luận có nói như sau: “Phật ở trong tâm như trầm hương ở trong cây. Mới biết ngoài cây không có hương, ngoài tâm không có Phật. Là tâm không Phật. Là Phật không tâm. Khi mê thì Phật độ chúng sanh. Khi tỉnh thì chúng sanh độ Phật...”

Nếu thấy tâm mình là Phật thì không cần cắt tóc cạo râu. Hàng áo trắng vẫn là Phật. Nếu không thấy Tánh thì cắt tóc cao

râu vẫn là ngoại đạo.” (9)

Những điều mà Sáu Cửa Vào Động Thiếu Thất vừa nói trên đây cũng đã được xác nhận bởi Pháp Bảo Đàn Kinh của Lục Tổ Huệ Năng và Kinh Duy Ma Cật của Phật Giáo Đại Thừa.

2)- KINH DUY MA CẬT:

Kinh Duy Ma Cật của Phật Giáo Đại Thừa chủ trương tu tại thế và tu nhập thế, đặc biệt là tán thán những ai tu tại gia, vì giới tu tại gia có nhiều ràng buộc, lắm chướng duyên hơn xuất gia, thế mà vẫn tu được thì đó mới là đáng quý, đó mới là cao cả.

Kinh này khuyến khích tích cực vào đời để cứu độ chúng sinh và nói rõ rằng không phải vào ở trong chùa mới tu có kết quả, mà trái lại bất cứ ai ở bất cứ nơi nào cũng tu được. Vấn đề là chuyển tâm chớ không chuyển cảnh, nghĩa là ở nhà tu cũng được, lên núi tu cũng được chớ không nhất thiết phải vào chùa mới tu được, chứng ngộ được.

Chứng ngộ chẳng là do ở Tâm. Tâm bình thì thiên hạ bình. Tâm thanh tịnh thì thế giới thanh tịnh.

Nói rõ hơn là với tâm thì không có phân biệt nơi chốn rừng, núi, nhà, chùa, cũng không hề có phân biệt nam nữ, nghèo giàu, sang hèn, già trẻ v.v. Bất cứ ai nếu được tâm thanh tịnh thì sẽ có đạo tràng thanh tịnh.

Nói khác hơn, thanh tịnh hay không là do bởi nơi tâm, vì thế nếu tâm đã thanh tịnh rồi, và khi được giác ngộ giải thoát rồi thì ai ai cũng đều giống như nhau, tất cả đều có Thánh Tâm Phật tánh, giống nhau chớ chẳng khác chi nhau, là một chớ chẳng hai, mà Thiên Nhân đạo Cao Đài dạy rõ chỉ có “Một” chớ chẳng phải hai.

Đó cũng chính là lý Bất Nhị của Phật Giáo, một trong những giáo lý cao siêu nhất, căn bản nhất, là nền tảng của Phật Pháp vẫn dạy chẳng có hai, cũng như Khổng Giáo với lời nói của đức Khổng Phu Tử “Ngô đạo nhất dĩ quán chi,” và đức Lão Tử với

Chương 2 của Đạo Đức Kinh giải rõ lý Bất Nhi, hay cái lý ẩn tàng trong Thiên Nhân của đạo Cao Đài là “Vô - hữu tương sanh, nan dị tương thành, trường đoản tương hình, cao hạ tương khuynh, âm thanh tương hòa, tiền hậu tương tùy”, tức Có và Không sinh lẫn nhau, dễ và khó tạo nên nhau, gần và dài làm rõ cho nhau, cao và thấp lại dựa vào nhau, âm và thanh lại hòa lẫn nhau, trước và sau lại cùng theo nhau, nghĩa là tất cả không hai,

Vậy thì thôi nói hai làm gì, phân biệt làm chi người xuất gia kẻ tại thế mà chỉ nên nhớ rằng ai cũng có tâm, mà tâm tức Phật. Phật tức tâm, cũng có nghĩa là Phật ở tại tâm, chớ chẳng do có tóc râu hay không râu tóc mà trường hợp Lục Tổ Huệ Năng là một điển hình.

3)- LỤC TỔ:

Lục Tổ Huệ Năng được trao y bát để làm tổ Thiên Tông thứ sáu trong khi Ngài vẫn còn để tóc râu, lam lũ cặm cụi lo giã gạo ở dưới nhà bếp chớ nào được vô chánh điện, càng không thể vào dự lớp giảng giáo lý của Thượng Tọa Thần Tú (10) vị giáo phẩm mà tất cả đồ chúng trong chùa cũng như quan Biệt Giá bên ngoài, ai ai cũng vẫn cứ tưởng là người duy nhất xứng đáng để kế thừa ngôi vị Tổ, thế mà lại không.

Ở đây, vấn đề chẳng phải chức tước, phẩm trật, mà chủ yếu là tâm đã chuyển đến đâu, Tánh đã thấy hay chưa, chớ nào phải tóc râu đã cạo, hớt rồi hay chưa cạo, chưa hớt.

Mặc dù tóc râu chưa cạo, với dáng dấp rõ ràng của một người chạy nạn khi đang bị một đám đông thuộc phe Thần Tú ráo riết rượt theo để mong giành lại bát y, thế mà khi đến làng Tào Hầu thuộc Thiều Châu gặp được nho gia Lưu Chí Lược lấy lễ mà đái nên Ngài vào ở nhà của Chí Lược và tiếp xúc với bà cô của gia chủ là Ni Sư Vô Tận Tạng.

Lục Tổ đã gây kinh ngạc khi Ngài giảng kinh Niết Bàn cho Tỳ Kheo Ni này nghe và bà vô cùng khâm phục truyền rao cho đại chúng mau đến để cúng dường. Ở đây, Lục Tổ chứng minh cho thấy việc thấu tỏ vô thượng thậm thâm vi diệu pháp, mà nói rõ hơn là việc đạt được đạo hay không chẳng liên quan gì đến đầu tóc hay tóc râu, tu sĩ hay cư sĩ.

Tu sĩ như Pháp Sư Ấn Tông, vị Tỳ Kheo trụ trì chùa Pháp Tánh ở Quảng Châu, thế mà khi gặp Tổ Huệ Năng sau câu chuyện Phong Phan (11) cũng đã hoàn toàn bái phục vị cư sĩ vẫn còn chừa tóc, để râu. Chính Pháp Sư đã tự tay xuống tóc cho cư sĩ trở thành tu sĩ, và tôn Ngài làm thầy rồi tập hợp tăng chúng cũng như đại chúng đến với Ngài để mong học đạo. Như vậy, thêm một lần nữa, có thể nói rằng tất cả chúng sanh dù xuất gia hay tại gia thì chẳng có gì là khác nhau cả, nếu kể về Phật Tánh Thánh Tâm.

Dù là xuất gia hay vẫn tại gia cả hai đều có liên quan mật thiết với nhau. Xuất gia lo tu, tại gia lo cúng dường; hoặc xuất gia tu giúp tại gia tu; hay xuất gia tu, tại gia cũng tu; cả hai đều cùng tu được cả. Cả hai cùng đều có Phật Tánh và cả hai đều có thể thành Phật như nhau, nếu có thể nói mà chẳng sợ sai, đó là cả hai cũng như tất cả đều giống nhau và có liên quan mật thiết cùng nhau.

Với sự liên quan mật thiết cùng nhau giữa tất cả mọi người, giữa mọi giai tầng trong xã hội, vậy thì vấn đề ở đây là phải làm sao đem được Đời vào Đạo hay đem Đạo đến với Đời mà tôn giáo Cao Đài ngày nay với đường lối tu tại thế, cũng không ngoài mục đích tối thượng là tìm sự chứng ngộ và giải thoát ngay giữa thế gian này, ngay tại cuộc đời này, để tự lợi rồi lợi tha, tự giác rồi lại giác tha vì chúng sanh vẫn còn có mê lầm, vẫn còn đau khổ thì một Tôn Giáo cũng như bất cứ tôn giáo nào thực hành Bồ Tát Đạo cứu độ quần sanh cũng đều phải vào đời, cũng phải tìm đến chúng sanh để mà thương yêu, để mà

cứu độ, để mà giác ngộ.

Đây mới đúng là tìm giác ngộ tại thế gian và cứu độ cũng ngay tại thế gian, một giáo pháp nào khác xa Phật pháp vì theo giáo lý nhà Phật thì “Phật pháp bất ly thế gian pháp” và cõi nước của đức Phật Thích Ca chính là thế giới ta bà này.

Vậy thì ngày nay tín đồ Cao Đài ở ngay tại thế giới ta bà này, ở ngay tại cõi trần này, ở giữa dòng đời, giữa thế gian, giữa lòng dân tộc, lòng nhân loại để mà tu với cách tu tại thế nhưng không thiếu phần nhập thế và xuất thế, tùy thời, tùy lúc, tùy cơ để tự độ mình và kế tiếp theo đó là độ đời nâng đạo.

Có phải chăng đây là cách tu của một Tân Tôn Giáo, cách tu của những người vẫn còn có gia đình, vẫn có vợ con, vẫn còn râu tóc, một cách tu mà trước đây một Thánh Đức Thái Tử Nhật Bản (12) đã chọn ba quyển Kinh để cho đồ chúng Nhật tu, đó là kinh Duy Ma Cật, Kinh Thắng Man và Kinh Diệu Pháp Liên Hoa và một phần yếu chỉ cũng như giáo lý dạy trong các Kinh này nào có cách xa chi với giáo lý cũng như cách tu của đạo Cao Đài mà ngày nay Phật Giáo Đại Thừa Nhật Bản cũng đang nhờ đó để mà tu.

Đến đây, trước khi viết lời kết luận về đề tài “Tu tại thế” với nhiệm vụ là Hướng Dẫn Viên Chương Trình Giáo Lý 2008, người viết lại thấy có một vấn đề mới cần được đặt ra.

Vấn đề này có thể liên quan phần nào đến con đường tu, mà đặc biệt quan trọng nhất là việc hoằng khai Đạo pháp của Tân Tôn Giáo Cao Đài ra quốc ngoại trong tương lai, do đó mà người viết xin nêu lên với thế hệ kế thừa, đặc biệt là với Hiền Tài Dự phong và Thanh Niên Đại Đạo nói riêng và với đồng Đạo nói chung.

Tâm tư này của người viết không ngoài mục đích là cố mong đền đáp được phần nào ơn đức quá thâm sâu của Đạo mà người viết vẫn nặng mang cho đến ngày giờ này.

Chư vị, đặc biệt là thế hệ kế thừa Hiền Tài Dự Phong cũng

như Thanh Niên Đại Đạo nghĩ thế nào về sự gần nhau trên phương diện giáo lý và cách tu hay sự tìm đến với nhau trong tinh thần hòa ái tương liên của người Phật, tôn giáo Phật. Có phải là một sự ngẫu nhiên, hay do Thiên cơ định sẵn, hoặc vì một lý do nào đó mà kể từ trước năm 1975 đến nay đã có nhiều biến chuyển khả dĩ có thể giúp cho đạo Cao Đài hồng khai ra quốc ngoại, nhưng hình như mãi đến ngày nay vẫn chưa có sự xem xét kỹ vấn đề này.

Có cần tìm hiểu tường tận tại sao mà trước năm 1975, đạo Cao Đài được mời sang Nhật Bản, và sau năm 1975 lại có nhiều phái đoàn, nhiều Giáo phẩm người Nhật đến Hoa Kỳ và Úc Châu để tìm hiểu đạo Cao Đài. Với Omoto giáo của Nhật, chư vị Chức sắc cũng như toàn thể tín đồ Cao Đài, nhất là Hiền Tài Dự Phong và Thanh Niên Đại Đạo Thanh Niên hiểu như thế nào?

Cơ bút và giáo lý của Omoto giáo như thế nào? Có sự gần gũi nào không? v.v. Tại sao lại có sự tìm đến và biểu lộ tình thân thiện với mục đích thấy rõ là hoàn toàn vì Đạo pháp và tương liên hành thiện.

Ngoài ra, còn có cách tu của Phật giáo Đại Thừa Nhật Bản, một cách tu có phần nào gần gũi với cách tu của đạo Cao Đài mà nếu chẳng có gì cao siêu thì tại sao lại có sự hiện diện của Thiền Sư Daisetzteitaro Suzuki, một vị Thiền sư danh tiếng lẫy lừng tại Nhật Bản và vang danh trên thế giới, đã viết ra bộ Thiền Luận gồm ba quyển dài 1320 trang, được dịch sang ngoại ngữ.

Thiền Sư Suzuki vừa là Thiền Sư mà cũng vừa là Tân Tăng của Đại Thừa Phật Giáo Nhật. Với phận sự là một Thiền Sư và là một Tân Tăng khi ra hóa độ hồng pháp lợi sinh, Ngài Suzuki cũng lập gia đình có vợ con như bao nhiêu người thế tục. Như vậy về Đại Thừa Phật Giáo Nhật, chúng ta nói chung và Hiền Tài Dự Phong cũng như Thanh Niên Đại Đạo nói riêng đã

có biết như thế nào?

Cách “Tu tại thế” của hai tôn giáo Cao Đài và Đại Thừa Nhật có điểm nào giống nhau không?

Cách tu của Phật Giáo Đại Thừa Nhật có thể nào giúp cho việc Phổ Độ của đạo Cao Đài để mở rộng ra năm châu bốn biển không? Đạo Cao Đài đã có ai cho người Nhật biết “RÕ-ĐẦY ĐỦ VÀ ĐÚNG” Mục đích, Tôn chỉ, Giáo lý cũng như cách tu của Tân Tôn Giáo Cao Đài chưa, mà đó cũng là để biểu lộ phần nào tấm lòng ưu ái phải chăng do chẳng thấy khác xa nhau.

Với đạo sự này, kính xin chư Chức Sắc, chư Tôn Đức, chư Thiện Tri Thức đạo tâm, mà đặc biệt nhất là thế hệ kế thừa, nói rõ hơn là Hiền Tài Dự Phong và Thanh Niên Đại Đạo xem coi có nên lưu tâm không?

Với Hiền Tài Dự Phong và Thanh Niên Đại Đạo người viết xin được xưng danh bằng cách ghi lại đây lời dạy của Đức Hộ Pháp qua hai lần thuyết đạo tại Đền Thánh đêm 28-6 Mậu Tý (3-8-1948) với đề tài Hội Thánh là gì, và ngày 12.7 Mậu Tý (1948) trong Huấn từ mãn khóa Hạnh Đường.

Trong hai lần ấy Đức Ngài có nói rõ như sau: “Trong đám anh em chúng ta ngồi đây cùng sắp em nhỏ kia, trong đó cũng có vị Phật, Tiên giáng thế... Chư Thần, Thánh, Tiên Phật đến ngày giờ định họ sẽ đến... Qua không biết em nào, song qua biết rằng đã có” (13)

Đức Ngài đã nói rõ quá!

Để lo cho Đạo, Đức Ngài kỳ vọng nơi chư vị đạo tâm mà đặc biệt nhất là thế hệ kế thừa, thế hệ của “sắp em nhỏ kia, trong đó cũng có vị Phật Tiên giáng thế.”

Mong thay chư vị đạo tâm, thế hệ kế thừa, quan trọng nhất là Hiền Tài Dự Phong và Thanh Niên Đại Đạo thương Đạo cứu Đời.

Để kết luận, một lần nữa xin được minh định rằng khi viết bài này, người viết không hề có ý vọng động nói cao thấp, dở

hay, hoặc so sánh cách tu này với cách tu khác, hay tôn giáo này với tôn giáo khác, nhất là với đạo Phật mà người viết vẫn luôn luôn kính trọng. Người viết chỉ có một ước vọng duy nhất là dựa vào những điển tích, những nhân vật, những sự việc đã xảy ra để làm hiển lộ tinh túy Giáo lý của Đạo Cao Đài ẩn tàng trong Thiên Nhân qua Pháp Môn Bất Nhị (14), một trong những Pháp môn quan trọng, căn bản và cao siêu nhất của đạo Phật.

Nói rõ hơn, Thiên Nhân của đạo Cao Đài cũng như Lý Bất Nhị của đạo Phật, ngoài những bí pháp ẩn tàng khác, còn dạy người tu chớ nên phân biệt. Xuất gia và tại gia nào có khác chi nhau, vì tu tại thế hay tu thoát tục đều cũng nhằm cho sáng cái Tâm, thấy cái Tánh, thấy rõ “Thiên Mạng Chi Tánh” của mình, đó là Tánh Trời, Tánh Phật mà hễ bất cứ ai dù xuất thế hay tại gia, nếu thấy được Tánh là có thể tu đạt Đạo.

Với bài này, người viết có hai mục đích:

1- Mục đích thứ nhất, với nhiệm vụ là Hướng Dẫn Viên trong Chương trình Giáo Lý 2008, muốn trình bày với chư liệt vị Tham Dự Viên và toàn Đạo rằng “tu tại thế như đạo Cao Đài đang tu vẫn chứng quả nghĩa là vẫn siêu thăng và giải thoát”.

2. Mục đích thứ hai, cũng không kém phần quan trọng là nhân bài viết này để có đôi lời tâm huyết với thế hệ kế thừa là làm sao cố gắng tiếp tay vào việc hoằng khai Đại Đạo.

Bài viết này chắc không tránh khỏi sơ sót, nhất là không thể viết hết được trong khuôn khổ một Chương Trình Giáo Lý mà vẫn đã vượt qua. Vậy người viết xin cáo lỗi và kính xin Chư Chức Sắc, Chư Tôn Đức, Chư Thiện Tri Thức, Chư vị Tham Dự Viên và toàn thể Đồng Đạo, Nơn sanh niệm tình chỉ giáo./.

(HT. Lê văn Thêm)

GHI CHÚ - THAM KHẢO:

(1) **Vạn Vật Đồng Nhất Thể** - Nhân Tử Nguyễn văn Thọ - Nhà Xuất Bản Nhân Tử Văn - California USA 2002 - Trang 10.

(2) **Sáu Cửa Vào Động Thiếu Thất** - Bồ Đề Đạt Ma - Trúc Hiền dịch - NXB. Tôn Giáo VN 1999 - Trang 148.

(3) **Tư Điển Phật Học** - Ban Biên Dịch Đạo Uyển - NXB Tôn Giáo VN 2006, Trang 110 .

(4) **Ib - Trang 703, 710, 20, 18**

Tu Đà Hoàn là quả Dự Lưu, một trong bốn quả Thánh của đạo Phật gồm có Tu Đà Hoàn (trang 703), Tu Đà Hàm (trang 710), A Na Hàn (trang 20), và A La Hán (trang 18).

- Tu Đà Hoàn còn được gọi là Thất Lai, nghĩa là còn trở lại trần gian bảy (7) lần nữa để tiếp tục sau đó sẽ đạt đạo và giải thoát.

- Tu Đà Hàm, còn được gọi là Nhất Lai, tức còn trở lại trần gian chỉ một lần nữa thôi để tu đắc các quả kế tiếp và giải thoát.

- Riêng A Na Hàn là quả thứ ba (3), còn được gọi là Bất Hoàn, nghĩa là không còn trở lại trần gian này nữa, ở trên cõi Trời và tiếp tục tu để đắc quả A La Hán.

- Còn A La Hán là vị đã đạt được Niết Bàn, đoạn diệt sanh tử, tức không còn trở lại trần gian nữa. A La Hán là hiện thân của giác ngộ và giải thoát.

(5) **Chữ Thiên Nhân** dùng trong bối cảnh này được hiểu theo đạo Phật chứ không phải theo đạo Cao Đài. Theo đạo Cao Đài thì Thiên Nhân trên hết. Còn theo đạo Phật thì Nhân gồm có Nhục Nhân, Thiên Nhân, Huệ Nhân, Pháp Nhân và Phật Nhân. Mặc dù trong đạo Phật có phân chia như vậy nhưng khi cần để nhìn ra ngoài, nhìn xa thì Phật cũng xử dụng Thiên Nhân, chứ không thấy nói Phật Nhân.

(6) Viết theo tài liệu và có đoạn trích từ Pháp Thoại Cấp Cô Độc MP3 của Ni Sư Huệ Hạnh thuyết giảng tại Hoa Kỳ.

(7) **Sáu Cửa Vào Động Thiếu Thất** - GHPGVN - Trúc Hiền dịch. NXB Tôn Giáo VN 2000, trang 113, 115, 117.

(8) **Bát Quan Trai**: Là giáo pháp tu tập mà ngày nay Phật giáo thường áp dụng để tu. Đó là cách tu tám giới thay vì năm (5) giới như Cư sĩ. Người thọ bát quan trai đến chùa, ở lại đó qua đêm và tu tám giới gồm có năm giới của cư sĩ là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói láo, không uống rượu,

cộng thêm ba giới nữa là không trang điểm, không dự những cuộc vui đờn ca xướng hát, không nằm giường cao niệm ẩm và ăn phi thời.

(9) **Sáu Cửa Vào Đông Thiếu Thất** - Như số 7. Trang 157.

(10) **Thần Tú (605-706)**: Còn được gọi là Ngọc Tuyền Thần Tú, là môn đệ của Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn. Theo truyền thuyết, Thần Tú thua cuộc trong việc chọn người nối pháp của Hoàng Nhẫn và Huệ Năng được truyền Y Bát. Mặc dù vậy sư vẫn tự xem mình là người nối pháp Thiền và sáng lập ra Bắc Tông Thiền, một dòng Thiền vẫn còn mang nặng sắc thái Ấn Độ với bộ Kinh Nhập Lăng Già làm căn bản.

Sư thuở nhỏ học nho giáo nhưng không hài lòng. Sau đó năm 46 tuổi đến núi Hoàng Mai thọ giáo với Thiền Sư Hoàng Nhẫn. Sau khi Hoàng Nhẫn viên tịch Sư rời Hoàng Mai. Dòng Thiền của Sư tàn lụi sau vài đời, có lẽ vì liên hệ chính trị nhiều với Vương triều (theo Tự Điển Phật Học - Ban Biên Dịch Đạo Uyển. NXB Tôn Giáo 2006 – Trang 598).

(11) **Phong Phan**: Là câu chuyện trong Pháp Bảo Đàn Kinh. Chuyện xảy ra trước sân chùa Pháp Tánh, Quảng Châu.

Có hai vị tăng đứng trước sân chùa nhìn lá phướng treo trên cột phướng bay phất phơ trước gió. Một sư nói gió động. Sư khác nói phướng động. Hai sư cãi nhau và không ai chịu thua. Lục Tổ Huệ Năng vừa đi đến, nghe và nói với hai vị Tăng rằng “Không phải gió động, cũng không phải phướng động, mà tâm của hai ông động.” Phong Phan là câu chuyện của gió và phướng.

(12) **Thánh Đức Thái Tử**: Con trai thứ của Hoàng đế Yomei Nhật Bản. Thái tử học đạo với một vị tăng Cao Ly đến Nhật Bản để truyền bá Phật pháp. Thái tử là người có trách nhiệm rất lớn trong việc truyền bá kiến thức Phật học đầu tiên ở Nhật. Ông viết các luận giải về kinh Thắng Man, kinh Pháp Hoa, kinh Duy Ma Cát. Ông có gửi nhiều đoàn sứ giả sang Trung Hoa để thâu thập kinh điển Phật giáo (Tự Điển Phật Học. Đạo Uyển. NXB Tôn Giáo 2006, trang 586).

(xin xem tiếp trang 28)

Thông Báo
v/v In Sách trong năm 2009

Trong năm 2009, Ban Thế Đạo Hải Ngoại sẽ in một số sách theo lịch trình sau :

1- Tháng 8-2009:

Sẽ phát hành sách song ngữ của Hiền Tài Lê Văn Thêm tựa đề:

“Giới: Con Đường Dẫn tới Thiên Đàng”
“Precepts: The Way to Paradise”

Hiền Tài Lê Văn Thêm sau khi định cư ở Úc đã tiếp tục học và đã đỗ bằng “Interpreting & Translating” tại Đại học Deekin Úc Châu. Và trong thời gian định cư tại hải ngoại, Hiền Tài Lê Văn Thêm bước vào con đường nghiên cứu Tam giáo và tu học tại gia hầu mong có ngày giúp ích cho Đạo một khi hội Thánh tái lập quyền.

Hiền Tài Lê Văn Thêm đã nghiên cứu và viết rất nhiều đề tài về đạo giáo và đã có nhiều bài viết rất có giá trị đăng trên Tập San Thế Đạo cũng như các Tập San của Phật Giáo tại Úc Châu.

Hiện nay Hiền Tài Lê Văn Thêm là Tham Vấn Cơ Quan Đại Diện Cao-Đài Tòa Thánh Tây Ninh tại Hải Ngoại.

2-Tháng 12-2009

Sẽ phát hành sách của Hiền Tài Nguyễn Trung Đạo tựa đề:

“ Tìm hiểu Ý Nghĩa Kinh Tận Độ Vong Linh ”

Hiền Tài Nguyễn Trung Đạo đã hoạt động trong Ban Thế Đạo Hải Ngoại trên 10 năm qua và đã giữ nhiệm vụ Trưởng Nhiệm Giáo Lý phụ giúp Ban Thế Đạo Hải Ngoại phổ truyền Chơn Pháp và hướng dẫn Giáo Lý trong các Chương Trình Giáo Lý của Ban Thế Đạo Hải Ngoại.

Hiện nay, Hiền Tài Nguyễn Trung Đạo đang giữ nhiệm vụ Trưởng Ban Khảo Cứu Vụ Cơ Quan Đại Diện Cao-Đài Tòa Thánh Tây Ninh tại Hải Ngoại và cũng là Quyền Đầu Tộc Tộc Đạo San Diego thuộc Châu Đạo California.

Trân trọng thông báo cùng quý cơ sở Đạo, đồng đạo và thân hữu và xin liên lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại cho biết số lượng sách (nhu cầu) theo địa chỉ sau:

Ban Thế Đạo Hải Ngoại
3076 Oakbridge Dr
San Jose, CA 95121-1716
Email: dutani@comcast.net
Phone: 408-238-6547, Fax: 408-440-1372.

Mọi sự yểm trợ việc in ấn kinh sách, xin vui lòng gửi check hoặc money order về địa chỉ Ban Thế Đạo Hải Ngoại ghi trên.

Nơi người nhận (pay to the order of) xin ghi:

” Ban Thế Đạo Hải Ngoại”

.Nơi phía dưới góc trái tấm check, nơi chữ For xin đề

“ Yểm trợ in kinh sách”.

Trân trọng thông báo và xin cảm ơn .

San Jose, ngày 15-04-2009

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Thông Báo

v/v niên liễm 2009

Trân trọng kính xin Quý Hiền Huynh Hiền Tỷ Hiền Tài/ Hiền Tài Dự Phongvui lòng đóng niên liễm năm 2009 là USD 60.00/ năm để Ban Thế Đạo Hải Ngoại/ hoặc Ban Thế Đạo địa phương có chi phí hoạt động.

Niên liễm sẽ được gửi về các Ban Thế Đạo Nam California, Ban Thế Đạo Bắc California hoặc Ban Thế Đạo Úc Châu tùy theo Hiền Huynh Hiền Tỷ cư ngụ trong phạm vi Ban Thế Đạo nào. Đối với Hiền Huynh Hiền Tỷ cư ngụ ngoài 3 phạm vi trên, niên liễm xin gửi về Ban Thế Đạo Hải Ngoại.

Trân trọng cảm ơn quý Hiền Huynh Hiền Tỷ.

San Jose, ngày 15-04-2009

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

TÌM HIỂU VỀ ĐẠO CAO ĐÀI

LƯỢC SỬ KHAI ĐẠO (Kỳ thứ 5)

Sưu tầm tài liệu để biên soạn phần “Lược Sử Khai Đạo” chúng tôi có một ước vọng nho nhỏ là có thể giúp ích được cho một số Quý Vị muốn tìm hiểu sơ lược về nền Tân Tôn Giáo này, đặc biệt là giúp cho những Tín Hữu mới nhập môn mà không có điều kiện thời gian để đọc nhiều sách Đạo.

Chúng tôi tin chắc việc biên soạn còn nhiều khiếm khuyết, kính mong Quý Huynh Tỷ chỉ cho những chỗ sai sót để chúng tôi điều chỉnh lại và có dịp học hỏi thêm.

Hiền tài Nguyễn Trung Đạo

CHUẨN BỊ KHAI ĐẠO

Đến tháng 8 Bính Dần (tháng 9-1926), số đồng đạo qui tụ đã được khá đông, lên đến cả ngàn. Lúc bấy giờ, Ngài Lê Văn Trung đã là Đầu Sư Thượng Trung Nhựt, sau khi lấy ý kiến chung và được mọi người nhất trí, mới kính bạch lên Đức Chí Tôn xin cho công khai hóa hoạt động truyền Đạo.

Đức Chí Tôn dạy hai Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt phải họp các huynh đệ lại để thảo luận thật kỹ về bản văn Khai Đạo, sau đó dâng lên cho Đức Chí Tôn duyệt trước khi gửi cho chánh quyền Pháp. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển có ghi lời dạy của Đức Chí Tôn :

“ Trung, Lịch, hai con phải hội chư Thánh mà xin Khai Đạo. Phải làm đơn mà dâng lên cho Thầy xem xét sửa trước nghe ! “.

(TNHT.I.40 – in năm 1972)

1.- TỜ KHAI ĐẠO 23-8 BÌNH DÂN

Vào ngày 23-8 Bình Dân (29-9-1926), theo lời dạy của Đức Chí Tôn, cuộc họp các môn đệ được tổ chức tại nhà ông Nguyễn Văn Tường, ở hẻm số 237 đường Gallieni (nay là đường Trần Hưng Đạo). Buổi chiều hôm ấy, đột nhiên trời đổ mưa rất lớn, kéo dài khoảng 3 tiếng đồng hồ, làm ngập đường sá, giao thông bị bế tắc. Nhờ điều kiện thời tiết trợ giúp mà buổi họp không bị lính mật thám Pháp quấy rầy, và cũng đồng thời loại được những người hiếu kỳ chỉ muốn đến xem cho vui.

Buổi họp được bắt đầu vào khoảng 7 giờ 30 tối, dưới sự hướng dẫn của các Ngài Lê Văn Trung, Lê Văn Lịch và Cao Quỳnh Cư. Văn bản dự kiến của Tờ Khai Đạo được đọc lên cho toàn thể môn đồ có mặt được nghe và góp ý. Sau khi đại hội thống nhất nội dung tờ Khai Đạo, Ngài Lê Văn Trung chịu trách nhiệm soạn ra văn bản bằng tiếng Pháp để gửi lên chánh quyền Pháp. Đại hội kết thúc vào khảng 9 giờ tối, và lúc đó trời cũng bắt đầu tạnh mưa. Đồng đạo lần lượt bình an ra về, như đã được Ôn Trên hộ trì.

Hiện diện trong buổi họp đếm được 247 vị, nhưng ký tên vào danh sách chỉ thấy có 244 vị, vì có một vị ghi lộn số thứ tự và 2 vị chưa kịp ký tên.

Sau khi Ngài Lê Văn Trung viết xong TỜ KHAI ĐẠO bằng tiếng Pháp thì Quý Ngài lập đàn tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư để dâng lên cho Đức Chí Tôn duyệt xét sửa chữa.

Đức Chí Tôn giảng cơ, bảo Ngài Cao Quỳnh Diêu đọc tên từng người trong Danh Sách, khi cơ gõ tên người nào thì đưa tên người ấy vào Tờ Khai Đạo. Tổng cộng Đức Chí Tôn điểm danh 28 vị. Xong, Đức Chí Tôn dạy :

“ Thầy dặn con, Trung : Nội thứ năm tuần tới, phải đem đến Le Fol mà khai cho kịp nghe “.

Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhật vâng lệnh Thầy, chờ đến thứ năm tuần sau là ngày 1-9 Bình Dân (7-10-1926), đích thân

Ngài lên dinh Thống Đốc Nam Kỳ nạp Tờ Khai Đạo cho ông Thống Đốc Le Fol, được ông tiếp nhận một cách lịch sự.

Tiếp nhận Tờ Khai Đạo, một bản tuyên ngôn chánh thức về việc thành lập Đạo Cao Đài, ông Thống Đốc Nam Kỳ đã hành xử rất khôn khéo : vui vẻ tiếp nhận văn kiện nhưng không cam kết công nhận chánh thức mối Đạo.

*Nhận Xét : - Tờ Khai Đạo không phải là Đơn Xin Phép Khai Đạo, mà là Bản Tuyên Ngôn chánh thức của một số tín đồ Cao Đài, khai báo cho nhà cầm quyền Pháp biết là có một số người đứng ra thành lập một nền tôn giáo mới.

DANH SÁCH 28 MÔN ĐỆ KÝ TÊN TỜ KHAI ĐẠO

1. Bà Lâm Ngọc Thanh, nghiệp chủ ở Vũng Liêm.
2. Lê Văn Trung, cựu Thượng nghị viện, thợ Ngũ đẳng Bửu tinh, Chợ Lớn.
3. Lê Văn Lịch, thầy tu làng Long An, Chợ Lớn.
4. Trần Đạo Quang, thầy tu làng Hanh Thông Tây, Gia Định.
5. Nguyễn Ngọc Tương, Tri Phủ, Chủ Quận Cần Giuộc.
6. Nguyễn Ngọc Thơ, Nghiệp chủ, Sài Gòn.
7. Lê Bá Trang, Đốc Phủ Sứ, Chợ Lớn.
8. Vương Quan Kỳ, Tri Phủ Sở Thuế Thân, Sài Gòn.
9. Nguyễn Văn Kinh, thầy tu, Bình Lý Thôn, Gia Định.
10. Ngô Tường Vân, Thông Phán Sở Tạo Tác, Sài Gòn.
11. Nguyễn Văn Đạt, Nghiệp Chủ, Sài Gòn.
12. Ngô Văn Kim, Điền chủ, Đại Hương Cả, Cần Giuộc.
13. Đoàn Văn Bản, Đốc Học trường Cầu Kho, Sài Gòn.
14. Lê Văn Giảng, Thợ ký kế toán hãng Ippolito, Sài Gòn.
15. Huỳnh Văn Giới, Thông Phán Sở Tân Đáo, Sài Gòn.
16. Nguyễn Văn Tường, Thông ngôn Sở Tuần Cảnh, Sài Gòn.
17. Cao Quỳnh Cư, Thợ ký Sở Hỏa Xa, Sài Gòn.
18. Phạm Công Tắc, Thợ ký Sở Thương Chánh, Sài Gòn.
19. Cao Hoài Sang, Thợ ký Sở Thương Chánh, Sài Gòn.
20. Nguyễn Trung Hậu, Đốc Học trường Tư Thục Dakao, Sài Gòn.

21. Trương Hữu Đức, Thơ ký Sở Hỏa Xa, Sài Gòn.
22. Huỳnh Trung Tuất, Nghiệp chủ, Chợ Đuối, Sài Gòn.
23. Nguyễn Văn Chức, Cai Tổng, Chợ Lớn.
24. Lại Văn Hành, Hương Cả, Chợ Lớn.
25. Nguyễn Văn Trò, Giáo viên, Sài Gòn.
26. Nguyễn Văn Hương, Giáo viên, Dakao.
27. Võ Văn Kính, Giáo tập, Cần Giuộc.
28. Phạm Văn Tỉ, Giáo tập, Cần Giuộc.

- Ông Pierre Bernardini (người Pháp), trong luận án Tiến Sĩ, đã gọi Tờ Khai Đạo này là : “Déclaration officielle adressée par les fondateurs du Caodaisme à M. Le Fol, Gouverneur de la Cochinchine” (Tạm dịch : Tuyên Ngôn chánh thức được những người sáng lập Đạo Cao Đài gửi tới ông Le Fol, Thống Đốc Nam Kỳ).

2.- ĐỨC LÝ KIÊM NHIỆM GIÁO TÔNG

Kể từ ngày 24-4-1926 (13-3 Bính Dần), ngày mà Quan Phủ Ngô Văn Chiêu tách ra khỏi Nhóm Phổ Độ để lo bề tự giác, ngôi Giáo Tông chưa có người nhận.

Đến ngày 29-10-1926 (23-9 Bính Dần), Đức Chí Tôn giao cho Đức Lý Nhứt Trấn Oai Nghiêm kiêm nhiệm, cầm quyền Giáo Tông, điều khiển nền Đạo.

Trong bài Thánh Giáo ngày 29-10-1926 , Đức Chí Tôn dạy như sau :

“VẬY từ đây, quyền thưởng phạt đã giao vào tay Lý Thái Bạch. Các con liệu mình mà cầu rỗi nơi Người. Thầy dạy dỗ, các con không nghe, đờ có hình phạt thì các con chịu lấy”.

Trong phần TÁI CẦU, Đức Lý giảng cơ dạy như sau :

“ HỈ CHƯ Đạo Hữu - Thiên Phong bình thân.

Từ đây Thầy đã giao quyền thưởng phạt về nơi tay Bản Đạo, vậy các Đạo hữu khá hết lòng lo lắng, vun đắp nền Đạo cho vững vàng, hiệp ý với Thiên Cơ mà bước lần lên địa vị cao thượng, chớ sứt sè ôm thói mờ hồ, thì đã uống công trình cực

nhọc từ bấy lâu nay, lại thêm chẳng đặng theo Thánh ý của Thầy là bậc Chí Tôn đã hết sức nhọc nhằn cùng sanh chúng.

Mở một mối đạo không phải là sự thường tình, mà sanh nhằm đời đặng gặp một mối đạo cũng chẳng phải dễ. Muốn lập thành tất phải có điều nghiêm chánh thưởng phạt. Có thưởng mới giục lòng kẻ có công, có phạt mới răn đặng lòng tà vạy “ (TNHT.I.47 - in năm 1972).

3.- CHUẨN BỊ LỄ KHAI ĐẠO

Số người nhập môn theo Đạo mỗi lúc mỗi đông, nên cần phải làm một Lễ Khai Đạo để ra mắt quốc dân và thế giới. Tờ Khai Đạo không phải là đơn xin, nên không có việc chờ đợi nhà cầm quyền Pháp chấp thuận và cho phép. Do đó, sau khi gửi tờ Khai Đạo lên Thống Đốc Le Fol, những vị đứng tên xin Khai Đạo lo gấp rút chuẩn bị cho Ngày Khai Đạo.

Đức Chí Tôn cho lệnh làm Đại Lễ Khai Đạo vào ngày Rằm Hạ Ngươn năm Bính Dần (19-11-1926). Tờ Khai Đạo được gửi cho Thống Đốc Nam Kỳ vào ngày 1-9 Bính Dần (7-10-26). Như vậy, chỉ còn non một tháng rưỡi mà có nhiều việc quan trọng cần phải làm song song với nhau :

- Mở rộng việc phổ độ ở các tỉnh để thu nhận thêm tín đồ,

- Chuẩn bị cơ sở vật chất cho Lễ Khai Đạo,

- Chuẩn bị công việc cho Ngày Khai Đạo, gồm có : Lễ, Khách, Thâu và Xuất.

1.- Phổ Độ Lục Tỉnh

Ngay sau khi Tờ Khai Đạo đã được Thống Đốc Nam Kỳ tiếp nhận, Ngài Lê Văn Trung giao cho Ngài Cao Quỳnh Cư biên soạn “ PHỔ CÁO CHÚNG SANH “ để ban hành trong giới Chức Sắc và Tín Đồ khắp nơi, thông báo cho biết Đạo Cao Đài đã được công khai trên mặt pháp lý để các tín đồ yên tâm thờ phượng và hành đạo, đồng thời gián tiếp báo cáo cho các cấp

chánh quyền địa phương biết Đạo Cao Đài đã được Thống Đốc Nam Kỳ hoan nghênh và khen rằng : Vì chữ thiện mà khuyến dân, ấy là chủ nghĩa cao thượng.

Quý vị Tiền Khai phân ra thành ba nhóm để đi truyền Đạo ở các tỉnh.

* Nhóm 1 : Quý Ngài Lê Văn Trung, Trần Đạo Quang, Nguyễn Ngọc Thơ, Lâm Hương Thanh, Lê Văn Giảng,... lo phổ độ trong mấy tỉnh : Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên, Rạch Giá.

Phò Loan : Các Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc.

* Nhóm 2 : Quý Ngài Lê Văn Lịch, Nguyễn Ngọc Tường, Yết Ma Luật, Lê Văn Hóa,... lo phổ độ trong mấy hạt : Chợ Lớn, Gò Công, Tân An, Mỹ Tho, Bến Tre.

Phò Loan : Các Ngài Nguyễn Trung Hậu và Trương Hữu Đức.

* Nhóm 3 : Quý Ngài Lê Bá Trang, Vương Quan Kỳ, Yết Ma Nhung, Trần Văn Liêm,... lo phổ độ trong mấy hạt : Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Gia Định, Biên Hòa, Bà Rịa, Sa Đéc.

Phò Loan : Các Ngài Cao Hoài Sang và Cao Quỳnh Diêu.

Hỗ trợ cho ba nhóm trên, còn có một bộ phận Giảng Đạo do Đại Lão Sư Nguyễn Văn Tường và ông Nguyễn Văn Kinh, là những vị rõ thông đạo lý, từ Minh Sư quy nhập Cao Đài.

Kết quả cuộc phổ độ này rất khả quan : chỉ có một tháng mà độ được cả vạn người nhập môn cầu Đạo (1 vạn = 10 000).

Đến ngày mùng 10 tháng 10, công việc phổ độ các tỉnh phải tạm ngưng để tập trung về Thánh Thất “Từ Lâm Tự” (Gò Kén, Tây Ninh), chuẩn bị cho Đại Lễ Khai Đạo.

Trong số những vị nhập môn cầu Đạo trong giai đoạn này có nhiều nhân sĩ, trí thức, như là :

- Ông Bà Tổng Đốc Phạm Văn Tươi,
- Ông Bà Tổng Đốc Huỳnh Thái Thông,

- Ông Bà Luật Sư Dương Văn Giáo,
- Ông Đốc Phủ Nguyễn Văn Ca,
- Ông Trị Huyện Nguyễn Dư Hoài,
- Ông Cai Tổng Trương Vinh Qui,
- Ông nghị viên Nguyễn Phan Long,
- Ông nghị viên Cao Triều Phát,
- Bác sĩ Lê Văn Hoạch,
- Bác sĩ Nguyễn Thế Vinh,
- Giáo sư Trần Văn Quế,
- Nhà thầu khoán Lê Kim Ty,
- Ông Nguyễn Văn Phùng (Sở Hỏa Xa),
- Ông Latapie (Sở Thương Chánh)...vân.vân...

Đặc biệt, trong giai đoạn này, Đức Chí Tôn thân nhận thêm được 4 vị phò loan, gồm các Ngài : Lê Thiện Phước, Lê Thế Vĩnh, Nguyễn Văn Mạnh và Thái Văn Thâu. Bốn vị này về sau được Đức Chí Tôn phong là 4 vị Thời Quân thuộc Chi Thế.

2.- Từ Lâm Tự Địa Điểm Hành Lễ

Trong lúc trụ trì tại chùa Giác Hải ở Chợ Lớn, Sư Thích Từ Phong có quyền tiền trong bốn đạo để lập một cảnh chùa tại Gò Kén lấy tên là Từ Lâm Tự. Trong số bốn đạo, hai Ông Bà Huyện Nguyễn Ngọc Thơ và Lâm Ngọc Thanh đóng góp nhiều hơn cả. Sau khi được Đức Chí Tôn thân làm môn đệ, Ông Bà Nguyễn Ngọc Thơ thuyết phục Ngài Như Nhân (tức Sư Thích Từ Phong) vào Đạo. Ngài Như Nhân cũng được Đức Chí Tôn thân làm môn đệ, và sau đó được Thiên Phong phẩm Chương Pháp phái Thái (29-7 Bính Dần : 5-9-1926).

Sau đó, Ngài Như Nhân tự nguyện hiến chùa Từ Lâm cho Đạo Cao Đài làm Thánh Thất để tổ chức Lễ Khai Đạo. Chùa Từ Lâm xây cất chưa hoàn thành, chỉ vồn vện có ngôi chánh điện, chưa có các cơ sở phụ thuộc như Đông

Lang, Tây Lang, nhà Tăng, nhà khách, và đường sá vào chùa cũng chưa hoàn tất.

Có được địa điểm để làm Lễ Khai Đạo, Ngài Lê Văn Trung làm đơn xin phép với chánh quyền thuộc địa. Một sự trùng hợp ngộ nghĩnh : Giấy phép được cấp vào ngày 7-11-1926, đúng một tháng sau ngày nộp Tờ Khai Đạo là 7-10-1926.

Về công việc chuẩn bị Đại Lễ, một mặt Ngài Lê Văn Trung lo lập danh sách mời các quan khách, một mặt ông bà Nguyễn Ngọc Thơ - Lâm Hương Thanh gấp rút tiến hành công việc sửa chùa.

- Quan khách mời gồm có : Toàn Quyền Đông Dương, Thống Đốc Nam Kỳ, Chánh Tham Biện tỉnh Tây Ninh, nhiều quan chức cao cấp Pháp và Việt, đại biểu các đoàn thể tôn giáo, giới thượng lưu trí thức, giới phóng viên báo chí, thương gia, kỹ nghệ gia, v.v... đồng thời thông báo cho dân chúng biết là họ được tự do đến dự lễ và cúng kiếng.

-Về công việc sửa chữa chùa, ông bà Nguyễn Ngọc Thơ và Lâm Ngọc Thanh cho sơn phết, phát quang chung quanh, đổ đá làm đường cho rộng rãi từ quốc lộ vào tới sân chùa, để xe hơi chạy vô được tới sân chùa, cất thêm các dãy nhà xung quanh để có chỗ làm việc, nơi tiếp khách, phòng trù, nhà nghỉ, v.v... Công việc rất nhiều, phải mượn thêm thợ từ Sài Gòn đem lên mới có thể hoàn tất đúng thời hạn. Các phí tổn cho công việc này rất lớn, ông bà Nguyễn Ngọc Thơ và Lâm Ngọc Thanh đều chịu phần công quả.

Công việc sửa chữa, xây dựng thêm, lập các nghi thờ, tạc tượng Thái Tử Sĩ Đạt Ta cỡi ngựa đi tầm Đạo, quan hầu cận Xa-nặc chạy theo sau, tất cả đều được Đức Chí Tôn giáng cơ chỉ dẫn từng chi tiết.

Trong nội điện Thánh Thất, Đức Chí Tôn cũng chỉ dạy cách sắp xếp từng chi tiết. Qua Thánh Giáo ngày 17-9-1926 tức 12-8 Bính Dần (Theo lịch Vạn Niên là 11-8 Bính Dần) :

- Đức Chí Tôn dạy ông Nguyễn Văn Kiệt như sau :

“Kiệt - Con phải giúp Thơ trong việc lập Thánh Thất.

Thầy giao cho con phải sẵn sóc, mượn thợ làm bảy cái ngai ; một cái trọng hơn cho Giáo Tông, ba cái cho ba vị Chưởng Pháp, ba cái cho ba vị Đầu Sư ; nhưt là cái ngai cho Giáo Tông phải làm cho kỹ lưỡng, chạm trổ tứ linh. Những chỗ hai tay dựa phải chạm trổ hai con Rồng, còn của Chưởng Pháp chạm hai con Phụng, của Đầu Sư chạm hai con Lân... nghe à !... “(TNHT.I.38).

- Đức Chí Tôn dạy ông Lâm Quang Bính như sau :

“Bính - Thầy giao cho con lo một trái Càn Khôn ; con hiểu gì không?...Cười...Một trái như trái đất tròn quay, hiểu không? Bề kính tâm ba thước ba tấc, nghe con, lớn quá, mà phải vậy mới đặng, vì là cơ mầu nhiệm Tạo Hóa trong ấy, mà sơn màu xanh da trời, cung Bắc Đẩu và Tinh tú vẽ lên Càn Khôn ấy. THẦY kể Tam thập lục Thiên, Tứ Đại Bộ Châu ở không không trên không khí, tức là không phải tinh tú, còn lại Thất thập nhị Địa và Tam thiên Thế Giới thì đều là Tinh tú. Tính lại ba ngàn bảy mươi hai ngôi sao. Con phải biểu vẽ lên đó cho đủ. Con giở sách thiên văn Tây ra coi mà bắt chước. Tại ngôi Bắc Đẩu con phải vẽ hai cái bánh lái cho đủ và sao Bắc Đẩu cho rõ ràng. Trên vì sao Bắc Đẩu vẽ con mắt THẦY ; hiểu chăng?... Nghe à ! “.

Còn chư Phật, chư Tiên, Thánh, Thần đã lên cốt, thì để dài theo dưới, hiểu không con ? “(TNHT, Q1, trang38 - in 1972).

- Đức Chí Tôn dạy Ngài Nguyễn Ngọc Thơ là khi đem trái Càn Khôn về phải làm một cái cốt xây, đặng để trái Càn Khôn

lên Đại Điện, day Con Mắt ra ngoài. Rồi lại lấy tượng Đức Phật Thích Ca, Đức Lão Tử và Đức Khổng Tử để dựa dưới. Kế ba vị ấy là tượng của Đức Quan Thế Âm, Đức Lý Thái Bạch và Đức Quan Thánh. Kế nữa, ngay dưới Đức Lý Thái Bạch là tượng Đức Chúa Jêsus. Kế Đức Jêsus là tượng Đức Khương Tử Nha... Trước khi sắp đặt phải vẽ họa đồ cho Đức Chí Tôn chế sửa.

Như vậy thì trên Thiên Bàn có đủ : Tam Giáo, Tam Trấn và Ngũ Chi.

Tam Giáo : Đức Phật Thích Ca
Đức Lão Tử
Đức Khổng Tử.

Tam Trấn : Đức Lý Đại Tiên Trưởng
Đức Quan Âm Như Lai
Đức Quan Thánh Đế Quân.

Ngũ Chi : Phật Đạo : Đức Phật Thích Ca
Tiên Đạo : Đức Lý Đại Tiên Trưởng
Thánh Đạo : Đức Chúa Jêsus
Thần Đạo : Đức Khương Tử Nha
Nhơn Đạo : Tượng trưng bằng 7 Cái Ngai.

Ghi Nhớ : Tôn Chỉ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là :
“ Tam Giáo Qui Nguyên, Ngũ Chi Phục Nhứt

“.

3.- Công Việc trong ngày Khai Đạo

Có thể nói, hầu hết những chi tiết của Ngày Đại Lễ, từ hình thức đến nội dung, nghi thức trong ngoài, từ số lượng Đồng Nhi, Lễ Sĩ đến việc tiếp rước quan khách, xuất nhập thu chi ... tất cả đều do Ôn Trên giáng cơ chỉ dạy từng chi tiết.

* Về đối ngoại, Đức Chí Tôn giao nhiệm vụ cho Ngài Lê Văn Trung : Lập danh sách mời quan khách, mở cửa rộng cho dân chúng mọi giới tự do đến tham dự.

* Về phân công nhơn sự, Đức Chí Tôn cũng giảng cơ chỉ dạy từ chút :

- Về Lễ : Thầy giao chánh sự cho Trang, phó sự cho Nhung, phụ sự có Ý ...

- Về Khách : Khách thì Tương là chánh sự, Luật là phó sự ... Voi là phụ sự ...

- Về Thâu : Về Thâu thì Thơ, Như Nhân, Đạo Quang.

- Về Xuất : Xuất thì Lịch, Xài, Hóa (Phủ Hoá Cần Đước).

Nói chung mọi việc sắp xếp , từ việc lớn đến việc nhỏ, chi chi cũng đều do Đức Chí Tôn sắp đặt.

Trấn Cờ Ngũ Phương : Tại Đông Phương, Tây Phương, Nam Phương, Bắc Phương, lựa 12 đũa Đồng Nhi cầm cờ, còn ở giữa thì giao cho Hậu, Nghĩa, Đức.

ĐẠI LỄ KHAI ĐẠO

Đại Lễ Khai Đạo được tổ chức tại Thánh Thất Gò Kén thuộc làng Long Thành (nay thuộc huyện Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh. Cuộc Lễ được dự kiến cử hành trong 3 ngày 14, 15, 16 tháng 10 năm Bính Dần, nhằm các ngày thứ năm, thứ sáu, thứ bảy 18, 19, 20 tháng 11 năm 1926, nhưng vì bá tánh thập phương đến tham dự quá đông đảo nên phải kéo dài đến 3 tháng.

Địa điểm hành Lễ cách xa Sài Gòn khoảng một trăm cây số, và mặc dù đường xá lúc bấy giờ chưa được thuận tiện, nhưng từ ngày 13-10 Bính Dần, bốn đạo và dân chúng khắp nơi đều đổ về chùa Gò Kén để tham dự Lễ, bằng

nhiều loại phương tiện vận chuyển khác nhau như : xe ngựa, xe bò, xe trâu, ghe tàu đậu nơi Bến Kéo,... nhiều người đi bộ đến chùa, người ta chen chúc nhau tìm chỗ tạm nghỉ dưới các tàn cây phía sau chùa để chờ giờ hành lễ. Dân chúng tới đây có đủ các giai cấp thành phần, người có tín ngưỡng tôn giáo cũng có, người hiếu kỳ muốn xem chuyện lạ cũng có. Có nhiều người Tần Mun và người Miên, kể cả các sư sãi Miên, từ tỉnh Soài Riêng nước Miên băng rừng xuống đây đánh lễ.

Các Chức Sắc có phận sự tiếp đãi quan khách rất ân cần và chu đáo, mời dùng cơm nước đầy đủ. Ban tổ chức thông báo nhiều lần là không thu tiền bạc của ai hiến hết, chỉ nhận quà phẩm và đồ cúng tế mà thôi.

1.- NGÀY 14-10 BÍNH DẦN

Đêm 14-10, đúng giờ Tý là khởi đầu Đại Lễ Khai Đạo. Các vị Chức Sắc Thiên Phong đều mặc Đại Phục, rất mới lạ đối với tất cả các quan khách và dân chúng, nhưng cũng rất đặc sắc và tốt đẹp theo văn hóa cổ truyền Việt Nam khi xưa, lại có tính cách thiêng liêng như những vị Tiên vị Thánh của cõi Trời đi xuống cõi phàm trần.

Chức Sắc Thiên Phong với đạo phục áo mào rực rỡ màu sắc, đứng trật tự trước giờ hành lễ, như là để ra mắt nhơn sanh, trong khung cảnh trang nghiêm, dưới ánh đèn điện sáng rực giữa chốn thôn quê sần dã. Đúng 12 giờ (0 giờ), khởi đầu Đại Lễ cúng Đức Chí Tôn và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật trong chánh điện của Thánh Thất.

Tiếp theo phần Đại Lễ là đàn cơ. Đức Chí Tôn giáng cơ để lời chào mừng các môn đệ. Sau đó, Đức Chí Tôn ban Tịch Đạo Nữ Phái và Thiên Phong một vài Chức Sắc Nữ Phái.

*Cơn Thử Thách Đầu Tiên

Đêm ấy, vì đông người mà cuộc hành lễ hóa ra thất nghiêm, nên Thượng Đế giáng cơ, chỉ để ít lời rồi thăng. Tà Quái thừa

dịp Thượng Đế và chư Thần Thánh Tiên Phật thăng rỗi, liền nhập vào quấy phá.

Một con tà nhập vào Cô Vương Thanh Chi (con của Ngài Vương Quan Kỳ) làm cô nhảy dựng lên, xưng là Quan Âm Bồ Tát. Một con tà khác nhập vào ông Lê Thế Vĩnh cũng làm ông nhảy dựng lên, xưng là Tề Thiên Đại Thánh.

Ban đầu, bốn đạo còn tin thiết, hết dạ kính thành, sau lần lần xem hành động của chúng nó lấy làm lộng, chừng ấy mới phân biệt chánh tà. Lúc đó, Ngài Cao Quỳnh Cư liền đi lên Thiên Bàn, thỉnh Nước Thánh đem xuống rải vào hai người bị tà nhập thì hai con tà mới chịu xuất ra, và hai người mới lần lần tỉnh lại, mặt ngơ ngơ ngác ngác, không biết việc gì đã xảy ra.

Một số ít Chức Sắc và tín đồ, nhẹ tánh thì gãi đầu chắc lưỡi, ngẩn ngẩn, ngơ ngơ. Một số người tham dự đứng bên ngoài Thánh Thất, mất lòng tin, lần lượt bỏ ra về. Nhưng đa số những người biết đạo vẫn bình tĩnh lưu lại tiếp tục theo dõi diễn tiến của cuộc Lễ.

Thấy tình hình như vậy, Đại Úy Monet ở nán lại để gặp quý vị Chức Sắc trong ban tổ chức, có lời an ủi và khuyên giải như sau :

“ Công việc các ông làm đây là rất phải, các ông chẳng nên vì một cuộc biến thường tình như vậy mà vội ngã lòng thất chí. Tôi cho là thường tình bởi vì bên Pháp, trong mấy đàn thỉnh Tiên cũng thường xảy ra những điều rối rắm như vậy. Tôi có lời khuyên các ông là từ rày sắp lên, hễ có cầu cơ thì chớ hiệp nhau đồng đảo, vì cần phải cho thanh tịnh, mà khi đồng người thì một là mất bề thanh tịnh, hai là tư tưởng bất đồng, không tương ứng nhau được, thì sự cầu cơ không linh nghiệm”.

Những lời châu ngọc của ông Monet được quý vị Chức Sắc tiếp thu với đầy cảm mến và biết ơn sâu sắc.

2.- NGÀY 15-10 BÍNH DẦN

Ngày Rằm tháng 10 là ngày Chánh Lễ đối với nhơn sanh ngoài Đạo, Đại Lễ vẫn tiếp tục theo đúng chương trình đã

định. Số người đến tham dự đông không thể tưởng tượng được, đông đến đổi khoảnh đất 5 Mẫu Tây của Thánh Thất Gò Kén không đủ chỗ chứa. Người đến tham dự phải chen sát cánh nhau, chật nghẹt cả sân Thánh Thất. Ngoài người Việt và người Pháp ra, hiện diện còn có người Huê Kiều, Ấn Độ, Chàm, Lào, Thượng, Kampuchia, như là người Tàn Mun, các đoàn thể tôn giáo bạn, người Việt đến từ các nơi ở Hậu Giang Lục Tỉnh và từ Miền Trung nước Việt. Nhưng phải nói : số người rộn rịp như là người Kampuchia.

Người Kampuchia vượt biên giới bất chấp lệnh cấm của Hoàng Gia họ. Họ đến rất đông, lượt này đến lượt khác, không ngày nào là không có. Sở dĩ có sự việc như thế là họ nghe Sãi Cả của họ báo tin có thấy Đức Phật đã cỡi ngựa trắng chạy về phương Nam : “Đức Phật đã cỡi ngựa chạy về phương Nam rồi, không còn ở xứ ta nữa”. Khi người Kampuchia nghe như thế họ kêu nhau rần rần rộ rộ vượt biên giới chạy xuống Tây Ninh, gần sát biên giới của nước họ. Đến Thánh Thất Gò Kén, thấy tượng Thái Tử Sĩ-Đạt-Ta cỡi ngựa trắng, có người hầu XaNặc chạy theo sau, họ bèn la lên : “Đây rồi ! Đức Phật đây rồi !”, và ùn nhau chạy vào Thánh Thất làm lễ hàng loạt, loạt này xong đến loạt kia. Thật là ồn ào náo nhiệt, mà cũng rất vui !

Người Thượng và người Chàm cũng kéo nhau đến bằng xe trâu, xe bò, với tất cả gia đình của họ, mang theo nào là nồi niêu gạo thóc, nấu nướng, ăn ngồi dưới bóng các cây chung quanh chùa, dầm mưa dãi nắng lưu lại cho đến ngày mãn lễ mới chịu lên đường trở về quê quán.

Các quan khách từ Sài Gòn lên dự Lễ theo giấy mời rất đông, xe hơi đậu đầy sân Thánh Thất ra đến quốc lộ, những chiếc đi sau phải đậu trên quốc lộ. Trong thời kỳ đó mà có cả trăm xe ô-tô đến dự lễ là một việc hết sức lạ thường, một quang cảnh hiếm thấy được trong thời kỳ đó ở miền Nam xứ Việt. Các quan khách đến tham dự Lễ đều rất sang trọng, ăn mặc chỉnh tề. Thật là một quang cảnh tấp nập long lanh mà từ trước đến nay nơi vùng thôn quê hẻo lánh này chưa từng xảy ra.

Quang cảnh ở Gò Kén hôm đó là một rừng người, một rừng màu sắc : áo vàng nghệ của phái Trì Bình Khất Thực, áo màu đà của Cổ Sơn Môn, áo màu tím và màu đen huyền của người Việt, áo dài trắng khăn đóng đen của người Cao Đài, áo Tây trắng của số đông quan khách,... Đông như thế mà chẳng có việc gì đáng tiếc xảy ra, ai ai cũng đều nhã nhặn, trật tự và hòa nhã, không một tiếng cãi cọ. Thật là lạ, là huyền diệu. Thế mới gọi là Thánh Địa (Theo quyển Tìm Hiểu Đạo Cao Đài của soạn giả Đỗ Văn Lý).

Trong số quan khách danh dự có : Toàn Quyền Đông Dương, Thống Đốc Nam Kỳ, Đại Uý Monet (người Pháp, có cảm tình với Đạo), nhiều quan chức cao cấp Pháp và Việt, đại biểu các đoàn thể tôn giáo, giới thượng lưu trí thức, giới phóng viên báo chí, thương gia, kỹ nghệ gia, .v.v...

Ngài Lê Văn Trung và quý vị Chức Sắc tiếp đón quan khách một cách hết sức lịch sự và niềm nở, ân cần mời khách vào đúng vị trí làm Lễ. Buổi Lễ tổ chức rất tốt đẹp, thành công mỹ mãn, các quan khách đều rất hài lòng.

Trưa lại, sau thời cúng Đức Chí Tôn, Quý Vị Chức Sắc lập đàn cầu Đức Chí Tôn, hỏi về cuộc biến đêm hôm rồi. Thầy giảng :

THẦY

Cả chư môn đệ Thầy lập phép để làm chi ?

Thầy dạy sắp đặt lễ làm không trúng.

..... Thầy dùng phép thử Thánh mặc dầu, chẳng lẽ một vị Thiên tước mà rẻ rúng đặng vậy, nhưng các con lại đặng hiểu rõ Tà Quái quyền hành là bậc nào mà giữ mình hằng buổi.

Thầy lấy làm tức cười mà lại đau thẳm cho những kẻ vô phước bị ngã vì bần thử thách nên vậy

TÁI CẦU :

THẦY

Các con, cười

Thầy chẳng biết đến chừng nào thầy dạy các con hiểu Thánh ý Thầy đặng ... Cười

Thầy dặn, Lịch nghe dạy :

Phải trấn đàn tứ phía góc Thánh Thất, chớ chảng phải nội giữa mà thôi, rồi làm Đại Lễ như buổi tại Vĩnh Nguyên Tự. Nhớ đừng phát cờ lộn nữa nghe à ! Bởi con mà ra đến đối, hiểu à !

Thầy dặn con một điều này nữa, từ nay khá làm theo lời Thầy dặn, đừng biến cải nghe à !

Trong bài Thánh Ngôn trên, Đức Chí Tôn cho biết, Tà Quái nhập vào đàn phá khuấy là do Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt, khi trấn đàn, trấn sót một cửa và phát lộn cờ, nên theo cửa đó mà Tà Quái nhập vào đàn phá khuấy. Thầy biết trước việc này nhưng đành để vậy cho Tà Quái thử thách các môn đệ Thầy theo lẽ công bình.

Cuộc thử thách đem lại các hiệu quả sau đây :

- Một là để loại bỏ những người theo Đạo do xu thời, trong lòng còn mờ hồ kém đức tin.

- Hai là Đức Chí Tôn lập Đạo xong để cho Quỷ Vương phá xem coi có tiêu diệt được Đạo Thầy hay không.

- Ba là để cảnh giác các Chức Sắc, phải hết sức thận trọng trong việc hành lễ.

- Bốn là để nhà cầm quyền Pháp xem Đạo Cao Đài như là một nhóm đồng bóng mê tín dị đoan, không phải là một tổ chức chánh trị, không đáng ngại, không cần làm khó dễ, dần dần Đạo này cũng tự tan rã mà thôi.

- Năm là mượn tay báo chí loan tin, bình phẩm từ Sài Gòn đến Hà Nội, Huế, Nam Vang, sang kinh đô Paris nước Pháp và toàn cả Âu Châu, một nền Đạo mới là Đạo Cao Đài tức Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ của Thượng Đế xuất hiện ở Việt Nam, vì đề tài “Quỷ Nhập Trùng” rất hấp dẫn độc giả. Báo chí sẽ mô tả tỉ mỉ, bàn tán, phê phán gắt gao, nhưng tất cả những thứ đó chỉ có tác dụng ngược lại là quảng cáo giùm cho Đạo Cao Đài, làm cho nhiều người quan tâm đến, đành thì giờ tìm hiểu mối Đạo mới này.

3.- NGÀY 16-10 BÍNH DẦN

Ngày 16-10 âm lịch là ngày chót trong chương trình chánh thức đã ấn định. Tuy bị khảo đảo nặng nề, cuộc lễ vẫn tiếp tục tiến hành vì nhơn sanh vẫn đông đảo kéo đến Thánh Thất để xin nhập môn cầu Đạo.

Trong hai đêm 16 và 17 tháng 10, Đức Chí Tôn giáng cơ ban cho Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài nam phái.

- Đêm 16, Thầy ban cho Pháp Chánh Truyền từ phẩm Giáo Tông đến phẩm Lễ Sanh, rồi Thầy thăng.

- Đêm 17, Thầy ban tiếp phần công cử các phẩm cấp Chức Sắc từ Lễ Sanh đến Giáo Tông.

Tất cả các đàn cơ trong những ngày Khai Đạo đều do hai Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt chứng đàn, hai Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc phò loan. Theo lời Ngài Nguyễn Trung Hậu kể lại : Thầy giáng cơ viết Pháp Chánh Truyền rất nhanh, đến độ điển ký là ông Sơn viết không kịp, nên Thầy phải biểu Ngài Nguyễn Trung Hậu viết tiếp.

Chương trình Đại Lễ Khai Đạo dự kiến đến hết ngày 16 âm lịch là chấm dứt, nhưng vì nhơn sanh từ các tỉnh vẫn tiếp tục kéo đến Thánh Thất để cầu Đạo, nên ban tổ chức vẫn lo cơm nước đãi đặng nhơn sanh và kéo dài cuộc Lễ đến 3 tháng, tức là tới ngày 15-1 Đinh Mão, Đức Chí Tôn mới ra lệnh chấm dứt.

Đức Chí Tôn lập Chánh Truyền Cửu Trùng Đài Nam Pái theo đó thì trên hết có một phẩm Giáo Tông là Anh Cả trong Đạo, kế đến là các phẩm : Chưởng Pháp, Đầu Sư,...

Chức Sắc Cửu Trùng Đài Nam Pái gồm có :

- 1 vị Giáo Tông : Phật vị
- 3 vị Chưởng Pháp : Tiên vị (3 Pái : Thích, Đạo, Nho)
- 3 vị Đầu Sư : Tiên vị (3 Pái : Thái, Thượng, Ngọc)
- 36 vị Phối sư : Thiên Thánh (mỗi phái có 12 vị)
- 72 vị Giáo Sư : Nhơn Thánh (mỗi Pái có 24 vị)
- 3000 Giáo Hữu : Địa Thánh (mỗi Pái có 1000 vị).

Lễ Sanh : Thiên Thân (ba Phái không hạn định số lượng).

Về Phối Sư, mỗi phái có một vị Chánh Phối Sư. Các phẩm cấp Chức Sắc từ Giáo Tông đến Giáo Hữu phù hợp với lời dạy sau đây của Đức CHÍ TÔN vào ngày 4-10-1926 tức 27-8 Bính Dần (Theo lịch Vạn Niên là 28-8 Bính Dần) (TNHT.I.42) :

“ Còn nay THẦY giảng thế thì chọn đến :

Nhứt Phật

Tam Tiên

Tam thập lục Thánh

Thất thập nhị Hiền

Tam thiên Đồ Đệ

Các con coi đó mà hiểu rằng : các con có sự mà thiên hạ từ tạo thiên đến chừ, chưa hề có chẳng ?... Các con có cả ba chánh đạo là Tam Giáo, các con biết tôn trọng ; ngày nay lại thêm chánh đạo nữa, các con biết ít nước nào đặng vậy ? “.

Đức Lý Đại Tiên Trưởng Nhất Trấn Oai Nghiêm lập Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài Nữ Phái chỉ có 7 phẩm, từ phẩm cao nhất là Nữ Đầu Sư đến hàng phẩm Nữ Tín đồ.

* TRƯỜNG CÔNG KÍCH

Dù bị Tà Quái khuấy phá, dù bị dư luận của một vài tờ báo mả mai, dù bị một số người đời chê bai, dù rằng có một vài Chức Sắc ngã lòng thối bước, nhưng các người đến cầu Đạo mỗi ngày cũng vẫn rất đông, chỉ trong 3 tháng sau Ngày Khai Đạo, số người nhập môn vào Đạo lên đến hàng chục ngàn người.

Nhiều người hiểu biết, quan tâm về tôn giáo, càng nghe nhiều lời công kích chửi nạt càng quan sát về Đạo chừng nấy, thành thử những người công kích lại chính là những người giới thiệu Đạo Cao Đài cho nhiều người biết, tự những người đứng ra công kích cũng phải nhìn nhận như vậy.

(xin xem tiếp trang 166)

CHỨC SẮC HIỆP THIÊN ĐÀI **Phụ Trách Hành Chánh Đạo**

1.- Hiệp Thiên Đài Đảm Nhiệm Quyền Hành Bên Cửu TrùngĐài

Theo Pháp Chánh Truyền, Đức CHÍ TÔN lập Đạo Cao Đài với hình thể gồm có ba đài : Cửu Trùng Đài, Hiệp Thiên Đài và Bát Quái Đài. Một cách tổng quát :

- Cửu Trùng Đài nắm quyền Hành Pháp (Hành Chánh Đạo),
- Hiệp Thiên Đài nắm quyền Tư Pháp,
- Bát Quái Đài nắm quyền Lập Pháp Thiêng Liêng.

Mặc dầu Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài có nhiệm vụ khác nhau, nhưng trong những trường hợp đặc biệt, vì nhu cầu đạo sự, Chức Sắc Hiệp Thiên Đài vẫn có thể đảm nhiệm quyền hành bên Cửu Trùng Đài. Lịch sử đã cho biết điều này : Trước kia, Quý Vị Thời Quân đã từng đảm nhiệm quyền hành Chương Pháp, Đầu Sư, Chánh Phối Sư và Thống Quản Phước Thiện.

Ngày mùng 7 tháng 3 Quý Dậu (1-4-1933), Đức Quyền Giáo Tông và Đức Hộ Pháp có ra Châu Tri số 1 sắp đặt lại việc chánh trị của nền Đạo :

* Trong lúc Chương Pháp chưa có chánh vị thì quyền hành Chương Pháp giao cho Hiệp Thiên Đài cầm. Ba vị Thời Quân cầm quyền Chương Pháp là :

- Vị Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu,
- Vị Bảo Thế Lê Thiện Phước,
- Vị Hiến Đạo Phạm Văn Tươi.

* Trong lúc Chánh Phối Sư chưa có chánh vị thì quyền hành Chánh Phối Sư giao cho Hiệp Thiên Đài cầm. Ba vị Thời Quân cầm quyền Chánh Phối Sư là :

- Vị Khai Pháp Trần Duy Nghĩa cầm quyền Ngọc Chánh Phối Sư,

- Vị Khai Đạo Phạm Tấn Đãi cầm quyền Thái Chánh Phối Sư,

- Vị Khai Thế Thái Văn Thâu cầm quyền Thượng Chánh Phối Sư.

Cuối năm Bính Tuất (1946), Đức Hộ Pháp thành lập Hội Thánh Phước Thiện, Đức Ngài bổ nhiệm Ngài Hiến Đạo Phạm Văn Tươi làm Thống Quản Phước Thiện.

Đầu năm 1966, Đức Thượng Sanh bổ nhiệm Ngài Hiến Thế Nguyễn Văn Mạnh làm Thống Quản Phước Thiện, Thánh Lịnh số 47/TL ngày 20-12-Ất Tỵ (11-1-1966).

Đầu năm 1959, Ngài Bảo Thế Lê Thiện Phước được cử đảm nhiệm Quyền Đầu Sư bên Cửu Trùng Đài, Đạo Lịnh số 15/ĐL ngày 11-1-Kỷ Hợi (18-2-1959) .

Ngày 19-11-1934 (13-10-Giáp Thân), Đức Quyền Giáo Tông qui Thiên, Đức Lý Giáo Tông giáng cơ giao quyền Giáo Tông hữu hình lại cho Đức Hộ Pháp.

Ngày 12-12-1934, Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh đồng yêu cầu Đức Hộ Pháp nắm quyền Chưởng Quản Cửu Trùng Đài cho đến ngày có đủ 3 vị Đầu Sư chánh vị, để sớm chỉnh đốn nền Đạo.

Như vậy, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Chưởng Quản Hiệp Thiên Đài, kiêm nhiệm Q.Giáo Tông, Chưởng Quản Cửu Trùng Đài, nghĩa là Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài. Về điểm này Đức Lý Giáo Tông có ban cho một bài thi khoán thủ, các chữ đầu của 8 câu thi là : HỘ PHÁP CHUỞNG QUẢN NHỊ HỮU HÌNH ĐÀI.

Cho nên, trong các văn bản của Đạo, Đức Hộ Pháp ký tên dưới danh xưng là : Hộ Pháp Chương Quán Nhị Hữu Hình Đài : Hiệp Thiên và Cửu Trùng.

2.- Chức Sắc Hiệp Thiên Đài Ký Tên Trong Văn Bản

* Ngày 10-11-Giáp Tuất (16-12-1934), Văn Phòng Nội Chánh có ban hành Châu Tri số 21, phổ biến về việc Lương Đài họp ngày 26-10-Giáp Tuất đồng ý Đức Hộ Pháp cầm quyền Nhị Hữu Hình Đài, lập Ban Phụ Chánh.

Đồng ký tên dưới Châu Tri như sau (1) :

Tòa Thánh, ngày 16-12-1934 (10-11-Giáp Tuất)

TháiChánh PhốiSư ThượngChánh PhốiSư NgọcChánhPhối Sư

Khai Đạo HTĐ	Khai Thế HTĐ	Khai Pháp HTĐ
Phạm Tấn Đãi	Thái Văn Thâu	Trần Duy Nghĩa

(1)(Theo bộ Cao Đài Từ Điển - Đức Nguyên, Q3, trg450 và Tủ Sách Đại Đạo).

* Trong lúc biên soạn chương trình Lễ Khánh Thành Tòa Thánh Tây Ninh vào năm Ất Mùi (1955), Ngài Khai Đạo Phạm Tấn Đãi đã ký tên như sau :

QUYÊN NGỌC CHÁNH PHỐI SƯ
Khai Đạo Phạm Tấn Đãi
(ấn ký)

- Hàng trên là nhiệm vụ bên Cửu Trùng Đài,
- Hàng dưới là phẩm vị bên Hiệp Thiên Đài.

* Sau ngày 30-4-75, có một số rất đông đồng bào ra sinh sống nơi Hải Ngoại, đúng theo lời Tiên Tri của Đức Chí Tôn :

Từ đây nòi giống chẳng chia ba,
THẦY hiệp các con lại một nhà.
Nam, Bắc cùng rồi ra Ngoại quốc,
Chủ quyền Chơn Đạo một mình ta.

(15-9 Bính Dần - TNHT.I.44 - 1972)

Trong số đồng bào ra Hải Ngoại có nhiều Tín Đồ Cao Đài và một số rất ít Chức Sắc Cửu Trùng Đài. Một số khá đông Chức Sắc Ban Thế Đạo cũng được “cùng...ra Ngoại Quốc”, những vị này ra Ngoại Quốc chắc cũng có sứ mạng đặc biệt gì đây (?). Chính lúc này, Chức Sắc Ban Thế Đạo mới có điều kiện tham gia công tác Đạo Sự, và cũng đã tạo được nhiều thành quả khả quan.

Theo những sự kiện lịch sử nêu trên, và trong trường hợp đặc biệt ở Hải Ngoại thiếu Chức Sắc Cửu Trùng Đài hoặc Phước Thiện, nên Đồng Đạo có công cử Quý vị Hiền Tài, Chức Sắc Ban Thế Đạo thuộc Chi Thế Hiệp Thiên Đài, đảm nhiệm quyền Hành Chánh Đạo với tư cách Quyền Khâm Châu, Quyền Đầu Tộc hay Quyền Quản Tộc thì, theo chúng tôi nghĩ, cũng không có gì gọi là sai trái.

* Giống như ở trường hợp Quý Ngài Chánh Phối Sư, vị Quyền Khâm Châu có thể ký tên như sau :

QUYỀN KHÂM CHÂU XXX
Hiền tài Nguyễn Văn X
(ấn ký)

Vị Hiền tài Quyền Đầu Tộc cũng có thể ký tên như sau :

QUYỀN ĐẦU TỘC ZZZ
Hiền tài Nguyễn Văn Z
(ấn ký)

* Về việc lập Tộc Đạo hay Họ Đạo, nơi Chương III quyền Tân Luật của Đạo có ghi :

Điều 16: Nơi nào có đông tín đồ được chừng 500 người sắp lên, thì được lập riêng một Họ, đặt riêng một Thánh Thất, có một Chức sắc làm đầu cai trị.

Trong hoàn cảnh đặc biệt ở Hải Ngoại hiện nay, không có Chức Sắc Cửu Trùng Đài, thì Hiền Tài là Chức Sắc Ban Thế Đạo cũng có thể đảm nhiệm quyền Hành Chánh Đạo, nếu được Đồng Đạo công cử, để cho việc hành đạo được đúng theo Tân Luật.

Đã là Quyền Đầu Tộc hay Quyền Quản Tộc, thì phải được Chứng Đàn và Dâng Sớ khi Cúng Đàn Đức Chí Tôn hay Đức Phật Mẫu.

Nhơn đây, chúng tôi cũng xin minh định rằng :

Hiền tài là Chức Sắc đã được Hội Thánh tấn phong tại Tòa Thánh Tây Ninh, Trấn Thần Phẩm Phục và :

- ban cho **Thánh Lịnh** để công nhận là Chức Sắc,
- ban cho **Thẻ Chức Sắc** để dễ bề hành Đạo, mỗi khi cần đến.

Trên đây chỉ là ý kiến cá nhân, chúng tôi rất mong nhận được những lời góp ý chỉ dẫn của Quý Vị Chức Sắc và của Quý Huynh, Tỷ, Đệ, Muội.

Hiền tài Nguyễn Trung Đạo sớ tâm

Nhấn Tin

Tập San Thế Đạo có nhận được những bài viết của HT Mai Văn Tim, HT Võ Thị Bạch Tuyết, HTDP Lê Tấn Tài, v..v.....nhưng rất tiếc vì số trang có hạn nên xin thành thật cáo lỗi với quý Hiền Huynh Hiền Tỷ.

Chúng tôi sẽ lần lượt đăng vào những số sau.

Xin thành thật cảm ơn.

Tập San Thế Đạo

Văn học Nhật bản

Huyền bí tranh Haiga

(*)



Tranh Haiga

Giản ước, ẩn giấu và trống vắng... Đó là thần thái của thơ haiku Nhật Bản. Chỉ có mười bảy âm tiết. Dường như trong một hơi thở duy nhất, haiku được soạn ra. Nhẹ nhàng, tinh tế... Dường như trong một lần hương thoảng qua, haiku được hình thành.

Và chơ vơ như một nhánh cỏ.
Nhánh cỏ bạc nào
chơ vơ run rẩy
tâm hồn điều hiu

Issa

(Hosusuki ya
hosoki kokoro
no sawagashiki)

(*) *Xin đọc thêm Thơ Haiku đăng trong TSTD số 29 trg 98-123*

Với một cảm nghiệm thơ ca như vậy, nếu vẽ nên tranh thì sẽ có tranh haiga.



Khi xem tranh haiga, bạn sẽ có ấn tượng như đang đọc thơ haiku. Thay vì ít chữ thì là ít nét. Cũng giản ước, nhẹ nhàng, trống vắng... Có thể khi vẽ, các họa sĩ haiga lấy cảm hứng từ một bài thơ haiku nào đó, “dịch” nó ra tranh.

Cỏ bạc-Kikakudo Kiichi

Nhưng điều đó là không nhất thiết. Một bức haiga vẫn thường độc lập, không cần gắn bó với bài haiku nào.

Haiga và haiku có cùng linh hồn nhưng điều đó không buộc chúng phải kết dính, mà có thể đi con đường riêng của mình. Chúng gợi nhớ nhau do màu sắc, giọng điệu, tính chất hồn nhiên và tình yêu đối với mùa.

Thử so sánh bài haiku trên của Issa với bức tranh haiga gọi là Cỏ bạc của Kikakudô Kiichi.

Cỏ bạc là loài cỏ susuki của mùa thu. Mảnh mai, run rẩy trong gió lạnh, nó gợi ra trái tim bơ vơ yếu đuối của con người. Cái dáng nghiêng nghiêng của cỏ tuy đượm buồn và đìu hiu vẫn thiết tha sự sống, thiết tha tình yêu. Cả thơ cũng như tranh không có vẻ gì trau chuốt, trang trọng hay rực rỡ. Trái lại, tranh hay thơ đều như thể thô vụng, tổ phác, chênh mảng, ơ hờ...

Do vậy, họa sĩ Otsuji mới nói: “Huyền bí của tranh haiga nằm trong vẻ vụng về của nó. Nếu vẽ với một linh hồn đầy khí lực thì một vẻ đẹp cao nhã sẽ toát ra từ chính cái thô sơ của bức

tranh”. Một bức tranh haiga có thể gây cho ta cái cảm giác rằng nó được vẽ tùy tiện, bất cẩn.

Mây giữa trưa - Ogawa Seno

Bạn thử ngắm bức Mây giữa trưa của Ogawa Senô.

Đó là mây mùa hạ vàng nắng trên cao và đồng cỏ xanh bên dưới. Mây chỉ là một vài nét dợn sóng thô sơ và đồng cỏ xanh có vài bụi hoa kia có vẻ gì rất thơ dại. Vẽ mà như không vẽ.

Nhưng toàn thể ngày mùa hạ vẫn hiện ra với mây tụ trên trời và cỏ hoa dưới đất. Mây và cỏ bồng hiện cái hoang sơ kỳ bí của thiên nhiên và sự sống.



So sánh với bài haiku sau đây mà xem:

← **Mây giữa trưa-Ogawa Seno**

Mây trôi
xuống chân trời ấy
một hàng biển khơi.

Shiki

(Kumo no mine
narabete hikushi
umi no hate)

Trời và đất không xa nhau như trong bức haiga vừa nhắc. Trái lại, mây và biển như hội tụ nhau. Trời đất giao hòa trong nguyên sơ.

Xem các bức haiga khác, ta đều thấy những cái trống vắng đầy ý nghĩa. Dường như, chính vì tranh haiga và thơ haiku tạo lập nhiều khoảng trống, mà cái nhìn của ta mở rộng hơn hoặc là vào sâu hơn thế giới u huyền.

Như bức tranh Sơn tự mùa xuân của Suzuki Koson.

Sơn tự mùa xuân - Suzuki Koson



Trên đồi núi xanh là những bậc đá dẫn lên ngôi chùa màu nâu đỏ. Hoang vắng. Cô liêu. Mênh mang. Và đó là mùa xuân và thế giới đang sáng tươi.

Dường như có sự đồng điệu của nó và bài haiku sau đây:

Một ngôi chùa núi
bức tranh nhập Niết bàn
không ai đến thăm .

Chora

(Yamadera yatare mo
mairanu nehanzo)

Đương mùa xuân, mọi người bận rộn trên đồng, không ai lên chùa làm lễ trước bức tranh (hay tượng) Phật nhập Niết bàn. Nhưng mùa xuân vẫn sáng tươi, và Niết bàn vẫn thế. Ngôi chùa cô tịch và chúng sinh bận rộn, và cả mùa xuân nữa, vẫn là một thế giới huyền bí mênh mang.

NHẬT CHIÊU

Tạp chí Văn hóa Phật giáo

Tĩnh Giác



*Say nhòe hơn nửa kiếp sinh rồi,
Chợt tỉnh từ nay quyết chí thôi.
Mở mắt thiên lương nhìn thế tục,
Đọc kinh tận độ nguyện thương đời.
Niềm tin tuyệt đối nơi Từ Phụ,
Dững lực phi thường lại vị ngôi.
Một kiếp quyết về tâm định tĩnh,
Long Hoa đại hội hưởng ơn Trời.*

Quang Thông (01/2009)

KÍNH HỌA 1:

*Bon chen thế sự bấy năm rồi,
Gãm lại tuồng đời mộng ảo thôi.
Tĩnh giác cố noi gương Thánh giác;
Trau lòng quyết lánh thất tình đời.
Công, Ngôn, Đức vẹn, Thầy ban vị,
Hòa, Nhân, Thương tròn, Mẹ định ngôi.
Bảo thủ Chơn truyền qua khẩu thí;
Xiển dương Đạo pháp Đấng Cha Trời!
Tố-Nguyên _San Jose 2/09.*

KÍNH HỌA 2:

*Đã trót say-sưa nửa kiếp rồi,
Bóng chiều dần lịm cứ say thôi.
Say ngùi đạo đức say nhờ tỉnh,
Tĩnh đắm trần ai tỉnh lụy đời.
Say gắng bồi công tua lập đức,
Tĩnh lo cấy quả sẵn dành ngôi.
Say say tỉnh tỉnh đâu là mộng,
Say tỉnh rồi đây rõ ý Trời..*

Kim Minh&Hoàng Hồ
(02-22-09)



Việc Liên Lạc

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Để việc liên lạc với Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại, các Ban Quản Nhiệm địa phương và Tập San Thế Đạo được dễ dàng và nhanh chóng, xin quý Hiền Huynh' Hiền Tỷ liên lạc theo những cách như sau:

I- Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại:

1- Địa chỉ: 3076 Oakbridge Dr., San Jose , CA. 95121

2- HT. Nguyễn Ngọc Dũ, Phone : (408) 238-6547

Fax# (408) 440-1372 E- mail: dutani@comcast.net

3- HT. Nguyễn văn Cầu, Phone: (408) 262-4209

E-mail: caunguyencd@gmail.com

4- HT. Mai văn Tim, Phone: (425) 265-1095

E-mail: Timmai@juno.com.

II- Tập San Thế Đạo:

- **Tập San Thế Đạo :** 3076 Oakbridge Dr., San Jose,
CA. 95121- 1716

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Bắc Cali:

HT Nguyễn Đăng Khích, Phone: (408) 729-3922

- Đại-Diện Tập San Thế Đạo tại Nam Cali:

HTDP Huỳnh Mông, Phone: (714) 544-5698

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Bang Georgia:

HTDP Trần văn Tánh, Phone: (678) 422-2588

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Tiểu Bang Ontario,
Canada:

HTDP Lê Đăng, Phone: (416) 780-1874

III- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại:

1- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại bang Washington & bang Oregon:

HTDP Trần Trung Dung Phone:(253) 815-1846

2- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại bang Texas:

HTDP Trần Công Bé Phone:(817) 244-7322

3- Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại bang Louisiana:

HT. Trần Huyền Quang Phone:(504) 347-9326

4- Đại Diện Ban Thế Đạo tại bang Georgia:

HT Cao Văn Bảy Phone:(770) 638-4616

HT Văn Công Cộng Phone:(678) 422-1946

5-Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại bang Florida:

HT Huỳnh Công Khanh Phone:(727) 544-9484

6-Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Toronto,Canada

HTDP Phan Văn Tông Phone: (905) 794-8200

HTDP Lê Đăng Phone: (416) 780-1874

7-Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Pháp:

HTDP Nguyễn Chí Hiền Phone:01-4852-6017

IV- Ban Thế Đạo Úc Châu:

HT. Nguyễn Kim Triệu, Phone: (612) 9726-9684

IV- Ban Thế Đạo Bắc California:

HT Nguyễn Đăng Khích, Phone: 408-729-3922

Email: tn_ndk@yahoo.com

V-Ban Thế Đạo Nam California

HT Bùi Văn Nho. Phone :(951) 710-7766

VI-Yểm Trợ tài chánh:

Chi phiếu hoặc money order xin gửi về:

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

3076 Oakbridge Dr

San Jose, CA 95121-1716

**Danh Sách Cơ sở Đạo, Đồng Đạo &
Thân hữu yểm trợ Tập San Thế Đạo.
(Từ ngày 08-01-2009 đến ngày 12-04-2009)**

<u>STT</u>	<u>Cơ sở -Đồng đạo-Thân hữu</u>	<u>USD</u>
01	Trần Kiên, San Jose, CA	50.00
02	HTDP Nguyễn Thành Hưng, San Jose, CA	60.00
03	Trần Thị An, Sacramento, CA	20.00
04	Katelyn & Sylvia Dinh, Carpentersville, IL	40.00
05	HT Nguyễn Huỳnh Giàu, San Jose, CA	100.00
06	Nguyễn T. Bích Thủy, San Jose, CA	20.00
07	Thomas Tiền Nguyễn, Garden Grove, CA	20.00
08	Gia đình CTS Đoàn Điền Trung, Antelope, CA	20.00
09	HT Lê Văn Khiêm, Burnaby, Canada	50.00
10	Phạm Thị Nguyệt Nga, Sacramento, CA	20.00
11	HT Võ Thị Bạch Tuyết, Antelope, CA	40.00
12	Phạm Hà Quế Sơn, Elk Grove, CA	50.00
13	CaoDai TayNinh Temple of Texas	100.00
14	Nguyễn Thị Võ, Lawrenceville, GA	20.00
15	HTDP Nguyễn Kim Châu, Gretna, LA	50.00
16	Nguyễn Ngọc Điệp, Marrero, LA	10.00
17	HT Võ Văn Mười, San Diego, CA	40.00
18	Lê Thanh Nam, Marina, CA	60.00
19	Chơn Thế, Fort Collins, CO	20.00
20	Nguyễn hữu Phỉ, La Chapelle, Luxembourg (30 Euro)	36.46
21	Nguyễn Ngọc Khảm, Haar, West Germany (100 Euro)	121.53
22	Hồ Văn Thôi, San Francisco, CA	20.00
23	Lâm Thái (George), San Jose, CA	20.00
24	Thiều Quang Đức, San Jose, CA	50.00
25	Nguyễn Thị Đẹp, Milpitas, CA	20.00
26	HTDP Nguyễn Vạn Năng, San Jose, CA	30.00
27	HT Lê Ngọc Biết, Houston, TX	50.00
28	HTỷ Đặng quang Dương, Coppel, TX	50.00
29	HTDP Trịnh Quốc Tuấn, Sugarland, TX	100.00
30	HTDP Trịnh Ngọc Tuy, Pearland, TX	100.00
31	HTDP Trịnh Quốc Thanh, Pearland, TX	100.00
32	HTDP Trịnh Ngọc Thoa, Pearland, TX	100.00
33	HTDP Trịnh Ngọc Thuần, Pearland, TX	100.00

34	HTDP Trịnh Quốc Toàn, Pearland, TX	100.00
35	HT Đặng Bá Nhị, Carrollton, TX	50.00
36	CTS Nguyễn Văn Hưởng, Stone Mtn, GA	200.00
37	Nguyễn Phước Chấn, Sunnyvale, CA	30.00
38	HT Nguyễn Thừa Long & HTDP Huỳnh Cúc Gretna, LA	100.00
39	Tường Nguyễn, DDS & Huệ Tô, DDS, (North Jackson Dental Group, San Jose, CA)	200.00
40	Huỳnh Văn Thì, Sacramento, CA	20.00
41	HTDP Đỗ Thanh Hải, San Jose, CA	25.00
42	Nguyễn Như Hương, San Diego, CA	20.00
43	Lê Văn Minh, Riverside, CA	50.00
44	Đỗ Quang , San Antonio, TX	30.00
45	HTDP Huỳnh Kim Triệu, Cypress, TX	50.00
46	HT Bùi Đức Tài, Rancho Cordova, CA	20.00
47	HT Mai Văn Tim, Everett, WA	250.00
48	HTDP Trần Văn Tánh, Morrow, GA	20.00
49	Phan Phú Nghiệp, Kennesaw, GA	50.00
50	Trần Minh Khiết, DDS (Sandy Dental PC, San Jose, CA)	200.00
51	Đỗ Danh Dự, San Jose, CA	20.00
52	Thg Sự Đỗ Nhở, Stone Mtn, GA	20.00
53	CTS Nguyễn Văn Hai, Wichita, KS	20.00
54	HTDP Trần Công Bé & HTDP Võ Ngọc Diệp, Fort Worth, Texas	50.00
55	HTDP Nguyễn Sơn & HTDP Trần Ngọc Trang, Fort Worth, Texas	20.00
56	Huỳnh Ngọc Lễ, Garden City, KS	20.00
57	HT Trần Huyền Quang, Marrero, LA	20.00
58	Nguyễn Văn Trung, Kitchener, On, Canada (100 đôla Canada)	77.66
59	CTS Nguyễn Văn Rài, San Jose, CA	20.00
60	Lê Thị Danh, Arlington, TX	50.00
61	Đặng Thị Cừ, San Diego, CA	10.00
62	Nguyễn Thị Thương, Elk Grove, CA	50.00
63	Nguyễn Hiếu Liêm, Morrow, GA	100.00
64	Trần Văn Trâm & Nguyễn Ngọc Nhung, LA	20.00
65	Lưu Quốc Minh, Holiday, FL	20.00
66	HT Nguyễn Sao Đáp, Garden city, KS	40.00
67	PTS Nguyễn Thị Bé, Seattle, WA	50.00
68	HTDP Trần Văn Lào, Seattle, WA	50.00
69	G/đ HT Nguyễn Trung Đạo, San Diego, CA	500.00

70	Mai Văn Liêm, Arlington, TX	20.00
71	CTS Phan Thị Sáu, Houston, TX	20.00
72	HT Trần Văn Ô, Gardena, CA	40.00
73	HT Đại Tá Lê Văn Thiện, Philadelphia, PA	20.00
74	HT Nguyễn Văn Cầu, San Jose, CA	50.00
75	Nguyễn Văn mới, Sacramento, CA	20.00
76	Trần Q. Sang & Trần Thị Hiệp, Morrow, GA	20.00
77	Nguyễn B. Tiên, Plano, TX	50.00
78	Trần Thị Ngọc Cang, San Lorenzo, CA	30.00
79	Đoàn Phụng Cơ, San Jose, CA	20.00
80	Đỗ Văn Tâm, Syracuse, NY	20.00
81	Lý Quang Tú, Marietta, GA	20.00
82	Nguyễn Lương, Aloha, OR	20.00
83	Jimmy H. Võ, Spanaway, WA	20.00
84	HTDP Ng. Chí Hiền & HTDP Kim Phụng, Pháp	70.90

Cộng		4,701.55 (1)

Niên Liễm 2009

01	HT Nguyễn Ngọc Dũ , San jose, CA	60.00
02	HTDP Nguyễn Sao Đáp , Garden City, KS	60.00
03	HTDP Nguyễn Chí Hiền., Pháp	60.00
04	HTDP Nguyễn Kim Phụng , Pháp	60.00
05	HTDP Nguyễn Hiền Nhân ., Pháp.	60.00
06	HTDP Nguyễn Hiền Quân , Pháp.	60.00

Cộng 360.00 (2)

Tổng cộng:(1)+(2) : USD 5,061.55

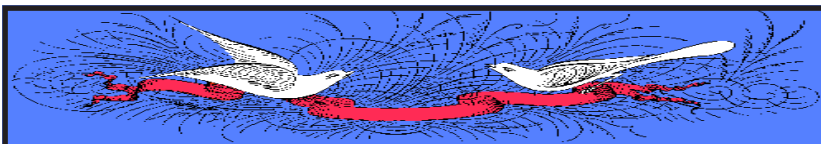
Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo xin thành thật cảm ơn quý HH, HTỷ đã thông cảm khó khăn tài chánh của chúng tôi, đã hưởng ứng lời kêu gọi giúp đỡ chúng tôi theo như danh sách này.

Xin chân thành cảm ơn một lần nữa và mong được sự giúp đỡ mỗi kỳ phát hành Tập San Thế Đạo (3 tháng một lần) chúng tôi được tổng số tiền yểm trợ như thế này.

Chúng tôi xin chúc lành quý Hiền Huynh Hiền Tỷ.

San Jose, ngày 12-04-2009

Ban Thế Đạo Hải Ngoại.



CHÚC MỪNG

Nhận được hồng thiệp của Hiền Huynh Thông Sự Tạ Văn Thăng
Thánh Thất Orange, CA báo tin lễ Vu Qui cho con là:

Tạ Ngọc Huê (Jenny)

Út Nữ

Sánh duyên cùng:

Đỗ Đức Khanh(Kenny)

Thứ Nam.

con của Ông Bà Đỗ Đức Kim ngụ tại Aberdeen Lane, Garden
Grove, California.

Hôn lễ sẽ được cử hành vào lúc 10 giờ sáng Thứ Bảy ngày
16-05-2009 (nhằm ngày 22-04-Kỷ Sửu) tại tư gia tại đường
Clinton, thành phố Garden Grove, California.

Xin chung vui cùng Hai Họ và chúc Cô Dâu Chú Rể:

Trăm Năm Hạnh Phúc

Châu Đạo California

Ban Pháp Chánh Châu Đạo California.

Tộc Đạo & ĐTPM Orange, Tộc Đạo San Diego, Tộc Đạo
Santa Clara & Hương Đạo Sacramento.

Tộc Đạo Little Saigon.

Ban Thế Đạo Nam/Bắc California.

Tây Ninh Đồng Hương Hội, Đại Đạo Thanh Niên Hội,

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo.

TIN TỨC TÓM LƯỢC

1-Đại hội Thường niên Hội Tương Tế Cao-Đài lần thứ VI



Vào ngày Chủ Nhật 08-03-2009 tại Thánh Thất San Jose, CA Hội Tương Tế Cao-Đài đã tổ chức Đại Hội Thường niên lần thứ 6. Đại hội đã bắt đầu vào lúc 10.00 giờ sáng và có đông đủ đại diện các cơ sở Đạo tại địa phương tham dự (Tộc Đạo Santa Clara, Ban Thế Đạo Hải Ngoại, Ban Thế Đạo Bắc California và Đại đạo Thanh niên Hội Santa Clara).

Theo như thông lệ hằng năm, sau phần chào cờ, mặc niệm là phần giới thiệu thành phần tham dự. Kế tiếp, HTDP Sam Nguyễn Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị thay mặt hội chào mừng quan khách và các hội viên tham dự. Sau đó HTDP Dương Văn Ngừ, Trưởng Ban Điều Hành báo cáo tài chánh và hoạt động của Hội trong năm vừa qua và đồng thời cũng nói lên những ưu và khuyết điểm của hội. Sau đó là phần phát biểu của HH Mai

Ngọc Tuyết , Qu. Đầu Tộc Tộc Đạo Santa Clara và phần góp ý của các hội viên hiện diện trong việc phát triển Hội.

Đại hội đã được sự tham dự của khoảng 40 hội viên và được chấm dứt vào lúc 11.30 AM cùng ngày.



Các hội viên tham dự Đại Hội sau đó đã dự đàn cúng Ngọ tại Thánh Thất và sau đàn cúng đã dùng bữa ăn thân mật trước khi ra về vui vẻ

Chủ Tọa Đoàn

2- Xây cất Thánh Thất Houston-Texas

Thánh Thất Houston-Texas sẽ được xây dựng theo kiểu mẫu Thánh Thất Tòa Thánh Tây Ninh tại điểm địa chỉ số 8415 S. Breeze Dr, Houston, Texas 77071 (gần ngã tư S. Gessner & W. Belfort), diện tích tổng thể 2 Acres. Theo thiết kế, Thánh Thất sẽ có HẬU ĐIỆN gồm 3,200 SF và CHÁNH ĐIỆN 5,600SF Hiện Hành Chánh Đạo địa phương đã được Thành Phố Houston cấp Giấy phép số 4290507 và Hậu Điện đã được khởi công xây dựng vào ngày 10 tháng 2 năm 2009.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại và Tập San Thế Đạo xin trân trọng thông báo cùng quý đồng đạo và thân hữu việc xây cất Thánh Thất này để đồng đạo cùng thân hữu tùy duyên phát tâm công quả góp phần vào việc phát triển Đạo tại hải ngoại.

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Năm Đạo thứ 84

Tòa Thánh Tây Ninh

Non profit Organization

File Number: 01549061-01

EIN: 76-0624866

Mailing Add: P.O. Box 711385

Houston, TX 77271-1385

Cao Đài Temple Houston Texas

8415 S. Breeze Dr

Houston, Texas 77071

TÂM THƯ

Trích yếu: v/v Gây quỹ xây dựng Thánh Thất Cao-Đài Houston-Texas.

Kính gửi: - Quý vị Lãnh đạo các Tôn Giáo, quý Chức Sắc, Chức Việc cùng quý Tín Hữu,

- Quý vị cựu Tướng Lãnh, Sĩ Quan cùng toàn thể Quân Nhân QLVNCH,

- Quý vị Hội Trưởng, Ban Chấp Hành và toàn thể Hội Viên các Hội Ái Hữu,

- Quý vị Mạnh Thường Quân, quý nhà Kinh Doanh hảo tâm, quý Đồng Hương thân hữu,

Kính thưa quý liệt vị,

Trước hết, chúng tôi xin mạn phép giới thiệu sơ lược Đạo Cao Đài danh gọi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đây là một Tôn Giáo mới được khai sáng vào năm 1926 tại Tỉnh TÂY NINH, miền Nam Việt Nam, về mặt tinh thần, tư tưởng đáp ứng thời đại ngày nay với Tôn Chỉ “QUI NGUYÊN TAM GIÁO” (Phật, Lão, Khổng), HIỆP NHẤT NGŨ CHI” (Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh

Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo). Mục đích thực hiện cơ qui nhất trong tinh thần HOÀ ĐỒNG TÔN GIÁO, xây dựng nền văn minh Tình Thương Huynh Đệ Đại Đồng.

Đạo Cao Đài thờ Đức Chí Tôn với biểu tượng THIÊN NHÂN là biểu tượng Thượng Đế hay Thần Lương Tâm.

Kính thưa quý liệt vị,

Chúng tôi ly hương với hai bàn tay trắng nhưng mang theo trong tâm khảm hình ảnh Thiêng liêng của Tòa Thánh Tây Ninh thân yêu đã diễn đạt tất cả nguồn triết lý Đại Đạo bằng hình tượng xây đắp trong và ngoài Đền Thánh. Vì thế, trong nhiều năm tháng sống xa quê hương, lưu lạc nơi xứ lạ quê người, chúng tôi luôn luôn canh cánh bên lòng, ước mơ có ngày xây dựng một ngôi THÁNH ĐƯỜNG THEO KHUÔN MẪU TOÀ THÁNH TÂY NINH tại quê hương thứ hai này.

Ước mơ đó nay đã thành sự thực. Chúng tôi vừa mua được một khu đất tại địa chỉ số 8415 S. Breeze Dr, Houston, Texas 77071 (gần ngã tư S. Gessner & W. Belfort), diện tích tổng thể 2 Acres. Theo thiết kế, chúng tôi cất HẬU ĐIỆN gồm 3,200 SF trước và CHÁNH ĐIỆN 5,600SF sau. Chúng tôi đã được Thành Phố Houston cấp Giấy phép số 4290507. Hiện Hậu Điện đang khởi công xây dựng vào ngày 10 tháng 2 năm 2009.

Thánh Thất Cao Đài Houston - Texas được xây cất lên nhằm mục đích tôn thờ Đấng Chí Tôn, còn là nơi qui tụ Tín Đồ Cao Đài tu hành hoằng dương Chánh pháp, cầu cho Quốc thái dân an, cùng chung sống hoà bình trong bể tình thương của THƯỢNG ĐẾ. Vì lẽ đó, qua TÂM THƯ này, chúng tôi khẩn thiết kêu gọi tất cả quý liệt vị xin mở lòng từ tâm ủng hộ tài chánh giúp chúng tôi trang trải chi phí xây cất Thánh Thất Cao Đài Houston - Texas theo mô hình vừa diễn giải.

Biết rằng tình hình kinh tế đang hồi suy thoái, mọi người đang đối mặt với nhiều khó khăn, nhưng tin chắc rằng các Đấng Từ Bi sẽ gia hộ công đức cho quý vị. Chúng tôi luôn nguyện cầu Đức Chí Tôn, Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban ân lành cho quý vị cùng toàn thể gia đình thân tâm thường lạc.

Xin chân thành tri ân toàn thể quý liệt vị.

*** Xin lưu ý:** Mọi đóng góp tài chánh đều được cấp biên nhận và được miễn trừ thuế cuối năm theo điều khoản “Non Profit Organization- File # 01549061-01” - EIN # 76-0624866 do Sở Thuế Liên Bang Hoa Kỳ chấp nhận.

Houston, ngày 01-01-2009

TM. Hội Đồng Quản Trị TM. Hành Chánh Đạo Houston-TX

Hiền Tài Trịnh Quốc Thế **Chánh Tri Sự Phạm Văn Soi**

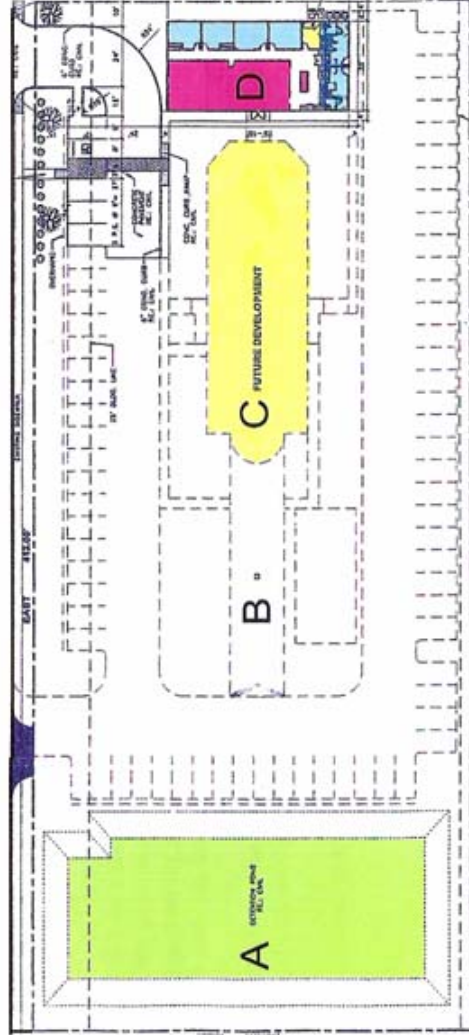
*** Điện thoại liên lạc:**

- Thế Trịnh: 832-755-0105
- Soi Phạm: 281-564-7109
- John Trinh: 713-530-3743

*** Chi phiếu ủng hộ xin ghi:**

The Great Way
PO. BOX 711385
Houston, TX 77271-1385.

Sơ Đồ Tổng Thể
Thánh Thất Cao Đài Houston Texas



- A: Hồ Sen - Diện Tích: 10,800 SF
- B: Sân Đại Đồng - Công Chánh - Trụ Phướn
- C: Chánh Điện Theo Mẫu TTTN - Diện Tích: 5,600 SF
- D: Hậu Điện - Diện Tích: 3,200 SF



Cúng đất đai trước khi động thổ.



Thầy khoán David Đoàn cúng đất đai



Lễ Động Thổ ngày 10-02-2009



Lễ Động Thổ ngày 10-02-2009



Ủi đất- Đào Hồ Sen



Đóng khung chuẩn bị xây Hậu Điện

Trong một ngày nắng đẹp của miền Nam California, khoảng 200 đồng hương Tây Ninh hớn hở tham dự buổi tiệc tân niên năm Kỷ Sửu 2009 của Tây Ninh Đồng Hương Hội được tổ chức vào ngày chủ nhật 08 tháng 03-2009 tại nhà hàng Paracel Sea-food .

Sau phần nghi thức khai mạc, đoàn lân của Trung Tâm Việt Ngữ Minh đức tưng bừng nhảy múa theo tiếng trống tạo nên bầu không khí vui nhộn của những ngày Xuân, tuy rằng buổi tiệc được tổ chức có hơi xa những ngày Tết.

Tiệc Tân niên Năm Kỷ Sửu 2009 của Tây Ninh Đồng Hương Hội

Đoàn lân vừa rời khỏi sân khấu thì điều hợp viên giới thiệu thành phần tham dự và chúng tôi ghi nhận như sau:

Hội Đồng niên Trưởng:

- * Niên trưởng Trần cửu Thiên.
- * Niên trưởng Võ Văn Xét.
- * Niên trưởng Hoàng Bá Tất.
- * Niên trưởng Đỗ Quang Hiếu.
- * Phu nhân cố niên trưởng Tạ Thành Long.
- * Phu nhân cố niên trưởng Nguyễn Văn Xã.
- * Phu nhân cố niên trưởng Đặng văn Trọng.

Ban Cố Vấn:

- * Ông Nguyễn Lý Sáng, cựu Hội Trưởng Tây Ninh Đồng Hương Hội.
- * Ông Nguyễn Văn Quý, cựu Hội Trưởng Tây Ninh Đồng Hương Hội..

Quan khách:

- * Ông Bà Bùi Văn Ngô, hội Đồng Hương Hậu Nghĩa.
- * Ông Bà Bác Sĩ Thương Hải.

* Nhà văn Phạm Quốc Bảo và phu nhân Ngô Thị Ngọc Hương.

Đặc biệt có 15 thân hữu thuộc đoàn 500 từng ở tù trong các trại Trảng Lớn, Cây Cây, Bà Cỏ và Kà Tum.

Về phía cơ quan truyền thông, báo chí có:

* Cô Bích Phượng, đài Little Saigon Radio.

* Cô Mỹ Lan, Đài truyền hình VHN và VANTV.

* Ông Vi Tuấn, Đài Truyền hình 18.

* Ông Nguyễn Huy, Đài Truyền hình SBTN.

* Ký giả Anh Thành..

Phần bà con đồng hương Tây Ninh có sự hiện diện của chư vị Hiền Tài và chư vị chức việc của các Thánh thất vùng Nam California :

* Hiền Tài Phạm Văn Khảm, * HT Hồ Văn Hoàng.

* Hiền Tài Bùi Văn Nho * Hiền Tài Trương hữu Chất

* Hiền Tài Phan Tấn Ngư * CTS Trần Văn Hùng.

* CTS Diệp Văn Xê. * CTS Nguyễn Văn Đức.

Tiếp theo táo quân Tây Ninh, nghiêm trang trong y phục áo dài khăn đóng xanh trình tấu lên Ngọc Hoàng tình hình biến chuyển trên thế giới và những sự kiện xảy ra của bà con Tây Ninh trong năm qua.

Kế đến, kỹ sư Phan Ngọc Lân, Hội Trưởng Tây Ninh Đồng Hương Hội thay mặt Ban Chấp Hành và Ban Tổ Chức chào mừng quan khách và bà con đồng hương Tây Nin, và chúc mừng năm mới đến tất cả mọi người.

Niên trưởng Trần Cửu Thiên thay mặt Hội Đồng Niên Trưởng chúc Tết đồng hương Tây Ninh và quan khách.

Ông Nguyễn Lý Sáng, cựu Hội Trưởng, Trưởng Ban Biên Tập tập san “Tây Ninh Quê Tôi “ trình bày một số việc làm của Ban Biên Tập để hoàn thành tập san và sơ lược nội dung một số bài được đăng trong tập san Xuân Kỷ Sửu. Để cho tập san ngày càng phong phú, Ông kêu gọi sự đóng góp bài vở của quý đồng hương, nhất là những bài viết về quê hương Tây Ninh yêu dấu của chúng ta.

Quý vị Niên Trưởng được mời lên sân khấu nhận mỗi người một bó hoa hồng chúc thọ của Ban Tổ Chức.

Đúng 12.30 trưa khai tiệc. Tất cả mọi người nâng ly chúc mừng. Bà con đồng hương và quan khách vừa ăn vừa thưởng thức chương trình ca vũ tân cổ nhạc “ cây nhà lá vườn” đượm tình quê hương do các em thanh thiếu niên Đại Đạo, trung Tâm Việt Ngữ Minh Đức và bà con đồng hương Tây Ninh phụ trách.

Buổi tiệc diễn ra trong bầu không khí vui tươi, ấm áp, thân mật. Thỉnh thoảng vang lên những tràng pháo tay khen tặng các màn trình diễn, mang bông hồng tặng cho các ca sĩ nghiệp dư. Đôi lúc bà con cũng hồi hộp chờ đợi lắng nghe, dò số Loto, rồi có người đứng lên hô to “ Tôi trúng”.

Đến 3 giờ chiều, tiệc Tân niên chấm dứt. mọi người quyến luyến chia tay nhau và hẹn năm sau gặp lại nhau đông hơn, vui hơn

Trong buổi tiệc Tân niên năm Kỷ Sửu 2009 chúng tôi ghi nhận sự thiếu vắng của rất nhiều vị niên trưởng. có những vị đã ra đi vĩnh viễn, có những vị lý do tuổi cao sức yếu không đến tham dự được như các vị niên trưởng Tống Hoàng, Trần Ngọc Nguyên, Ngô Thành Tâm, Phạm Ngọc Tấn, Đặng minh Dương. Riêng Niên Trưởng Đặng minh Dương có gửi thư đến chúc Tết bà con đồng hương và đã đóng góp cho buổi tiệc mặc dù niên trưởng không đến chung vui được.

Viết đến những dòng chữ này, chúng tôi xin chúc sức khỏe đến tất cả bà con đồng hương và rất mong trong những sinh hoạt của Hội trong tương lai quý đồng hương- nhất là quý vị niên trưởng - được đầy đủ sức khỏe và dẫn dắt con cháu theo quý vị để cùng chung vui với đồng hương và tâm sự cùng nhau trong những ngày sống trên quê hương thứ hai này.

Nam California, 08-03-2009

Xuân Huy



PHÂN ƯU

Vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn:

Thân Phụ của HTDP Trần Trung Dung, Trưởng Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại bang Washington và Bang Oregon là :

Đạo hữu

Trần Văn Du

Qui vị vào ngày Thứ Năm 12-03-2009 (nhằm ngày 16-02 năm Kỷ Sửu) tại Gò Dầu, Tây Ninh, Việt Nam.

Hưởng thọ 70 tuổi

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng HH HTỷ HTDP Trần Trung Dung, và tang quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho hương linh cố đạo hữu Trần Văn Du được sớm an nhàn nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Thành kính phân ưu.

**Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo
Các Ban Thế Đạo và
các Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại các địa
phương các quốc gia Hoa-Kỳ, Canada, Pháp. Úc Châu**

**Chức sắc, Bàn Trị Sự, Đại Đạo Thanh Niên Hội và
Đồng Đạo Thánh Thất Seattle, Washington-Hoa kỳ.**



PHÂN ƯU

Vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn:
Hiền Thê của HT Cao Văn Bảy, Trưởng Ban Đại Diện
Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại bang Georgia, Hoa-Kỳ là:

Hiền Tỷ Lê Thị Cang

Qui vị lúc 4.30 AM ngày Thứ Ba 10-03-2009 (nhằm ngày 14-02 năm Kỷ Sửu) tại Bệnh Viện Bến Tre, Việt Nam.

Hưởng thọ 71 tuổi

Lễ an táng được cử hành tại nguyên quán xã Lộc Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng HH HT Cao Văn Bảy và tang quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho hương linh cố hiền tỷ Lê Thị Cang được sớm an nhàn nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Thành kính phân ưu.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại	Châu Đạo California.
& Tập San Thế Đạo	Tộc Đạo & ĐTPM Orange
Ban Thế Đạo Bắc California	Tộc Đạo Santa Clara.
Ban Thế Đạo Nam California	Tộc Đạo San Diego.
-----	Tộc Đạo Little Saigon
Đại Đạo TN Hội California.	Thánh Thất & ĐTPM California



PHÂN ƯU

Vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn Thân phụ của Hiền
Huỳnh cựu Chánh Trị Sự Đào Minh Ánh hiện ngụ tại San
Jose là:

Cựu Chánh Trị Sự Đào Trực

đã quy vị vào ngày Thứ hai 09 tháng 03 năm 2009 (nhằm
ngày 13 tháng 02 năm Kỷ Sửu) tại Ninh Sơn, Hòa Thành,
Tây Ninh, Việt Nam.

Hưởng thọ 87 tuổi.

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng Hiền Huynh cựu CTS
Đào Minh Ánh và tang quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng
Thiên Linh ban hồng ân cho hương linh của Cố cựu CTS
Đào Trực được sớm an nhàn nơi cõi Thiên Linh Hằng
Sống.

Thành kính phân ưu

Tộc Đạo Santa Clara-Thánh Thất San Jose
&Điện Thờ Phật Mẫu San Jose

Hương Đạo Sacramento

Cùng toàn thể Chức Sắc, Chức việc và đồng đạo tại Bắc CA

Hội Tương Tế Cao Đài

Đại Đạo Thanh Niên Hội Santa Clara

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo
Ban Thế Đạo Bắc California



PHÂN ỦU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn :
Nhạc Mẫu của HT Nguyễn Thừa Long(Đệ 2 Phó Chủ
Trường Cơ quan Đại Diện Cao-Đài Tòa Thánh Tây
Ninh tại Hải Ngoại, Qu. Đâu Tộc Thánh Thất New
Orleans, LA), Thân Mẫu của HTDP Nguyễn Huỳnh Cúc
là:

Cụ Bà:

Nguyễn Thị Phương

đã qui vị vào lúc 3.40 PM ngày thứ sáu 13 tháng 02 năm
2009 (nhằm ngày 19 tháng 01 năm Kỷ Sửu) tại Phước
Hảo, Trà Vinh, Việt Nam.

Hưởng thọ 84 tuổi

Chúng tôi xin chân thành chia sẻ nỗi đau buồn này cùng
HT Nguyễn Thừa Long, HTDP Nguyễn Huỳnh Cúc và
tang quyến.

Chúng tôi thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật
Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng hộ trì cho hương linh Cụ
Bà Nguyễn Thị Phương được sớm an nhàn nơi cõi
Thiêng Liêng Hằng Sống
Thành kính phân ưu.

**Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo
Các Ban Thế Đạo &
Các Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại các
địa phương tại Hoa-Kỳ, Canada, Pháp và Úc Châu.**



PHÂN ƯU

Vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn :
Thứ Nữ của HH Thông Sự Nguyễn Văn Dùm ,Thánh
Thất Pomona, California là:

Nguyễn Thị Cúc Nina

đã qui vị ngày 04 tháng 01 năm 2009 (nhằm ngày 09
tháng 12 năm Mậu Tý) tại New York, Hoa-Kỳ.

Hưởng dương 29 tuổi.

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng HH Nguyễn Văn Dùm
cùng tang quyến.

Chúng tôi thành tâm nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật
Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng độ rỗi cho hương linh
đạo hữu Nguyễn Thị Cúc Nina sớm được về cõi Thiêng
Liêng Hằng Sống.

Đồng thành kính phân ưu.

Châu Đạo California.

Tộc Đạo, Thánh Thất và Điện Thờ Phật Mẫu Orange.

Tộc Đạo San Diego

Tộc Đạo Santa Clara.

Tộc Đạo Little Saigon.

Thánh Thất Pomona.

Đại Đạo Thanh Niên Hội California.

Tây Ninh Đồng Hương Hội.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại& Tập San Thế Đạo.

Ban Thế Đạo Nam CA, Ban Thế Đạo Bắc CA



PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng xúc động và thương tiếc khi nhận được tin buồn :
Nhạc Phụ của HH Nguyễn Văn Ron và cũng là Thân Phụ của HTỷ Trương Thị Khanh ngụ tại Tucker, Georgia là :

Cụ Ông
Trương Văn Đực

đã qui vị vào ngày 29 tháng 11 năm 2008 (nhằm ngày 02 tháng 11 năm Mậu Tý) tại Quận 6 Sài Gòn, Việt Nam.

Hưởng thọ 85 tuổi

Chúng tôi xin chia buồn cùng HH Nguyễn Văn Ron và HTỷ Trương Thị Khanh cùng tang quyến.

Chúng tôi thành tâm cầu nguyện hương linh của Cụ Ông Trương Văn Đực được sớm an nhàn nơi Miền Cực Lạc.

Thành kính phân ưu.

Georgia, ngày 20-12-2008
TM. BTS và đồng đạo Thánh Thất Georgia,
Chánh Trị Sự,
Nguyễn Văn Hưởng.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo.

Pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ là gì?

Đạt Thông Dương Văn Ngừa

Trong bài Di Lạc Chơn Kinh mà người tín đồ Cao-Đài thường tụng đọc vào các ngày rằm lớn, hay khi cầu siêu cho các vong linh quá vãng, bài kinh này do Đức Thích Ca Mâu Ni thuyết giảng, có một đoạn như sau: . . .” *Nhược hữu chúng sanh văn ngã ưng đương thoát nghiệp, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, tụng thị Pháp Điều Tam Kỳ Phổ Độ tất đắc giải thoát luân hồi, đắc lộ Đa-La Tam Diệu Tam Bồ Đề thị chi chứng quả cực lạc Niết Bàn.*” Có nghĩa là : Nếu như có ai nghe biết lời nói của Ta, thì tự nhiên thoát khỏi các nghiệp ác, hãy niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, nhìn nhận và tụng theo Pháp Điều Tam Kỳ Phổ Độ tất được giải thoát khỏi luân hồi, đồng thời đắc Đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ấy là chứng được quả vị nơi Cực Lạc Niết Bàn.

Vậy Pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ là gì mà Đức Thích Ca Mâu Ni bảo nếu tin tưởng và tụng theo thì sẽ đắc Đạo Vô Thượng Chánh đẳng Chánh Giác tức chứng quả Niết Bàn?

Trước hết chúng ta phải lưu ý đến phần đầu là : nhược hữu chúng sanh văn Ngã ưng đương thoát nghiệp, tức là khi nghe biết được lời nói của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật nhưng phải hiểu biết ý nghĩa của niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng là gì trước đã rồi mới tụng theo Pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ mới được kết quả như trên.

Nếu như nghe lời của Đức Thích Ca Mâu Ni mà không buông bỏ nghiệp ác thì cũng như không. Kể đến câu niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng mà không hiểu ý nghĩa của nó thì cũng không có kết quả gì. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Đức Chí Tôn có giải rõ như sau:

“ *Khai Thiên Địa vốn thầy, sanh Tiên, Phật cũng Thầy. Thầy đã nói một chơn thân (Thầy) mà biến càn khôn thế giới và cả*

nhơn loại.

Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy.

Các con là chư Phật, chư Phật là các con.

Có Thầy mới có các con, có các con rồi mới có Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Thầy khai Bát Quái mà tác thành Càn Khôn Thế giới nên mới gọi là Pháp, Pháp có mới sanh ra càn khôn vạn vật rồi mới có người, nên gọi là Tăng. Thầy là Phật chủ cả Pháp và Tăng lập thành các Đạo mà phục hồi các con hiệp một cùng Thầy.”

Đấng Thái Cực Thánh Hoàng, hay Ngọc Hoàng Thượng Đế hay là Thầy là Đấng vô hình, vô tướng, chúa tể Càn khôn vũ trụ. Đó gọi là Phật, phân định ra các quy luật sanh hoá và điều hòa trong càn khôn thế giới (Thiên điều), đó gọi là Pháp (Phật Mẫu Tạo hóa) hóa sanh ra càn khôn vạn vật (từ vô hình sanh ra hữu hình), vạn vật hữu hình, đứng đầu là Người đó gọi là Tăng làm chủ muôn vật.

Càn khôn vũ trụ gồm có ba thể: Thể vô hình là Đấng chúa tể càn khôn vũ trụ gọi là Thiên. Thể bán hữu hình là các quy luật chuyên hóa từ thể vô hình sang hữu hình đại diện là Đức Phật Mẫu gọi là Địa, và Thể hữu hình mà con người đại diện nên gọi là Nhân. Gọi đó là Tam Tài. Cho nên bất cứ một vật thể nào trong càn khôn vũ trụ cũng đều có ba thể hợp chung lại (Ba là một, mà một cũng là Ba). như con người thì phần Thiên là Linh hồn, phần Địa là Chơn thân, phần Nhân là Cơ Thể (Trời có Nhựt Nguyệt Tinh, Đất có Thủy Hỏa Phong , Người có Tinh, Khí, Thần hay Xác thân, Chơn thân, Linh hồn).

Do đó khi niệm: Phật, Pháp, Tăng tức là đánh thức đến ba cái thể trong bản thân mình đừng có mê ngủ nữa, hãy tỉnh thức mà làm nhiệm vụ đúng theo chức năng theo quy luật của Trời Đất (Thiên cơ, Thiên điều) để được tiến hoá chứ không phải cầu xin nơi các Đấng ban ân phước. Những qui luật của Trời Đất (Thiên cơ, thiên điều) chính là những qui định bất di bất dịch đó

bắt buộc ai cũng phải tuân theo, dù là Đấng Chúa Tể càn khôn vũ trụ cũng phải tuân hành. Thánh Ngôn hiệp Tuyển ngày 21-09-1926 (15 tháng 8 BD) : “ *Thầy thường than rằng: Đạo phát triển một ngày là một ngày hại hơn sanh, nên Thầy nôn nóng nhưng Thiên cơ chẳng nghịch đặng Nếu thầy dùng quyền phép Đức Chí Tôn thì mất lẽ công bình thiêng liêng tạo hóa.*”

Người Việt Nam bị ảnh hưởng tinh thần Phật giáo lâu ngày, do đó thường hiểu niệm Phật, Pháp, Tăng theo sự giải thích của Phật giáo là: Phật là Đức Thích Ca Mâu Ni, Pháp là giáo pháp của Đức Phật, Tăng là các bậc xuất gia bên Phật giáo, tức là hàng Tăng lữ. Đó là lối giải thích bên Phật giáo. Riêng bên Cao-Đài thì phải hiểu một cách chính xác như trên thì việc làm mới có tác dụng hữu hiệu.

Trên đây chỉ nói về việc làm phải hiểu biết ý nghĩa thì việc làm mới có kết quả, nếu làm mà không hiểu biết ý nghĩa thì chỉ phí sức tốn công.

Khi tụng đọc câu: “*Tùng thị Pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ tất đắc giải thoát luân hồi, đắc lộ Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề thị chi chứng quả Cực Lạc Niết Bàn*” mà không hiểu biết ý nghĩa thế nào thì chẳng có tác dụng gì cả.

Vậy Pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ là gì? mà đức Phật Thích Ca dạy tụng theo nó thì sẽ thoát khỏi luân hồi và đạt được chánh đẳng chánh giác tức là đạt quả vị nơi cõi Niết Bàn?

Nếu truy tìm giáo lý Cao-Đài để biết ý nghĩa của Pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ cũng không phải là khó. Chúng ta đã biết và tin tưởng trong thời Tam Kỳ Phổ Độ Đức Thượng Đế đã ký hòa ước lần 3 với nhơn sanh do Tam Thánh Bạch Vân Động đứng đại diện thì có hai điều: Tình Thương Yêu và sự Công Bình (Amour et Justice) có nghĩa là Trời và Người cùng nhau hợp tác thực thi cho được hai điều hòa ước nói trên thì cõi trần gian này sẽ trở nên Thiên Đàng tại thế.

Cho nên tóm tắt một câu đơn giản: **Pháp điều Tam Kỳ Phổ**

Độ là Tình Thương và sự Công bình. Tùg theo Pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ tức là thực thi cho bằng được hai điều căn bản Tình Thương và sự Công Bình trong bản thể mỗi người. (Hai điều ấy, phải luôn luôn tồn tại trong lòng mình, chớ không ở lời nói !!!).

Nên nhớ là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là do Thiên cơ chớ không phải là chuyện ngẫu nhiên do con người tùy hứng mà xướng xuất.

Thánh Ngôn Hiệp Tuyển ngày 08-12-1926 (âl 4-11 Bính Dần)
.. “ *Đại Đạo Tam Kỳ hoằng khai tại cõi Nam đã chiếu theo Thiên thơ, hội Tam giáo, mà vớt chúng sanh thoát vòng ly khổ, thiệt thiệt, hư hư, một mảy chi, cũng chẳng qua là máy Thiên cơ mà thôi.*”

Thánh Ngôn Hiệp Tuyển ngày 05-08-1926 (âl 27-06 Bính Dần)
.. “ *Thời kỳ mạt pháp này, khiến mới có Tam Kỳ Phổ Độ, các sự hữu hình phải huỷ phá tiêu diệt. Thầy đến chuyển đạo, lập lại vô vi. Các con coi thử bên nào chánh lý: hữu hình thì bị diệt dặng, chớ vô vi chẳng thể nào diệt dặng.*”

Các tiên tri từ các tôn giáo đều cho biết nay là thời kỳ hạ nguơn mạt pháp. Hạ nguơn thì có lẽ ai cũng hiểu, còn “Mạt pháp” thực ra thì cũng quá rõ ràng nhưng vì lý do này hay lý do khác người ta không chịu chấp nhận nó. Dù ai có chấp nhận hay không chấp nhận thì cái nghĩa lý cũng như sự thật của nó không thể thay đổi được.

Mạt là cái ngọn, cuối, hết, hèn mọn.

Pháp là giáo pháp các tôn giáo.

Do đó Mạt pháp: Các giáo pháp các tôn giáo đã hết còn tác dụng nữa. Nghĩa là con người nếu tiếp tục tu hành theo các giáo pháp đã có từ trước (Nhứt kỳ và Nhị kỳ Phổ Độ) thì rất khó đắc Đạo. Nếu không theo các giáo pháp cũ thì phải có giáo pháp mới cho con người tu. Giáo pháp mới tức là giáo pháp của Tam Kỳ Phổ Độ như Đức Thích Ca Mâu Ni đã thuyết trong bài Kinh Di Lạc.

Theo Phật Giáo, giáo pháp của Đức Phật Thích Ca sẽ trải qua ba thời kỳ: Chánh pháp, Tượng pháp và Mạt pháp.

1-Thời kỳ Chánh pháp: kể từ lúc Đức Thích Ca nhập diệt cho đến 500 năm sau, giáo pháp của Phật được các đệ tử giữ gìn nguyên vẹn, nên số người tu đắc đạo rất nhiều. Trong Luật tạng có ghi mấy lời của Đức Phật Thích Ca như vậy: “*Nền Chánh pháp của ta đáng lẽ trụ thế 1000 năm hoặc lâu hơn nữa, nhưng trót vì Ta đã cho hàng phụ nữ xuất gia, nên nền Chánh pháp bị giảm bớt, chỉ trụ thế 500 năm mà thôi*”.

2-Thời kỳ Tượng pháp: (Tượng là giống, là tương tự). Trong khoảng 1000 năm tiếp theo sau thời kỳ chánh pháp là thời kỳ Tượng pháp, giáo lý của Phật có bị sửa đổi nhưng vẫn còn giống với giáo pháp ban đầu, nên số người tu đắc đạo khá nhiều, nhưng ít hơn thời kỳ Chánh pháp.

3-Thời kỳ Mạt pháp: Trong khoảng 1000 năm tiếp theo sau thời kỳ Tượng pháp là thời kỳ Mạt pháp, giáo lý của Phật lần lần bị sửa cải nên sai lạc gần hết, không còn giống với Chánh pháp ban đầu. Người tu không biết sai lạc chỗ nào, cứ theo đó mà tu nên đi vào chỗ lầm lạc, tu nhiều nhưng đắc đạo rất ít.

Đức Phật sinh năm 623 BC, hưởng thọ 80 tuổi tức mất vào năm 543 BC. Cộng lại ba thời kỳ Chánh pháp 500 năm, Tượng pháp 1000 năm và Mạt pháp 1000 năm lại tổng cộng là 2500 năm. Như vậy $2500-543=1957$ AC. Nếu tính bằng con số chính xác thì năm 1957 là năm cuối cùng của thời kỳ Mạt pháp.

Đức Chí Tôn có ban cho câu đối liên trong dịp lễ Khai Đạo Cao-Đài tại chùa Gò Kén ngày rằm tháng mười năm bính Dần (1926) như sau:

*“ Di Lạc thất bá thiên niên quảng khai Đại Đạo,
Thích Ca nhị thập ngũ thế chung lập Thiên môn.”*

Hai câu đối liên của Đức Chí Tôn cho chúng ta biết rằng Đức Phật Thích Ca mở Phật giáo cứu nhơn sanh trong vòng 2500 năm thì chấm dứt, Phật giáo sẽ thất chơn truyền và bị bế lại. Nối tiếp theo là thời kỳ cứu độ của Đức Di Lạc Vương Phật với

với Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ kéo dài được 700.000 năm (thất ức niên).

Tại sao Thượng Đế khai mở Tam Kỳ Phổ Độ chỉ buộc có hai điều: “Tình thương và sự công bình”. Trên con đường tu hành có rất nhiều phương pháp, sao chỉ buộc có hai điều nghe qua thì thật là giản dị không thấy có gì khó khăn cả. Nhưng nếu đem áp dụng vào bản thân mình, thì hành cho bằng được hai điều ấy thì thật sự không phải là chuyện dễ dàng.

Nguyên tắc chữa bệnh của các lương y thì thuốc chữa bệnh dù có hay đến đâu mà trị không đúng căn bệnh thì không thể hết được. Vì vậy muốn trị dứt bệnh thì phải dùng thuốc đúng căn mới chữa dứt được bệnh.

Đạo mở ra tùy thời kỳ là mục đích trị bệnh cho nhơn sanh trong thời kỳ đó. Trong thời hạ nguơn mặt pháp này, các giáo pháp các kỳ phổ độ đã qua không còn hữu hiệu nữa, có nghĩa là căn bệnh của nhơn sanh đã “lờn thuốc”, cho nên Tam Kỳ Phổ Độ phải dùng “phương dược” khác để trị cho đúng căn bệnh của thời đại thì mới có kết quả.

Vậy căn bệnh của thời đại này là gì vậy?

Nếu chỉ nhìn bằng con mắt của thế nhân thì thấy rằng xã hội con người ngày nay đang nằm trong hoàn cảnh “mạnh được yếu thua”, mạnh ở đây không phải là sức mạnh của “cơ bắp” mà là sức mạnh của cái trí, cái mưu tức là sự giả trá, lường gạt để đạt được mục đích là thâu tóm càng nhiều càng tốt về cho mình, cho phe nhóm mình những thứ danh vọng, quyền chức, tiền tài dù phải giết người, gây chiến tranh, diệt tộc hay có thể làm cho cả việc trái đất bị mất cân bằng về sinh thái, họ vẫn làm !!

Nếu nhìn bằng con mắt của nhà Đạo học thì con người đang trên đà chạy theo con đường “vật chất” mà bỏ mất “tinh thần”, hay nói đơn giản là con người trong thời mạt pháp đang trên đường bám theo “vật chất” đã không còn chú trọng đến “lương tâm”. Lương tâm cũng là linh hồn, mà linh hồn là “điểm linh quang” của Thượng Đế ban cho mỗi người. Điểm linh quang chính là “Tình thương và sự công bằng”. Nói tóm lại con người

ngày nay đã bỏ mất đi “ Tình thương và sự công bằng”, hai điều ấy chỉ còn dính lại ở đầu môi chót lưỡi mà thôi, cho nên phương được Thượng Đế dùng để trị căn bệnh nan y của con người trong thời đại này chính là “ Tình thương và sự công bằng”.

Bài viết này mục đích giúp đỡ quý huynh, tử, đệ, muội khi tụng Di Lạc Chơn Kinh hiểu được ý nghĩa một cách chính xác hầu hưởng được một cách thực tế cả hai điều lợi lạc “ Tự độ và độ tha” trên con đường bồi công lập đức, phổ độ chúng sanh.

Tình thương và sự công bằng là mục tiêu tối thượng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cho nên Đức Thích Ca Mâu Ni mới nói: “Tùng thị pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ, tất đắc giải thoát luân hồi, đắc lộ Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề thị chi chứng quả Cực Lạc Niết Bàn.” Có nghĩa là ai mà giữ được trong lòng mình luôn luôn đầy đủ tình thương yêu và sự công bằng thì sẽ đạt được đạo quả nơi cõi Niết Bàn.

San Jose, Xuân Kỷ Sửu 2009

Đạt Thông Dương Văn Ngừa.

(**Tiếp theo trang 117: Bài Lược Sử Khai Đạo**)

Chư vị Chức Sắc cao cấp của Đạo thấy nhưn sanh nược nược đến Thánh Thất cầu Đạo, mỗi ngày có đến hàng trăm người, đôi khi đến hàng ngàn người, thì trong lòng được an ủi rất nhiều, lần lần hết phiền muộn, đức tin thêm vững chắc, càng hết lòng phụng sự nền Đạo.

Như vậy, có một điều xem là nghịch lý nhưng đó lại là sự thật đối với nền Đạo của Đức Chí Tôn : Càng gây khó khăn cho Đạo, càng muốn tiêu diệt Đạo chừng nào thì Đạo lại phát triển nhanh chừng nấy, đúng như lời Đức Chí Tôn đã dạy :

“Muốn khuấy rối bao nhiêu, Đạo lại càng phát mau bấy nhiêu”.

(Đức Chí Tôn : 5-11 Bính Dần)

(Theo quyển Đạo Sử Nhựt Ký của HT.Ng.V.Hồng)

HT Nguyễn Trung Đạo

Nho Giáo Đại Cương

Nguyễn Ước

(Tiếp theo từ TSTĐ số 36,37,38)

So với triết Tây

Học thuyết của Khổng Tử về Lễ và Chính danh có điểm tương đồng với sự đánh giá về tính xã hội của hành động trong xã hội học hiện đại. Những người theo khoa ấy cho rằng mọi hành động đều liên quan tới chức năng xã hội và phải được thẩm định trên cơ sở đó.

Đạo đức học của Khổng Tử

Phần lớn những lời khuyên bảo do Khổng Tử đưa ra đều cực kỳ đáng giá cho cuộc sống.

“Khổng Tử nói: Bạn bè giúp ích cho ta có ba hạng, bạn bè làm hại ta cũng có ba hạng. Bạn ngay thẳng, bạn rộng lượng, bạn nghe biết nhiều, là những người bạn giúp ích cho ta. Bạn vờ vĩnh, bạn khéo chiều chuộng, bạn khéo nói, là những kẻ làm hại ta”. (Luận ngữ, XVI:5).



“Khổng Tử nói: Có ba điều ưa thích có ích, có ba điều ưa thích có hại. Ưa thích lễ nhạc đúng nghi tiết, ưa thích điều thiện của

người đạo đức, ưa thích được nhiều bạn hiền, ba điều đó là có ích. Ưa thích thú vui quá đáng, ưa thích chơi bời phóng túng, ưa thích yến tiệc, ba điều đó là có hại vậy”. (Luận ngữ, XVI:5).

Cùng với sự ngay chính được hàm chứa trong thuyết Chính danh - bao gồm việc am hiểu đúng đắn các khái niệm để có thể áp dụng xuôi thuận chúng trong thực tiễn - lời khuyên bảo ấy của Khổng Tử tạo nên cung giọng đạo đức cho nội dung giảng dạy của ngài. Có thể thấy rõ đạo đức học của ngài trong các phẩm tính của người quân tử và trong những gì ngài phát biểu về đức nhân.

Tuy các nghĩa vụ và nghi lễ được đề ra một cách khách quan nhưng phải đặc biệt thừa nhận rằng đối với Khổng Tử và các nhà tư tưởng về sau trong truyền thống Nho giáo, điều cốt tủy là động cơ chính đáng. Bạn nên làm điều “đúng”, không phải vì muốn sở đắc sự kính nể hoặc lời tán thưởng của kẻ khác mà chỉ vì điều ấy đúng với Lễ, hoặc tự nó phô bày một cách tự nhiên quá trình trau dồi đức nhân của bạn. Do đó, đạo đức học của Khổng Tử liên quan mật thiết tới quan điểm của ngài về bản tính loài người.

Sách Luận ngữ kể lại câu nói của Khổng Tử khi một đệ tử yêu cầu tóm tắt các lời giảng của ngài rằng:

“Tử Cống hỏi rằng: Thầy có câu châm ngôn nào để suốt đời làm theo chăng?”

“Khổng Tử nói: Đó là chữ ‘lượng thứ’ chăng? Điều gì mình không muốn người khác làm cho mình thì mình đừng làm cho người khác” [Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân]. (Luận ngữ, XV:24).

Ta cũng có thể thêm một câu trích từ Luận ngữ để tóm kết giai đoạn ban đầu của Nho giáo:

“Khổng Tử nói: Nên để tâm chí vào đạo, nắm vững đức hạnh, noi theo điều nhân, vui thích lục nghệ” (Luận ngữ, VII:6).

Trải rộng bên dưới những châm ngôn vừa nêu của Khổng Tử là ý tưởng về mệnh: “thiên mệnh”. Theo Khổng Tử, có một trật tự nền tảng của vũ trụ mà ta không thể thoát khỏi những thể

hiện của nó, vì như đã nói ở trên, nó là cái để ta phát hiện chứ không phải là cái do ta phát minh. Mặt khác, hiểu rõ cái không thể tránh ấy sẽ khiến ta có khả năng nhận ra những gì có thể sửa đổi và tu thân. Câu chốt của Luận ngữ tóm kết mọi sự liên quan tới quá trình đi theo con đường Đạo:

“Khổng Tử nói: Chẳng biết mệnh trời, thì biết lấy gì để làm người. Chẳng biết Lễ thì biết lấy gì để lập thân. Chẳng thể phân biệt lời phải trái, thì biết lấy gì để biết người.” (Luận ngữ, XX:3).

So với triết Tây

Châm ngôn “Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân” của Khổng Tử và việc ngài đòi hỏi người quân tử phải hành động theo đạo nghĩa, vì lợi ích của chính nó, bất chấp hậu quả, có điểm tương đồng với tư tưởng phương Tây, ít nhất ở ba chỗ:

1. Cảm giác nghĩa vụ đạo đức tuyệt đối được gọi là “mệnh lệnh vô điều kiện” của Kant.
2. Câu rút gọn của Kant về động cơ của hành vi đạo đức: Hãy chỉ hành động theo nguyên tắc (hoặc châm ngôn) mà bạn có thể, để ngay lúc ấy nó trở thành một luật phổ quát.
3. Đặc biệt, “Qui tắc Vàng” của Kitô giáo, lấy từ lời của Đức Giêsu trong Bài giảng trên núi: “Anh em muốn người ta đối xử với mình như thế nào thì anh em hãy đối xử với người ta như thế đó” (Luca: 6:31).

Bàn về bói toán

Ngang đây, ta có thể mở một ngoặc đơn để nhắc tới bói toán, một tiểu đề có liên quan ít nhiều tới ý tưởng “thiên ý, thiên mệnh” và một tác phẩm kinh điển của tư tưởng Trung Hoa.

Trong tư tưởng Trung Hoa, Kinh Dịch có tầm quan trọng rất đặc biệt. Nó hàm chứa các quan điểm triết học về lẽ biến dịch của vũ trụ và nhân sinh, đồng thời nó còn được dùng làm sách bói toán. Vì thế, Chiêm bốc (bói toán), cùng với Tướng diện (xem tướng) có một chỗ đứng quan trọng trong xã hội Trung

Hoa cổ đại. Vua quan cũng như kẻ sĩ và thứ dân đều dùng chúng để suy đoán vận mệnh, tìm cách biết trước tốt xấu.

Có nhiều phương tiện để xem điềm triệu: cỏ thi, mai rùa, xương thú, tinh tú trên trời, sắc diện con người, rút thẻ, bói quẻ, bói cờ, bói bài, giải mộng, thiên tai, v.v... Sách căn bản cho bói dịch là Kinh Dịch. Trong Hán thư, Ban Cố (32-92) phần liệt kê các loại sách bói toán, có tới 190 phái, gần 2.528 quyển. Sách Sử ký Tư Mã Thiên (145-89 tr.C.N) cũng có mấy quyển và nhiều thiên nói tới bói toán.

Mục đích chủ yếu của bói toán là đoán trước chuyện xảy ra trong tương lai lành hay dữ, phúc hay họa, thuận lợi hay trắc trở dựa trên cơ sở những nhận biết về quá trình biến dịch đang diễn ra trong hiện tại. Dù việc tiên đoán ấy đúng hoặc sai, ta cũng không thể không thừa nhận ảnh hưởng của nó lên quá trình hình thành tương lai của người tin theo nó hoặc chiều hướng hành động của người ấy trước một sự việc, khiến có thể làm xoay chuyển dòng chảy của các biến cố.

Thật thế, việc muốn biết điều ta nên làm - và như thế biết cách ta có thể làm để tác động lên tương lai - là lý do quan trọng nhất khi ta tìm tới bói toán. Do đó, bói toán không là cái giống hệt với số mệnh vốn mang tính tất định chủ nghĩa. Tương lai không cố định và vì thế, nó có thể là đối tượng cho những dự đoán khôn ngoan. Như thế, bói toán cũng có giá trị hữu dụng giới hạn của nó, như một nỗ lực thu thập dữ liệu để góp phần “tri thiên mệnh”.

Hai cảnh giới trời và đất

Khi suy gẫm về những gì được phát biểu trong sách Luận ngữ, ta phải thừa nhận một điều quan trọng rằng trong Nho giáo, có vấn đề hòa hợp tự nhiên giữa trời và đất. Đây không là sự phân biệt có tính huyền thoại. Đối với Nho giáo, không có một thế giới tách biệt của Thượng đế hoặc các thần linh, không có một thế giới “trời” tách biệt với thế giới “đất” để cho những gì dưới đất thấp phải tích cực noi theo hoặc đua tranh với những gì trên trời cao. Đúng hơn, chữ “trời” trong Nho giáo có ý nói tới

một trật tự lý tưởng và tinh thần, và “đất” là cách mà vạn vật hiện hữu tại chỗ và ngay lúc này.

Đó là lý do triết học Trung Hoa dễ dàng hòa nhập các ý tưởng siêu hình với các khái niệm xã hội và đạo đức. Trời và đất có thể rất khác nhau về phẩm tính, nhưng không là hai cảnh giới tách biệt nhau.

Cơ sở thẩm quyền

Với tinh thần thẩm tra triết học, ta hẳn không cảm thấy ngần ngại chút nào khi đặt câu hỏi rằng: “Học thuyết và toàn bộ lời giảng của Khổng Tử dựa trên cơ sở thẩm quyền nào?”

Câu trả lời đã do chính Khổng Tử đưa ra. Ngài thừa nhận rằng không lời giảng dạy nào do ngài nói ra có nguồn gốc từ ngài. Ngài “thuật nhi bất tác: chỉ kể lại chứ không đặt ra”. Ngài tự xem mình chỉ là kẻ trình bày chi tiết các lời giảng cổ truyền, đặc biệt những gì được thu thập trong quá khứ và phản ánh sinh hoạt thời sơ Chu. Đối với Khổng Tử, thẩm quyền của ngài là tính cổ truyền của những gì ngài giao truyền, và sự hợp lý của nó được chứng minh bằng thành quả của thời đại đã sản sinh ra nó: hai trăm năm thời sơ Chu, vua Văn vua Vũ và Chu Công đi theo đạo lý của nó nên thái bình thịnh trị, khác một trời một vực với thời Xuân thu hỗn loạn, đạo lý suy đồi.

Thật thú vị khi đối chiếu và làm nổi bật nét tương phản giữa quan điểm Nho giáo của Khổng Tử với Đạo giáo của Lão Tử về cội nguồn của tri thức có giá trị.

Lão Tử viết trong Đạo đức kinh, chương 47 rằng: “Không ra khỏi cửa mà biết được việc thiên hạ. Không dòm ngoài cửa mà thấy được Đạo Trời. Càng ra xa, càng biết ít. Bởi vậy, Thánh như không đi mà biết, không thấy mà hiểu, không làm mà nên” (Nguyễn Duy Cần dịch).

Theo trích đoạn đó, ta có thể nói rằng căn bản lối tiếp cận của Lão Tử, gọi theo lối Tây phương, là mang tính duy tâm chủ nghĩa. Bạn bắt đầu bằng một khái niệm được bạn cảm nhận bằng trực giác hoặc chấp nhận như một luận cứ hợp luận lý, và

rồi bạn lấy những quan sát hoặc những ý kiến của mình về thực tế xã hội quá khứ hoặc hiện tại để làm cơ sở chứng minh cho khái niệm đã được thiết lập sẵn ấy.

Ngược lại, Khổng Tử đặt cơ sở lập luận trên sự quan sát các xã hội thực tế và trên sự chấp nhận những truyền thống được lưu truyền trong chúng.

Ghi chú: Đây là chương 6 của cuốn Đại cương triết học Đông phương, sắp xuất bản.

IV. Phê phán Khổng Tử

Mặc Tử (k. 468-376 tr.C.N.)

Người đầu tiên phê phán tư tưởng Khổng Tử một cách triệt để, với một hệ thống triết học đầy đủ và những hoạt động tích cực là Mặc Tử, một nhà tư tưởng kỳ quái, khắc khổ và quyết liệt nhất Trung Hoa.

Ông tên là Mặc Dịch, chào đời sau khi Khổng Tử qua đời 11 năm, người nước Tống, có thuyết cho là người nước Lỗ. Từng làm thợ đóng xe, sau được thăng lên giới “sĩ”, Mặc Tử có lúc làm quan Đại phu. Thuở còn trẻ ông từng theo học Nho gia, sau đó bỏ Nho rồi đề xướng Mặc học, đối đầu gay gắt với Nho học. Các đệ tử của Mặc Tử phần lớn xuất thân từ hạ tầng xã hội, toàn những người khắc khổ và gan dạ, cùng theo ông sinh hoạt thành đoàn thể hơn một trăm người. Họ chủ trương sống tự túc bằng lao động và cho rằng “không lao động mà hưởng thụ là bất nhân phi nghĩa”. Về sau, các đệ tử ghi lại lời của thầy làm thành bộ Mặc Tử gồm 71 thiên.

Mặc Tử phê phán kịch liệt những nội hàm đạo đức và xã hội trong tư tưởng của Khổng Tử, dựa trên cơ sở rằng Khổng Tử khích lệ mối quan tâm cá biệt cho gia đình, thân tộc của mỗi người, gây nhiều thương tổn cho cảm giác phổ quát của loài người về thiện chí. Mặc Tử tuyên bố rằng lòng trung thành ưu tiên cho gia tộc - thân thân: thân yêu người thân - là cội rễ của cái ác. Ông tìm cách thay thế nó bằng quan điểm xã hội hòa hợp dựa trên “kiêm ái: yêu hết thấy mọi người”, một học thuyết

làm nảy sinh cảm giác thiết thực về phúc lợi của toàn thể xã hội.

Trong khi Khổng Tử kỳ vọng người dân sống thuận theo tôn ti trật tự của xã hội, Mặc Tử muốn họ tránh hết những thứ đó vì chúng gây bất lợi cho người khác. Mặc Tử đề ra một hình thức nhân ái khác với Khổng Tử. Khổng Tử dạy rằng “Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân: Điều gì mình không muốn ai làm cho mình thì mình đừng làm cho ai”, còn Mặc Tử dạy rằng “Ái nhân như ư ái kỳ thân: yêu người như yêu thân mình”, và “Vi bỉ do vi kỷ dã: Vì người khác cũng như vì mình”. Ông cổ vũ con người nên hành động để tạo phúc lợi cho xã hội như một toàn bộ và rằng điều đó có hàm ý mọi người nên giúp đỡ nhau trong tinh thần vô phân biệt.

Về chính trị, Mặc Tử tin rằng ta chỉ nên đề cử vào vai trò cai trị những kẻ biết và hiểu rõ người dân thường. Về mặt thực tiễn, Mặc Tử chủ trương lối sống tiết kiệm, cực kỳ thanh đạm, gần như khắc khổ; ông đặc biệt phê phán việc hoang phí tài nguyên cho các nghi lễ ma chay tống táng. Đáp lại chủ trương ấy, Nho gia tuyên bố rằng nếu không có quốc chủ và không có phụ mẫu tức là loài người trở lại như chim muông thúở hồng hoang, và rằng ta phải yêu thương kẻ ở sát bên ta trước khi có thể phát triển tình yêu thương đó tới những kẻ ở quá xa ta.

Mặc Tử còn phê phán Khổng Tử về việc không tin vào quỷ thần, tiêu phí tiền bạc vào cúng tế và ủng hộ tôn ti trật tự. Ông muốn đặt sang một bên cái gọi là tôn trọng cổ truyền và thế giá để bắt đầu nhìn vào xã hội trên căn bản lý trí. Về tri thức luận, Mặc Tử là người duy nghiệm chủ nghĩa. Dường như ông cũng có ý tưởng nào đó về một đấng tối cao có cứu cánh tính và ý chí, được biểu lộ trong tri giác về trật tự xã hội. Ông lập luận rằng vì mọi người đều bình đẳng trong con mắt của trời, do đó chúng ta nên yêu thương nhau một cách bình đẳng. Lập luận đó về sau bị Mạnh Tử cho là xúc phạm tới toàn bộ cảm xúc nhân tính.

Mặc Tử cũng lập luận rằng người dân hiểu rõ cái gì có lợi cho họ và cái gì có hại cho họ. Vì thế, điều chân chính phải làm chính là điều đáp ứng được cái thiện chung. Do đó, ông cho

rằng trong xã hội, sự thăng tiến của người dân nên đặt cơ sở trên công trạng của họ chứ không nên tùy thuộc vào dòng dõi của họ. Và nên lấy các thiện ích chung cùng sự đồng thuận của xã hội về chúng làm nguyên tắc cai trị đất nước.

So với triết Tây

Lối tiếp cận của Mặc Tử vào đạo đức học có chỗ tương đồng với tình yêu tự hiến mang bản sắc Kitô giáo, ở điểm cống hiến cho mọi người một cách bình đẳng, trên căn bản rằng ta nên yêu thương người khác như yêu thương mình vậy.

Cũng thế, hẳn chúng ta có thể gọi lý thuyết đạo đức học của Mặc Tử bằng một thuật ngữ Tây phương là chủ nghĩa thiết thực, hoặc thực lợi (utilitarianism), được trình bày trong công trình của Jeremy Bentham và John Stuart Mill, với nguyên tắc rằng cái thiện lớn lao nhất mà ta nên tìm kiếm chính là cái đem lại phúc lợi cho nhiều người nhất.

Trên bình diện triết học chính trị, Mặc Tử đã đưa vào một số nguyên tắc quan trọng nhằm tạo thế cân bằng giữa hai cực đoan gây ra bởi Nho giáo truyền thống chủ nghĩa và Đạo giáo cá nhân chủ nghĩa. Ở đây, Mặc Tử thiết lập cơ sở cho thể chế dân chủ, kinh tế thị trường tự do và chủ nghĩa thiết thực. Đặc điểm cốt tủy trong tư duy của Mặc Tử là niềm xác tín rằng người dân thật sự hiểu rõ cái gì tối ưu cho họ, và ta không cần phải nhờ vào truyền thống mới có thể phát hiện những gì được dân chúng chấp nhận công khai.

Phép tam biểu

Trong khi lập thành các quan điểm chính trị và đạo đức quan trọng ấy, Mặc Tử vẫn có cái nhìn rõ ràng về tri thức luận. Để đánh giá chân lý của một lời phát biểu, Mặc Tử đưa ra phép “tam biểu”:

- 1.Gốc: Phải xem nó có hợp với công việc của các thánh vương đời xưa không;
- 2.Nguyên: Phải xem nó có hợp với thực tế đời sống của phần lớn dân chúng không;

3. **Dụng:** Phải áp dụng nó vào hành chính xem có hợp với quyền lợi của dân chúng không.

Đối với người theo Mặc gia, cái thiện cao nhất là hiến thân cho mọi người. Họ biện hộ cho lối sống kham khổ và hoàn toàn chống đối chiến tranh cùng mọi hình thức gây hấn. Tuy sẵn sàng liều chết bảo vệ thành trì, chống lại kẻ xâm lăng, nhưng họ kiên quyết không chấp nhận bất cứ hành động xâm lấn nào.

Dĩ nhiên, Khổng Tử - và Mạnh Tử, về sau - hẳn đánh giá lối tiếp cận của Mặc Tử là ngây thơ, không thích hợp với kinh nghiệm phổ quát rằng mọi người thường ưu tiên cho bạn bè, gia đình và những kẻ cùng khuynh hướng và địa vị xã hội với mình; nói cách khác, loài người không tự nhiên có tính thiết thực chủ nghĩa.

So với triết Tây

Ngang đây, ta có cảm tưởng hình như David Hume đang sử dụng lối tiếp cận của Mặc Tử. Thật thế, so với triết gia duy nghiệm người Anh ấy, họ Mặc Trung Hoa đang tới gần sự khảo sát chứng cứ bằng một cung cách tương tự.

Thí dụ, trong trường hợp có lời tuyên bố về việc vừa xảy ra một phép lạ, Hume muốn thẩm định hết thảy các chứng cứ xem chúng có phù hợp với phần còn lại của kinh nghiệm hay không, và xem mức độ đáng tin của người đưa ra lời tuyên bố cá biệt ấy - đề phòng trường hợp có khả năng người ấy đã lầm lẫn về biến cố xảy ra. (Xem Đại cương triết học Tây phương).

Trình bày cách khác

Tuy thế, nói chung, lối tiếp cận của Mặc Tử vẫn phản ánh triết học Đông phương với khuynh hướng hòa trộn tri thức luận với siêu hình học và đạo đức học. Như đã nói trên, ông là người duy nghiệm chủ nghĩa. Ta có thể trình bày theo lối khác về ba điều mà ông khuyến cáo ta nên làm để xác định một niềm tin, như sau:

- a. Kiểm tra nguồn gốc của niềm tin ấy;
- b. Khảo sát tình huống áp dụng niềm tin ấy; và

c.Xét nghiệm rất ráo để xem niềm tin ấy có thực tiễn hay không.

Về vấn đề thiên mệnh

Khổng Tử chấp nhận ý tưởng về số phận, hoặc “mệnh”, mà ngài gọi là thiên mệnh. Ngài tin rằng ta nên thừa nhận cái không thể biến đổi, nhằm mục đích làm cho ta có khả năng hưởng năng lực một cách hiệu quả hơn vào cái có thể biến đổi. Trong ý nghĩa ấy, mệnh là kẻ hướng dẫn hành động.

Thế nhưng, dù vẫn chủ trương Nhân trị như Khổng Tử, Mặc Tử chống đối ý tưởng “thiên mệnh” đó. Ông cho rằng bất cứ niềm tin nào vào mệnh cũng khuyến khích người dân lười biếng vì họ cảm thấy bỏ công sức để cải thiện cái không thể tránh chỉ là nỗ lực vô ích. Cũng thế, Mặc Tử lập luận rằng nên dùng thưởng phạt để khích lệ đạo đức và cần làm cho người dân nhận thức rằng họ có nghĩa vụ và có khả năng cư xử đạo đức. Thêm nữa, trời và quỷ thần luôn luôn hiểu rõ, kiểm soát và thưởng phạt người theo hoặc không theo thuyết kiêm ái. Lối tiếp cận ấy của Mặc Tử tương phản với lối của Khổng Tử và về sau của Mạnh Tử, vốn cho rằng đạo đức tự thân nó đã là phần thưởng của chính nó

(còn tiếp).

(continued from page 50)

Cực-Lạc Thế Giới - a paradise of extreme joy.

Điều Trì Cung - The Heaven of the Creation under the Mother Goddess. It is a palace located beside The Precious Jewel Lake.

Khí – qi (c) , energy.

Ngọc Hư Cung - Heavenly Council of Eternal Law , The Court of God, The Council of God , Divine Jade Palace.

Tánh - nature , pakati (p).

Tăng - the sangha or religious community.

Tinh – jing (c) , material, essence.

(to be continued)

**NHÌN LẠI BI KỊCH CỦA CON NGƯỜI TRƯỚC TỘI ÁC
CỦA QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ VÀ NHỮNG QUAN
NIỆM SAI LẦM VỀ TÔN GIÁO VÀ CHÍNH TRỊ
(Bài số 2)**

**Nguyễn Anh Tuấn
(Political Scientist)**

**CHÚNG TA ĐÃ PHẠM TỘI.....
SÁM HỐI, THANH LỘC TÂM VÀ CANH TÂN**

Trong cuốn "When A Pope Asks Forgiveness", "The Mea Culpa's of John Paul" (1998) Alba House, NY, Đức Giáo Hoàng John Paul II đã muốn tìm kiếm lại những sự kiện lịch sử dưới ánh sáng của sự thật và nhận hoàn toàn trách nhiệm về những điều xấu và những điều tốt của Giáo hội La Mã. Sau đó ngài đã đưa ra 94 lỗi lầm trong quá khứ của GH và kêu gọi tất cả hãy tha thứ cho những lỗi lầm đó: từ những cuộc Thánh Chiến, sự chia rẽ trong GH đến những vấn đề đối với người Do Thái, và vụ xử Galileo; từ các cuộc chiến tranh tôn giáo giữa Công Giáo và Tin Lành (1618-1648) đến những cái chết kinh hoàng oan ức của các nhà cải cách tôn giáo (reformation) thuộc khối Tin Lành Cơ Đốc giáo như John Hus, John Calvin, Ulrich Zwingli, Martin Luther (1517) đến các Tòa Án Dị giáo (The Inquisition); và từ những vụ đàn áp dân Da Đỏ, Hồi giáo, sự kỳ thị chủng tộc đến lịch sử Giáo Hoàng.

Ngay từ khi có Công Đồng Vatican II, Giáo Hội Công giáo đã nói về "sự thú tội và lời kêu gọi được tha thứ", và Giáo Hội chấp nhận trách nhiệm trước lịch sử. Để nói về sự chia rẽ trong cộng đồng Kito giáo, John Paul II đã thẳng thắn nói:

"Chúng ta không yêu thương lẫn nhau. Bởi vì trong nhiều

thế kỷ chúng ta đã quay mặt và đã tấn công lẫn nhau. Tất cả các giáo hội Kitô giáo, trong đó có cả chính chúng tôi, tất cả đều đã phạm tội chống lại tình yêu, chống lại các lệnh truyền của đấng Cứu Thế... Tôi biết sự chia rẽ giữa những người Kitô giáo là một tội lỗi ... và tôi cũng biết rằng sự đoàn kết những người Kitô giáo là một hồng ân của Thiên Chúa" (trích trang 39).

Riêng với nhà cải cách tôn giáo là Martin Luther, Đức Giáo Hoàng John Paul II trong một cuộc gặp gỡ vào tháng 7-1970 với Lutheran Federation tại Roma, Ngài đã can đảm nói lên một câu nói lịch sử làm cho mọi người rúng động. Ngài cho rằng: "Luther đúng là một bậc thầy chung của tất cả chúng ta về sự lý giải chứng minh về tín lý." (Luther is our common Teacher on the Doctrine of justification) (p.199).

Sau 450 năm kể từ cái chết của Luther, ngày nay John Paul II đã nhận ra những lời kêu gọi Giáo Hội cải cách trong ý nghĩa khởi đầu là kêu gọi sám hối và canh tân giáo hội, bắt đầu từ đời sống của mỗi cá nhân. Nhưng Giáo Hội đã thất bại trong việc đáp ứng lại những lời kêu gọi đó. Nhưng ngày nay, Đức Giáo Hoàng John Paul II đã kêu gọi mọi người rằng:

"Chúng ta phạm tội, do đó tất cả chúng ta được mời gọi để sám hối và tất cả chúng ta cần thanh lọc tâm và thanh lọc tâm bởi thần khí và lửa của Thiên Chúa."

Đức Giáo Hoàng John Paul II luôn luôn băn khoăn lo lắng về sự chia rẽ giữa đàn con cái có chung một người Cha, có chung một đức tin, có chung một sự thờ lạy, và có chung một hy vọng về sự cứu rỗi. Đó là Do Thái giáo, Kitô giáo, và Hồi giáo. Với những người Do Thái thì ngài âu yếm gọi họ là "những người anh cả của chúng tôi". Với những người Hồi giáo thì ngài cũng chân thật gọi họ là "những người anh em của chúng tôi". Bức thông điệp chính của ngài gửi cho những người Hồi giáo là:

1 - Kitô giáo và Hồi giáo là những người anh em của nhau đều có chung một Thiên Chúa.

2 - Những người anh em đó phải nỗ lực để vượt lên trên quá khứ với những cuộc chiến tương tàn đã chia cắt chúng ta.

3 - Những người anh em ấy chỉ có thể làm được điều đó khi có sự tha thứ lẫn cho nhau (p.183).

TRA VẤN LẠI LƯƠNG TÂM & DUYỆT XÉT LẠI LỊCH SỬ

Từ 1517, làn sóng cải cách dâng tràn trên 8 quốc gia: Đức, Thụy Sĩ, Pháp, Anh, Hà Lan, Scotland, Norway, và Thụy Điển. Tất cả đều muốn thờ lạy Thiên Chúa trong thần khí và sự thật. Luther đã gắn lên cánh cửa nhà thờ Catle tại Wittemberg, nước Đức, 97 chủ đề cần xét lại. Trước đó John Wycliffe và John Hus đã kêu gọi Giáo Hội:

- 1 - Trở về với tinh thần của Giáo Hội Tiên Khởi.
- 2 - Sự xá tội đến từ Thiên Chúa, không đến từ Hội Thánh.
- 3 - Đòi được bình đẳng trong cộng đồng Kitô giáo.
- 4 - Tất cả giáo dân phải được quyền đọc Thánh Kinh.

Ba trung tâm cải cách lớn nhất Âu châu là Zurich, Wittemberg và Geneva.

Riêng Luther thì đòi hỏi ba điều chính đáng:

- 1 - Giới quý tộc Đức hãy kêu gọi Rome chấm dứt lạm quyền.
- 2 - Phải trả lại quyền tự do cho Kito hữu.
- 3 - Con người được cứu rỗi bởi Thiên Chúa, không bởi linh mục và giáo hội.

Tuy nhiên đối với Giáo Hội lúc đó, tất cả những kẻ cải cách là "lạc đạo" và họ sẽ bị đưa lên dàn hỏa thiêu sống. Vào thời Trung Cổ, nếu có ai bị coi là lạc đạo, trao cho chính quyền đem lên dàn hỏa. Đây là TÒA ÁN DỊ GIÁO ĐÃ ĐƯA ĐẾN BỊ KỊCH THẨM KHỐC CHO ÂU CHÂU VÀ GIÁO HỘI.

Ngày nay nhìn lại suốt chiều dài lịch sử 2000 năm của Giáo Hội, biết bao biến cố đã liên tục xảy ra. Sự thăng trầm của lịch sử GH cần được học hỏi thật kỹ lưỡng, khách quan, vô tư để thấy những cái xấu và cái tốt của Giáo Hội đúng như Đức Giáo Hoàng John Paul II đã chú tâm. Từ lâu tầng lớp trí thức Việt

Nam nói chung và giáo dân Công giáo nói riêng không có mấy ai chú tâm tới lịch sử 2000 năm của văn minh Tây phương nên không rút tỉa được những bài học ĐÚNG - SAI của một nền văn minh đã và đang tác động lên tất cả sinh mệnh của lịch sử nhân loại và lịch sử Việt Nam từ bao thế kỷ qua.

Quan trọng hơn cả là những quyết định của Giáo Hội La Mã mỗi khi xảy ra một biến cố nào đó. Thí dụ như khi các làn sóng chống đối Giáo Hội nổi lên và kêu gọi đổi thay, chuyển hóa hay cải cách từ đầu thế kỷ 14 và đầu thế kỷ 16 (1320 và 1517). Vào giai đoạn đó thay vì nhìn ra ngay những lỗi lầm của Giáo Hội, Giáo Hội đã đàn áp các nhà cải cách để bảo vệ nguyên trạng của giáo hội (status quo). Và tưởng là làm như thế thì hết chống đối, Giáo Hội có thể đàn áp những nhà cải cách nhưng Giáo Hội không ngăn chặn được dòng thời gian luân chuyển của qui luật TIỀN và HÓA. Tất cả đang thay đổi và sẽ tiếp tục thay đổi mãi mãi; bởi vì thay đổi là một qui luật bất biến. Vì thế trước qui luật đó con người chỉ có một lựa chọn duy nhất dành cho con người đó là: thích nghi và đáp ứng với hoàn cảnh đang đổi thay một cách khéo léo và uyển chuyển (adaptable, responsible and flexible) để chuyển mình lột xác mà vẫn giữ được sự thăng bằng và khả năng kiểm soát hoàn cảnh của mình.

Nếu Giáo Hội muốn bảo vệ nguyên trạng của Giáo Hội trước nhu cầu đổi thay thì Giáo Hội sẽ phải nhận lấy những hậu quả không sao lường được như thực tế của lịch sử đã chứng minh. Những cái chết kinh hoàng của John Hus, John Wycliffe, Zwingli hay Luther chỉ làm cho ngọn lửa cải cách lan tràn nhanh hơn và lúc ấy Giáo Hội không còn khả năng đàn áp nữa. Hình ảnh đổi thay nổi bật nhất đã diễn ra ngay trên quê hương của Luther. Nước Đức đã nhanh chóng ĐEM ĐẠO VÀO ĐỔI --- bằng cách đưa đức tin Kito giáo vào mọi khía cạnh của đời sống: chính trị, xã hội, văn hóa và kinh tế. Tại Đức, Kito hữu bình đẳng với tu sĩ; có quyền tìm hiểu lý đạo; mở lớp dạy Kinh Thánh khắp quốc gia; lập lên các hội đồng có cả giáo dân và tu sĩ (B.K. Kuiper, p. 156-159). Sự đổi thay này không dừng lại tại Đức mà lan rất nhanh chóng sang các quốc gia khác để khuấy động tâm tư và

gây nên một ý thức xã hội cho các tầng lớp trí thức tinh hoa của các quốc gia Âu châu vào những thế kỷ kế tiếp. Và cuối cùng trở thành những ngọn đuốc soi đường cho tư tưởng cách mạng xã hội khắp thế giới.

Âu châu nhìn lại Đêm Dài Trung Cổ (the Dark Age), kéo dài cả 1000 năm (476-1453), để thấy chính sự suy tàn của đế quốc La Mã vào năm 476 là do ánh sáng Phúc Âm đã soi tỏ cho con người thấy giá trị nhân bản cao quý của họ; và đế quốc La Mã đã tước đoạt và khai thác trục lợi một cách tàn nhẫn trên những giá trị đó của con người. Nhưng từ khi đế quốc La Mã sụp đổ, thì tinh thần Phúc Âm cũng bắt đầu suy vi tàn tạ vì Giáo Hội không còn là muối cho đời, và không còn là ánh sáng của thế gian nữa. Tinh thần tôn thờ ngẫu tượng (Idol) và bái vật (Idolized materialism) của Âu châu đã lấn lướt tinh thần Kitô giáo và đã thống trị cả ngàn năm (476-1453).

LÀN SÓNG PHỤC HƯNG TRƯỚC KHI THỜI HIỆN ĐẠI RA ĐỜI

Giấc mơ và khát vọng phục hưng (renaissance), thay vì tìm lại muối cho đời và tìm lại ánh sáng cho thế gian, thì lại chỉ đi truy lùng săn đuổi những giá trị khoa học và triết lý của Hy Lạp và La Mã; dù sao thì thời đại Phục Hưng cũng mở một cánh cửa lớn lao để Âu châu bước vào ngưỡng cửa của thời HIỆN ĐẠI (Modern Age) (1453-2008). Tất cả các tư tưởng gia, thi sĩ, triết gia, học giả, tiểu thuyết gia và các nhà khoa học thi nhau đem đến cho Âu châu những dòng tư tưởng, triết lý, văn chương và thi ca của thời Phục Hưng. Đây là những luồng ánh sáng dẫn đường và nó đã thành những động lực chính để đẩy tới cuộc cách mạng khoa học (scientific revolution) vào thế kỷ 16; và đến thế kỷ 18 thì khai sinh ra luôn cuộc cách mạng trí thức (intellectual revolution). Thời đại là thời đại mà những con người khai sinh ra nó đã tự đặt cho nó một cái tên rất ư là kiêu hãnh: Thời Đại của Ánh Sáng (the Enlightenment). Từ cuộc cách mạng trí thức đó, con người thấy xuất hiện những tư tưởng xã hội cấp

tiến để đưa ra các chủ nghĩa xã hội (socialism) để thổi vào Âu châu. Vì thế cách mạng Pháp (1789) mới bùng nổ.

Tất cả các nhà khoa học thiên tài đều tập trung trong xã hội vương giả (Royal Society) tại Anh. Và tất cả các triết gia, tư tưởng gia, thi sĩ, tiểu thuyết gia thiên tài đều tập trung trong nhóm Bách Khoa (encyclopedie) tại Paris để đi dốt không chỉ Âu châu, mà toàn thế nhân loại đi vào thời HIỆN ĐẠI HÓA (modernization).

Đặc tính của thời Hiện Đại là nhìn Kito giáo và GH La Mã là kẻ thù chính. Con người vào thời đại này tỏ ra tôn sùng khoa học một cách tuyệt đối và họ cho rằng: "Thượng Đế đã chết" (God was dead: Nietzsche). Và con người đã tự vinh danh mình để cho phép họ đứng vào chỗ đứng của Thượng Đế như những siêu nhân (superman), hay những vị thần. Những suy tư triết lý của thời đại này đã biến thành bom đạn nổ liên tục trên xác thân của đồng loại từ Đông qua Tây và từ Bắc xuống Nam bán cầu. Họ là những người cha đẻ ra các phong trào thực dân, các làn sóng cách mạng đầy bạo lực tàn bạo. Từ đó, Hitler ra đời để mơ ước thành siêu nhân trên nỗi chết kinh hoàng trầm thống của 6 triệu người Do Thái vào đệ II Thế Chiến. Cũng từ đó, Lenine, Staline, Mao Trạch Đông, Pol Pot hay Hồ Chí Minh ra đời để tàn hại 142 triệu con người vô tội trên 27 quốc gia và tròng xiềng xích nô lệ khắc nghiệt lên hơn 2 tỉ con người, trong đó có chúng ta, có những con người Việt Nam đau khổ mất mát trăm bề như hôm nay.

Ngày nay (2008) đọc lại những trang sử của 2000 năm Kito giáo mà nước mắt tuôn rơi. Chúa ơi! Chúa ở đâu? Giáo Hội ơi! Giáo Hội ở đâu? Tại sao trần gian này nhiều đau thương như thế? Tại sao lịch sử của văn minh nhân loại lại không có ánh sáng, mà chỉ có bóng tối âm u ghê rợn như thế này? Tại sao con người từ 3.500 năm nay đã ký giao ước với Thiên Chúa để đem luật giao ước ấy vào đời sống mà cộng đồng nhân loại ngày nay, phần đông vẫn phải sống với luật của rừng xanh? Tại sao Đấng Cứu Thế đã đến trần gian 2000 năm để đi dốt nhân loại ra khỏi bóng tối thế gian, mà thế gian vẫn không nhìn thấy ánh

sáng? Tại sao Đức Thế Tôn và các nhà hiền triết Đông phương cũng xiển dương và rao giảng đạo lý tối thượng từ hơn 2000 năm qua để giúp con người thoát vòng khổ lụy và tìm lại ánh sáng giác ngộ trong một thế giới tăm tối buồn bã này --- nhưng con người vẫn muôn đời mò mẫm trong vô minh và đau khổ.

Trong khi đó thì Thiên Chúa hay Thượng Đế ở khắp mọi nơi và ở trong tâm của mỗi con người. Thượng Đế là bản thể vô hình. Kitô giáo gọi là THÂN KHÍ. Các nhà Đạo Học Đông phương gọi là KHÍ HẠO NHIÊN TRONG TRỜI ĐẤT. Chân tâm của mỗi con người có chung một bản thể với trời đất; cái đó gọi là Thiên tính. Trong sách Trung Dung có nói: "Cái phần nguyên lý của Trời phú cho người gọi là TÍNH. Sống thuận TÍNH ấy gọi là ĐẠO. Tu thân sửa mình, hay thánh hóa tâm hồn cho hợp với đạo gọi là Giáo (Thiên mệnh chi vị tính, suất tính chi vị đạo, tu đạo chi vị giáo). Vì thế Đạo Học Đông phương mới cho biết "Ông Trời là tổ của loài người. Cha là Trời của con người, Trời là Cha của Cha. Không có trời mà sinh ra là việc chưa bao giờ có. Quan niệm Thiên -- Nhân tương thông, hay Thiên -- Nhân tương dữ, có nghĩa là người bảm thụ tính của Trời, thì cái Thiên đạo cũng là nhân đạo (Đồng Trọng Thư).

Riêng Lão Tử thì cho rằng: "Người cũng lớn như Trời, vì Trời với người chỉ là một, đều do Đạo sinh ra cả ... trong vũ trụ có bốn cái lớn: đại đạo, đại Thiên, đại địa, đại nhân; mà người người bắt chước đất, đất bắt chước Trời, Trời bắt chước Đạo, Đạo thì tự nhiên nhi nhiên" (trang 19).

NHỮNG DÒNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẠO HỌC ĐÔNG PHƯƠNG VÀ THỰC TẾ LỊCH SỬ 2000 NĂM

Ngày nay, nhìn lại các dòng Đạo Học Đông phương từ đời nhà Chu, có Đạo Nho của Khổng Tử (551-479), Lão Tử (430-340), đến đời Hán (200-168), đời Ngụy (223-), đời Tấn (225), đời Lương (448 AD), đời Đường (723 AD), đời Tống (989 AD), đời Minh (1311), và đời Thanh (1604) gồm có Khổng Tử, Lão Tử, Mạnh Tử, Trang Tử, Mặc Tử, Đồng Trọng Thư, Dương Hùng,

Vương Sung, Chu Đôn Hi, Thiệu Ung, Trương Tái, Chu Hi, Vương Thủ Nhân, hay Vương Dương Minh. Tất cả đều bàn đến THIÊN ĐẠO và NHÂN ĐẠO, chứ không ai đề cao Đạo Lão hay Đạo Khổng.

Từ bao ngàn năm qua, con người chỉ nói đến Đạo Lão, Đạo Khổng -- Mạnh, hay Mặc giáo, nhưng phần đông đã không mấy chú tâm tới THIÊN ĐẠO và NHÂN ĐẠO mà tất cả các nhà hiền triết đã bỏ bao tâm huyết để giảng giải và đem đến cho tất cả các dân tộc Đông phương từ hơn 2000 năm qua. Thiên Đạo chính là vũ trụ đạo (cosmic religion). Trong khi đó, chính Phu Tử đã bao lần nói rằng: Ông chỉ là thứ sùng thượng Thiên Đạo cổ xưa mà thuật lại thôi (thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ). Phần đông con người tự nhận mình theo Đạo Khổng Mạnh, hay Đạo Lão; mà không mấy ai để ý đến Thiên Đạo và Nhân Đạo của con người. Nho quan thì phần đông cũng chỉ tầm chương trích cú nên Thiên Đạo đã bị quên lãng. Tất cả các dòng Đạo Học Đông phương luôn luôn nhắc nhở: "Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong." Con người sống thuận theo Thiên Lý thì sống mà nghịch lại với Thiên Lý thì có sống cũng như chết.

Trang Tử xưa có nói: "Đã bỏ được sống ra ngoài, sau mới được sáng suốt, sáng suốt rồi mới thấy được đạo lý thuần nhất. Vũ trụ căn bản chỉ là một. Thấy vũ trụ căn bản rồi mới vượt được cổ kim; vượt được cổ kim thì vào được cõi Thiên thu bất tử."

Lão Tử thì cho rằng, người, Trời, đất, và đạo đều là lớn cả mà ĐẠO LÀ TỰ NHIÊN, là vĩnh cửu trường tồn, còn con người mà giữ được Thiên tính, thì có chết là chết cái xác thân giả tạm, còn lại thì sẽ đi vào chốn vĩnh hằng.

Trang Tử coi sinh tử chỉ là một; đó chỉ là một hình thức biến hóa (Nguyễn Hiến Lê, trang 63-65) của con người trong vũ trụ thiên nhiên. Trong chương Li Lân, Mạnh Tử cho rằng con người có chỗ thiện, có chỗ bất thiện. Chất bất thiện là chỗ đáng khinh; còn chỗ thiện mới là phần cao cả. Đừng quẩn quít với phần ti tiện để mất đi phần cao quý. Nuôi dưỡng cái phần ti tiện thì thành tiểu nhân; nuôi dưỡng phần cao quý thì người đại nhân

đáng kính. Ông cho con người có TỬ ĐOAN, đó là nhân - nghĩa - lễ - trí; nhờ đó con người khác cầm thú. Con người khác cầm thú ở chỗ LƯƠNG TÂM; từ đó mới sinh ra các điều thiện. Biết nuôi dưỡng cái lương tâm thì thành đại nhân khả kính, không biết nuôi dưỡng lương tâm để nó suy vi tàn tạ thì dễ thành cầm thú. Lương tâm cũng như mầm non, mà những hành động bất nhân tựa như búa rìu. Ngày nào cũng làm điều bất nhân ác đức thì mầm non cao quý ấy phải tàn lụi đi. Lúc đó con người sống không khác nào cầm thú đâu (Công Tôn Sửu, trang 75).

Bên cạnh các nhà hiền triết Trung Hoa, Phật giáo là một kho tàng đạo học vĩ đại của Đông phương. Mục tiêu tối hậu của Phật giáo là giúp con người đừng mê lầm về cái tiểu ngã mà hãy tỉnh thức để tìm lấy cái lý nhất quán, tức là cái đại ngã tâm linh của mỗi người. Vì thế Như Lai thường nói: "Các thầy hãy lấy đại ngã làm đuốc soi đường, lấy đại ngã làm nơi nương tựa, lấy giáo luật làm đuốc soi đường, làm nơi nương tựa, chứ đừng trông cậy vào ai cả. (Bs. Nguyễn Văn Thọ, 21).

Đại ngã là cái ngã ĐẠI ĐỒNG, đó là vũ trụ thiên nhiên đã sinh ra muôn loài. Bốn phận của con người là tìm lấy ánh sáng vĩnh cửu trong tâm của mình. Muốn thế con người phải tìm về với BÁT CHÁNH ĐẠO gồm có chính kiến, chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp, chính mệnh, chính tinh tiến, và chính định.

Muốn đi vào con đường giải thoát để tìm thấy cảnh giới niết bàn thì phải đi vào Giới - Định - Tuệ.

GIỚI: giữ luật vĩnh cửu thiên nhiên và siêu nhiên.

ĐỊNH: Tập trung tinh thần.

TUỆ: Tuệ giác là tìm được ánh sáng bừng dậy trong trí tuệ.

Đây là con đường giúp con người minh tâm kiến tánh để tìm về với thiện tâm, với chân tâm, với công tâm, hay với bồ tát tâm đang ngủ thiêm thiếp trong mỗi con người.

Thân thị bồ đề thụ
Tâm như minh kiến đài
Thời thời thường phát thức
Vật sử nhạ trần ai.

Như lục Tổ Huệ Năng đã nói:

Thân là cây bồ đề

Tâm như đài gương sáng

Thương ngày chau chuốt

Chớ cho dính trần ai.

(Dịch, Bs. Nguyễn Văn Thọ)

Trong lúc đó, theo Bs. Nguyễn Văn Thọ, kinh Hoa Nghiêm dạy con người sống hết sức tốt đẹp:

Có tâm từ muốn che chở chúng sinh.

Có tâm từ muốn làm ích chúng sinh.

Lòng rộng mở yêu thương và khoan dung.

Lòng vô ngại, không làm trở ngại ai.

Lòng bao la tràn ngập vũ trụ.

Lòng vô biên rộng rãi tựa không gian.

Lòng thanh tịnh có công phu ba kiếp.

Tất cả các nhà hiền triết Đông phương và Đức Phật đã đưa ra bao kinh điển và giáo luật để giúp con người đừng để ngoại vật làm loạn ngũ quan và đừng để ngũ quan làm loạn tâm mình --- bởi vì con người thường chạy theo sắc tướng phù phiếm bên ngoài, thường nhận tiểu ngã ty tiện xấu xa, mù lòa tăm tối là mình mà quên đi cái khuôn mặt đẹp tuyệt vời thiên thu vĩnh cửu của chính mình (spiritual being).

Đó là tất cả ý nghĩa trọn vẹn của lời cảnh tỉnh của Thiên Chúa về cái nguy hại tôn thờ ngẫu tượng và bái vật của con người trong Cựu Ước và Tân Ước.

Vì thế có lần Hi Thiên đã nói: "Thân ta tuy nhỏ bé, nhưng nếu ta phát hiện được Pháp thân ta, được Chân Tâm ta, được Phật tính, thì Pháp thân sẽ bao trùm cả vũ trụ.

Thiền sư Đơn Hà, cũng theo Bs. Nguyễn Văn Thọ, trong một đêm đông đã chẻ tượng Phật, đem đốt đi để sưởi.

Đêm đông chùa cổ ngủ nhờ đêm

Gió thổi, tuyết rơi, lạnh khắp miền
Nay thấy tượng kia, không ích lợi
Chi bằng bỏ đốt, sưởi ấm thêm.
(Thiền luận, trang 485)

Tinh thần căn bản của Phật giáo là PHÁ CHẤP triệt để tất cả mọi hình thức của ngẫu tượng, tất cả hình thức của ngoại vật vô thường, của sắc tướng giả tạm để đạt đến cảnh giới thanh tịnh. Từ vọng tâm đưa về chân tâm. Vì thế ngũ tổ Hoàng Nhãn mới dạy rằng:

Mới hay bản tính vốn thanh tịnh
Mới hay bản tính vốn trường tồn
Mới hay bản tính vốn viên mãn
Mới hay bản tính vốn tĩnh lặng
Mới hay tự tính sinh muôn vật.

Trong lúc ấy kinh Upanishad có ghi:

Từ ảo ảnh xin đưa tôi về thực tại
Từ tối tăm xin đưa tôi về ánh sáng
Từ tử vong đưa tôi về bất tử.

Đức Phật thường dặn dò con người rằng: tất cả những gì ta nói chỉ là NGÓN TAY CHỈ TRẮNG, tay ta không phải mặt trăng. Tinh thần thiền tông và Zen của Phật giáo cũng dặn dò, tất cả chỉ là cái bè đưa người từ bến mê sang bờ giác ngộ; sang rồi thì bỏ bè lại, vác bè trên lưng để làm gì? Đó là tất cả tinh thần phá chấp của Phật giáo. Dù Đức Phật không nói đến Thiên Đạo, nhưng không phải thế mà không có Thiên đạo. Con người đừng quên rằng Đức Phật từng nói với đệ tử: Tất cả những gì Ta có thể nói với con chỉ như lá trong lòng bàn tay, và những gì Ta không thể nói lại nhiều như lá trên rừng.

Vì thế, xưa Dương Hùng đời Hán có than thở:

"Thánh nhân ở đời, tui rằng mình không hiểu rõ được lẽ của

vạn vật, còn tiểu nhân thì mong được sống để hưởng lạc. Ôi! Nói là sống, chỉ để sống. Tuy gọi là sống, nhưng thực sự là chết." (pháp ngôn, Quân Tử).

Tất cả các nho gia đều cho rằng, thiên - địa - nhân vạn vật đồng nhất thể. Con người phải theo đúng qui luật thiên để hòa đồng cùng vũ trụ. Trung là cái gốc của vạn vật, hòa là cái diệu dụng của Đạo. Trung hòa hay công chính là luật thiên nhiên đem đến trật tự quân bình trong vũ trụ. Luật thiên nhiên chi phối cả vũ trụ, từ trời đất vạn vật đến con người. Đạo gia xét về chữ tình chú trọng vào lúc nó chưa phát sinh, nếu phát ra rồi thì phải trở lại trạng thái cũ, còn Nho gia thì cho nó phát ra nhưng phải giữ cho nó điều hòa đúng tiết.

Để tình phát ra cho hợp với Đạo lý, Đạo Học khuyên con người phải "CHÍNH TÂM" là vì thế "lòng chứa chấp nhiều giận hờn thì mất thăng bằng; có điều lo sợ thì lòng bất an; có điều ham muốn, mừng vui quá độ thì lòng nổi sóng. Tâm đã đầy bão tố thì thành "VÔ MINH"; mắt nhìn mà chẳng thấy gì; tai nghe mà chẳng hiểu gì; ăn cũng chẳng ngon, ngủ cũng chẳng yên. Vì vậy con người mới cần TU DƯỠNG để điều hòa thất tình, làm sao cố giữ cho được CHÍNH TÂM.

Đổng Trọng Thư cho rằng: "Hỉ, nộ ngừng ở chỗ trung; ái cụ trở về chỗ chính. Lễ trung hòa giữ được trong tâm thì đạt được sự ứng hợp với Trời đất (Xuân Thu Phần Lộ). Bàn thêm về CHÍNH TÂM, Trình Minh Đạo cho rằng con người không thể vô tình được, việc đáng mừng thì mừng, đáng giận thì giận. Mừng và giận là do vật, chứ không do lòng mình. Ông cho rằng: "Cái lễ thường của Thiên Đạo là lấy cái tâm để bao trùm lên vạn vật mà vẫn vô tâm; đối với lễ của lý đạo thánh nhân lấy tình mà ứng với vạn vật mà vẫn vô tình. Cho nên cái học của người quân tử không gì bằng giữ cho tâm được rộng rãi bao dung mà vẫn công bình, vật tới thì thích nghi ứng thuận... cái gì đáng giận thì giận, cái gì đáng mừng thì mừng, nhưng vẫn giữ được chính tâm. Như vậy vẫn hòa đồng thích ứng với vạn vật. Cái tình của con người dễ phát ra mà con người lại quá yếu đuối nên khó kiểm soát, tiết chế và điều hòa được nên rơi vào hỗn loạn,

không còn khả năng để phân biệt phải trái (Nguyễn Hiến Lê, "Triết Học Trung Quốc", trang 119).

Còn Chu Hi thì viết rằng: "có hình hài đó thì có cái tâm đó; mà tâm sở đắc ở Thiên lý, tức là tính, tính ấy cảm ứng với vạn vật thì sinh tình. TÂM - LÝ - TÍNH, ba thứ đó là người ai chẳng có. Nhưng người quân tử thì khí thanh mà tâm vẫn chính, nên cái Thiên tính vẫn trọn vẹn tràn đầy mà vẫn không loạn. Người học đạo nên tồn tâm dưỡng tính và tiết tình để sống với thiên nhiên.

Còn Vương Thủ Nhân thì đưa ra nhận định: "thất tình mà ứng với thiên nhiên thì đó là cái dụng của lương tri. Thất tình mà hiện lên với tư ý là tà dục sẽ làm cho lương tri bị che khuất mặt mờ. Nhờ lương tri mới có tự giác, nếu biết tự giác thì lương tri trong sáng, cái sáng là bản thể tính của lương tri."

SỰ KHÁC BIỆT GIỮA NỘI KHỞI TÂM TRUYỀN VÀ NGOẠI TÁC CÔNG TRUYỀN

Tại Việt Nam, người ta nói về Lão - Phật - Khổng là nói về TAM GIÁO ĐỒNG NGUYÊN. Nếu nói THIÊN LÝ TẠI NHÂN TÂM và VŨ TRỤ CHI TÂM thì đó chính là điểm đồng nguyên của Tam Giáo. Tất cả các nhà hiền triết Đông phương đều chú tâm tới Thiên đạo trong trời đất và cái thiên lý trong tâm con người. Nếu Đạo Gia và Đạo Phật thường chú trọng tới CỨU CÁNH TỐI HẬU của kiếp người; thì cùng lúc ấy các Nho Gia lại dồn mọi nỗ lực để giúp cho các xã hội Đông phương xây dựng CỨU CÁNH TẠM THỜI trong cuộc đời trần thế của con người. Nhưng sau hơn 2000 năm qua đi, các xã hội Đông phương vẫn ngập lặn trong bóng tối vô minh và đau khổ. Con người thờ lạy Lão - Phật - Khổng khắp nơi nhưng phần đông vẫn sống xa lạ với Thiên đạo và Thiên lý tại nhân tâm con người. Vì thế phần đông con người vẫn nhắc đến Đạo Lão, Đạo Phật và Đạo Khổng, nhưng Phu Tử thì vẫn nói: "Ta chỉ là thuật nhi bất tác," còn Như Lai thì nói: "Ta chỉ là ngón tay chỉ trăng, tay Ta không phải mặt trăng. Đền chùa, Thánh Thất cần có cho

những con người sơ cơ, nhưng tự giam hãm vào ngẫu tượng và đạo lý chỉ còn là NGOẠI TÁC CÔNG TRUYỀN mà đã mất đi hẳn phần NỘI KHỞI TÂM TRUYỀN.

Sau chót, CỨU CÁNH TAM THỜI trong cuộc đời trần thế qua bao ngàn năm vẫn chưa xây xong cho các xã hội Đông phương; thì CỨU CÁNH VĨNH CỬU làm sao thành đạt? Khi con người vẫn sống xa lạ với Thiên lý tại nhân tâm và xa lạ với Thiên Đạo thì mối tương quan liên hệ mật thiết giữa Thiên Đạo và con người đã hoàn toàn sụp đổ. Xã hội con người đã sống nghịch lại với trật tự thiên nhiên trong trời đất.

Đó là tất cả những khó khăn mà các dòng đạo lý của Tam Giáo đã phải trải qua bao thăng trầm thử thách trong suốt dòng lịch sử bao ngàn năm. NHÂN ĐẠO CÓ TỬ ĐOAN, tức nhân - nghĩa - lý - trí. Sau này tứ đoan vào thời nhà Tống thì thành NGŨ THƯỜNG hay CƯƠNG THƯỜNG; tức Nhân - Nghĩa - Lễ - Trí - Tín. Đây là nền móng căn bản cho các mối tương quan (relationship) giữa người và người; và người ta gọi đó là NGŨ LUÂN: phu - thê, phụ - tử, quân - thần, huynh - đệ, bằng hữu.

Muốn xây dựng và hoàn thành NHÂN ĐẠO thì phải thuận thiên, tức phải theo Thiên Đạo của trời đất thiên nhiên mà sống. Trời đất có âm có dương, có ngũ hành là kim - mộc - thủy - hỏa - thổ. Chu Đôn Di đời Tống nhận thấy: "Nhị khí âm dương, tuy tương xung, tương khắc, nhưng lại tương hòa, tương hợp để tương sinh nên từ đó vạn vật hóa sinh, từ đó vạn vật lại sinh sinh hóa hóa đến vô cùng; trong đó con người bẩm thụ khí tốt nhất nên linh thiêng hơn cả." Đái Đông Nguyên đời Thanh thì cho rằng con người quý hơn vạn vật là ở chỗ có TÂM (nhân chi thần minh xuất ư tâm). Có tâm, có trí, có tài nên có thể khai thác, sai bảo được vạn vật. Bậc quân tử làm cho cái đức của mình được sáng láng, cho nên trị được thiên hạ (Nguyên Thiệu).

Khổng Tử cũng như Đức Thế Tôn, không bàn đến trời nhưng cũng nhận trời là đáng chủ thể của vũ trụ, xếp đặt mọi việc, và trong trời đất có luật thiên nhiên (natural law and divine law) mà con người thuận theo đó mà sống. Vì thế Dương Hùng mới chỉ cho thấy: trời đất xoay vần biến đổi, nhưng không bao giờ ra

khỏi lẽ huyền vi được. Đây là cái bản thể của vũ trụ; trong trời đất, nó là cái lý vô hình (Kito giáo gọi là Thần Khí, không thấy được trong con người nó là cái Tâm) (Thái Huyền). Trình Minh Đạo và Trình Y Xuyên thì còn thêm rằng: "Trời và người gốc không phải là hai, bất nhất phải nói thiên nhân hợp nhất. Tâm của ta chính là trời đấy. Phát huy được cùng cực cái tâm của ta thì biết được tính, biết được tính là biết được trời (Ngữ Lục).

Còn Y Xuyên thì làm sáng tỏ thêm Thiên Đạo và Nhân đạo khi ông nói: "Đạo vốn không có sự phân biệt trời và người. Ở trời thì gọi là Thiên Đạo, ở đất thì gọi là Địa Đạo và ở người thì gọi là Nhân Đạo. Đạo với tính là một, cái gốc của tính gọi là mệnh, cái tự nhiên của tính gọi là trời, cái phần có hình của tính gọi là tâm, cái phát động của tính là tình. Tất cả đều là một; thánh nhân tùy việc mà đặt tên." Ngoài ra, Vương Thuyền Sơn đời Thanh còn nói thêm: "Ở trời có âm và dương và ngũ hành, ở người có ngũ quan."

Đứng trước trời đất thiên nhiên luôn luôn luân chuyển, và đứng trước sự sinh sinh hóa hóa của vạn vật, các nhà hiền triết thường cảnh cáo con người: đừng để ngoại vật làm loạn ngũ quan. Đừng để ngũ quan làm loạn tâm mình. Phật giáo nhìn trời đất thiên nhiên là thế giới vô thường, nên cũng khuyên con người đừng để thế giới của sắc tướng phù phiếm làm cho loạn động cái tâm trí của mình.

Ngày nay nhìn lại suốt hơn 2000 năm lịch sử Đông phương, kể từ đời nhà Chu đến đời nhà Thanh, không có thời đại nào mà không có những nhà hiền triết xuất hiện để bàn về Thiên Đạo và Nhân Đạo, nhưng con người chỉ nói đến Đạo Lão, Đạo Phật và Đạo Khổng; rất ít người đi theo Thiên Đạo và Nhân Đạo. Các triều đại quân chủ thì họa hoằn lắm mới có được một vị minh quân; còn phần đông đều là thứ u vương ám chúa và thứ nho quan tham ô quan lại thì đầy dẫy. Họ chà đạp lên ngũ thường hay cương thường và vứt bỏ cả ngũ luân là hai nền tảng căn bản của Thiên Đạo và Nhân Đạo của các dân tộc Đông phương để chạy theo cường quyền và bạo lực của chính trị bá đạo để dẫn đến như Toynbee đã nói: sự suy đồi hư hỏng thê thảm của lịch

sử con người.

ĐÔNG PHƯƠNG -- QUÊ HƯƠNG TINH THẦN CỦA TẤT CẢ NHÂN LOẠI

Ngày nay (4-2008), duyệt xét lại lịch sử 2000 năm của Đông phương và Tây phương để thấy tất cả cái THÀNH và cái BẠI của hai nền văn minh ấy. Từ đấy tất cả những kinh nghiệm lịch sử lớn lao và sâu dày đó sẽ giúp cho con người thật nhiều bài học vô giá. Con người muốn giúp cho thế giới xây lại trật tự mới của thế giới và xây dựng hòa bình thì phải tạo ra các cuộc đối thoại thành thật và cởi mở giữa Đông và Tây.

Thực ra Đông phương đúng là QUÊ HƯƠNG NGÀN ĐỜI của tất cả các dòng đạo lý và là QUÊ HƯƠNG TINH THẦN của tất cả nhân loại: Cựu Ước, Tân Ước của Do Thái giáo và Kito giáo, Koran của Hồi giáo, Vedas và Unipahishad của Ấn Độ giáo, của Phật giáo, hay các dòng Đạo Học tại Trung Hoa. Tất cả đều là xuất phát từ nguồn gốc Đông phương. Dù Do Thái giáo, Kito giáo và Hồi giáo phát triển rất mạnh từ 2000 năm qua tại Tây phương, nơi tinh thần duy lý và khoa học rất mạnh. Văn minh Tây phương đặt trên ba cột trụ chính là THẦN HỌC, TRIẾT HỌC và KHOA HỌC-- nhưng gốc của Kito giáo vẫn là Đông phương.

Ngược lại, Đông phương thì lại rất yếu kém về LÝ TRÍ và KHOA HỌC, nên các dòng đạo lý thật vi diệu mà không biết cách ĐEM ĐẠO VÀO ĐỜI nên thường chậm tiến, lạc hậu và nghèo khổ. Trong lúc Tây phương tiến bộ vượt bậc về khoa học và triết học. Tuy nhiên vì không biết dung hòa giữa giá trị thần học với lý trí và khoa học, nên những tiến bộ cũng tạo ra biết bao thảm họa. Chủ nghĩa nhân bản phàm tục (secular humanism), chủ nghĩa cá nhân vị kỷ (selfish individualism), cộng với tinh thần tôn thờ ngẫu tượng, sùng bái vật chất (materialism) đã tạo cho Tây phương một nền văn minh bá vật (Idolatrous civilization) mà ngày nay nhiều người chưa kịp nhận ra.

Đến đây chúng ta đã nhận ra được đâu là ưu và khuyết điểm của văn minh Đông phương và Tây phương. Cả hai nền văn minh đều rơi vào tình trạng quá độ mất thăng bằng (imbalance); ở đó một bên thì quá chú trọng vào tình thần để rơi vào lạc hậu và nghèo khổ, và một bên thì sống quá giàu sang tiến bộ về vật chất, nên không mấy ai chú tâm tới sự sa đọa, yếu đuối và bại vong về đời sống tinh thần (spiritual corruption). Nói Đông phương chú trọng về tinh thần, nhưng tình trạng lạc đạo (heresy) đã bắt đầu từ khi Tần Thủy Hoàng đốt sách chôn học trò, nên ánh sáng vi diệu của Thiên Đạo và Nhân Đạo cũng tàn tạ lu mờ như ngọn đèn leo lét trong đêm tối.

Tây phương giải quyết được CỨU CÁNH TẠM THỜI trong cuộc đời trần thế, nhưng lại bị nền văn minh ngẫu tượng và sùng thượng bái vật vây hãm nên CỨU CÁNH VĨNH CỬU sẽ khó mà giải quyết được cho con người.

Còn Đông phương thì ngoài sự lạc đạo về sự hướng dẫn sai lầm của các vương quyền đã lợi dụng và khai thác trục lợi từ các dòng Đạo Học, con người trong các xã hội Đông phương đã bị xô đẩy vào cảnh sống bần cùng triền miên nên CỨU CÁNH TẠM THỜI đã không giải quyết được mà CỨU CÁNH VĨNH CỬU thì quá xa vời trước thực tế quá tăm tối về phương diện vật chất.

Để giải quyết thỏa đáng cho cả hai Cứu Cánh Tạm Thời trong cuộc đời trần thế ngăn ngừa của kiếp người, và Cứu Cánh Vĩnh Cửu cho hạnh phúc muôn đời của con người, con người phải có khả năng nhìn xuyên suốt nguồn gốc của lịch sử con người và định mệnh của con người nằm ở chỗ nào?

Đứng từ góc độ tinh thần của các dòng ĐẠO LÝ ĐÔNG PHƯƠNG mà xét thì lịch sử của con người xuất phát từ các nền văn minh tinh thần của nhân loại (spiritual civilization). Phu Tử cho rằng, "Chân lý toàn thiện, con người cố gắng sống và hành xử theo thiên lý." Bởi vì Trời là chủ thể vũ trụ, có cái ý chí rất mạnh để khiến cho lẽ biến hóa trong thế gian hợp với lẽ điều hòa. Con người không nên làm trái ý trời!

Còn muốn đi tìm cái định mệnh của con người (destiny) nằm ở

chỗ nào thì phải nhìn vào Thiên mệnh. Thiên mệnh có ba nghĩa như sau:

1 - Lễ vô hình, linh diệu của trời đất; có khi hiểu được, có khi không hiểu được. Mệnh gần như luật tự nhiên của trời đất (divine law) mà con người phải biết.

2 - Cứ việc làm theo luật tự nhiên.

3 - Định mệnh con người đã được tiền định.

Xưa Phu Tử có lần buồn bã vì đạo của ông không được người đời theo, nhưng ông không trách trời, không oán người, cứ thản nhiên sống mà đợi mệnh (Thượng bất oán Thiên, hạ bất vuu nhân, cư dị dĩ sĩ mệnh).

Riêng Mặc Tử thì cho rằng, trời luôn luôn thương yêu người hiền lương, phạt kẻ ác độc, như vậy họa phúc của con người đều là kết quả của hành vi, không phải theo số mệnh. Ông cho rằng: "Ngày xưa vua Kiệt làm nước loạn, vua Thang làm cho nước thịnh trị. Vua Trụ làm cho nước loạn, vua Vũ lại làm cho nước thành an bình thanh lạc. Ở vào những thời đại đó, trời không biến đổi mà người dân cũng không thay đổi. Người trên thay đổi chính sự thì dân cũng thay đổi thói tục. Ở thời Kiệt - Trụ thì thiên hạ loạn; ở thời Thang - Vũ thì thiên hạ thái bình an lạc và hạnh phúc. Như vậy thiên trị là nhờ công đức và chính sự tốt đẹp của Thang - Vũ, thiên hạ loạn là tội của Kiệt - Trụ bất chính. Lấy đó mà xét thì việc yên nguy, trị loạn liên quan đến CHÍNH SỰ CHÂN CHÍNH hay BẤT CHÍNH của người trên mà thôi.

Muốn có CHÍNH SỰ thì phải có ĐẠO LÝ CHÍNH TRỊ, muốn có đạo lý chính trị thì phải tuân thủ triệt để Thiên luật (Divine Law) để lấy thiên luật làm mực thước cho thiên hạ. Khi "quân thần, thượng hạ, quý tiện giai tòng pháp", tức là đều theo THIÊN LUẬT; chứ không phải luật của Thương Ưởng và Hàn Phi Tử của đời nhà Tần -- thì thiên hạ phải thái bình. Vì thế thiên luật chính là mệnh trời. Các nho gia cho rằng: "Thiên mệnh chi vị tính, suất tính chi vị đạo, tu đạo chi vị giáo." Vì thế tôn giáo là giáo hóa con người để con người sống hợp với đạo lý. Đó là chỗ khác nhau giữa đạo lý và tôn giáo.

Cho đến ngày hôm nay ở thế giới Tây phương đã có bao nhiêu người nhận ra sự khác biệt giữa TÔN GIÁO và ĐẠO LÝ? Tôn giáo được lập ra, được tổ chức để thành các cơ cấu để GIÁO HÓA con người. Đó là chức năng của tôn giáo (religious function), Còn ĐẠO LÝ (The Way of God) là THIÊN LÝ hay THIÊN LUẬT của trời đất.

Vì thế, mục tiêu tối hậu của lịch sử là nối lại với tương quan mật thiết giữa con người và đấng TẠO HÓA, THIÊN CHÚA, hay THƯỢNG ĐẾ, là CHA CHUNG của TẤT CẢ NHÂN LOẠI. Mối tương quan được nối lại; bởi vì mối tương quan này đã bị đứt lìa, gãy đổ kể từ khi con người ăn trái cấm để bị xua đuổi vào thế giới nhị nguyên đối đãi để con người phân chia tan tác thành những thứ "thù địch". Đồng qui như thu đồ chỉ có nghĩa là qui nguyên nguồn cội muôn thừa của con người --- tức là Thiên lý của đấng Tạo Hóa.

Trình Minh Đạo rất sùng bái Thiên lý, ông cho rằng "lòng người ta không ai là không biết lẽ phải, nhưng bị nhân dục, nên mới quên mất Thiên lý." Vì thế con người mới cần tôn giáo để đem lại cái Thiên lý ấy cho con người. Về với đạo là về với Thiên lý. Thiên lý chỉ có MỘT; cũng như trong trời đất chỉ có một vũ trụ thiên do một Đấng TẠO HÓA cai quản. Con người có nhiều tôn giáo, tức có nhiều đường lối giáo hóa khác nhau; nhưng ĐẠO LÝ và THIÊN LÝ thì chỉ có MỘT. Thiên lý đó có sẵn trong tâm của tất cả con người và tất cả nhân loại (Thiên lý tại nhân tâm); dù đó là tâm của người Do Thái giáo hay Kito giáo; của Hồi giáo hay Ấn Độ giáo; ở Cao Đài giáo hay Hòa Hảo thì đều có trong tâm cái Thiên lý ấy. Tất cả các tôn giáo đã chia rẽ nhau, kình chống nhau và tàn hại lẫn nhau vì không nhìn thấy cái Thiên lý chung đó. Càng chia rẽ càng kình chống và tàn hại lẫn nhau thì càng làm cho cái Thiên lý lu mờ dần. ĐÓ LÀ NGUYÊN NHÂN CHÍNH ĐÃ TẠO RA TẤT CẢ BI KỊCH NHÂN SINH HẢI HÙNG CHO KIẾP NGƯỜI TRẦN THẾ TRONG LỊCH SỬ.

VĂN MINH TÔN THỜ NGẪU TƯỢNG VÀ BÁI VẬT VÀ CHỦ NGHĨA NHÂN BẢN KHÔNG LƯƠNG TÂM DƯỚI MẮT ĐẠO HỌC ĐÔNG PHƯƠNG

Tất cả những hậu quả lớn lao và những nguy hiểm đã đến với đời sống con người và tiếp tục đến với con người đều do chính con người tạo ra. Chủ nghĩa nhân bản phàm tục của thời Phục Hưng đã làm cho con người quay mặt với Thiên lý, Đạo lý và Chân lý để tự đề cao con người. Con người trở nên kiêu hãnh và tự mãn quá đáng. Chủ nghĩa cá nhân thì biến con người trở nên vị kỷ, vị ngã, vị danh và vị lợi mà quên đi trách nhiệm với Thiên luật của trời đất và vô trách nhiệm với đồng loại anh em. Chủ nghĩa duy vật thì thù hằn với tôn giáo và Thượng Đế để tự rước lấy sự vong thân, vong tính và tha hóa (alienation) đến cùng độ. Cách mạng của bọn duy vật vô thần thì biến xã hội con người thành cầm thú giữa người và người.

Tất cả những quan niệm ấu trĩ và sai lạc về giá trị nhân bản đã tạo cho Tây phương một nền văn minh chỉ biết tôn thờ ngẫu tượng và sùng bái vật chất. Phạm vi tác động, ảnh hưởng và tác hại của nền văn minh ngẫu tượng này không dừng ở biên độ Âu châu mà lan tràn khắp thế giới. Làn sóng văn minh này đi tới đâu là gây ảnh hưởng mạnh mẽ đến đó -- bởi vì nó đã đánh đúng, đánh mạnh và chính xác vào bản chất yếu đuối và dễ lầm lạc của con người khắp nơi trên mặt đất. Kiêu căng, tự mãn, vị kỷ, vị ngã, vị danh, vị lợi, hận thù với đạo lý và tôn giáo đã làm cho Thiên lý trong tâm con người lịm tắt. Đời sống con người được nhắc đến khi thảo luận về việc phát triển mọi khía cạnh của đời sống, nhưng không thấy ai nhắc đến làm thế nào để giúp con người phát triển đời sống tâm linh và tinh thần để tạo sự thăng bằng cần thiết đối với việc phát triển đời sống vật chất. Phần đông con người trên khắp mặt đất chóa mắt vì sự thành tựu văn minh vật chất của Tây phương nên đã kêu gọi quốc gia của họ rằng, đi vào hiện đại hóa và phát triển thì phải Tây phương hóa (westernization) toàn diện và triệt để. Vì thế toàn bộ nền văn minh tinh thần của cả Đông phương và Tây phương

đã bị lu mờ dần cho đến ngày hôm nay.

Từ bao ngàn năm trước, trong kho tàng minh triết của Cựu Ước có cảnh cáo rằng, "vì làm nên những tượng hình đó là bước khởi đầu làm cho tinh thần thành đốn mạt, và sự chế ra các ngẫu tượng (idols) sẽ làm cho đời sống đồi trụy bại vong (wisdom of Salomon 14:12). Tinh thần tôn thờ ngẫu tượng cũng chính là tinh thần sùng bái vật chất của con người trên khắp trần gian này..

Từ hơn 600 năm qua (1453-2008), nền văn minh tôn thờ ngẫu tượng và bái vật đã đưa đến những hậu quả vô cùng đau thương cho con người như đã nói ở phần trên. Con người, như các nhà hiền triết Đông phương cũng đã cảnh cáo tương tự như Salomon: "Đừng để ngoại vật làm loạn ngũ quan. Đừng để ngũ quan làm loạn tâm mình." Đức Phật cũng từng nhắc nhở: "Đừng nhận cái tiểu ngã là mình, và đừng để thế giới sắc tướng phù phiếm vô thường làm chân lý."

Sự chọn lựa lối sống của văn minh bái vật và tôn thờ ngẫu tượng của con người đang bắt con người phải trả giá quá mắc cho sự chọn ấy!

You are what you have chosen to be!

Con người khi quẩn quít với đời sống thuần túy ngoại tại (outward world) của văn minh thuần túy vật chất, con người đã đạt được những thỏa mãn đa dạng, nhưng tất cả những thỏa mãn đều chợt đến, chợt đi như đám mây trên bầu trời; đó không phải là hạnh phúc thật. Hạnh phúc thật, hạnh phúc chân chính chỉ xuất hiện khi con người đã trưởng thành, chín chắn về mặt tâm linh (spiritual being). Niềm an vui hạnh phúc thực sự chỉ tìm thấy trong tình yêu, trong tình thương đậm ấm giữa người và người.

Vì thế cái giá phải trả cho những ai chỉ đi tìm kiếm những thỏa mãn nhất thời trong văn minh ngẫu tượng và bái vật là -- họ đã lang thang lạc lối bởi vì mối tương quan giữa con người và thế giới thiên nhiên đã sụp đổ. Ở cuộc sống đó, con người đã mất ánh sáng trong tâm hồn, đã mất niềm an vui hạnh phúc đích thực, đã mất tình yêu chân thật, mất tình người giữa xã hội con người, và mất niềm tin cậy vào đời sống; nhiều khi mất luôn sức

khỏe và sức mạnh tinh thần. Đó là hậu quả đến từ sự vong thân và vong tính của con người.

Con người có tai mà không biết nghe, đôi mắt trở nên mù lòa tăm tối, chân bước đi vất vưởng không định hướng hoàn toàn mất lối; miệng lưỡi suy đồi, xấu xa, trái tim liệt cảm điều ngoa, trí tuệ bị hủy hoại và tâm thì âm u như đêm đen. Đó là tất cả hệ quả khi đời sống tâm linh và tinh thần của con người đã chết (spiritual death). Con người dưới sự hướng dẫn của văn minh ngẫu tượng và bái vật đã chịu những mất mát và đổ vỡ quá lớn lao. Con người sống như cái xác không hồn, liệt cảm, và trở nên xa lạ với chính mình. Con người tự giam hãm mình với cái tiểu tâm, tiểu ngã, tiểu trí, tiểu danh, tiểu lợi để tự chặn đường về với cái đại ngã tâm linh, với Thiên lý, với vũ trụ thiên nhiên, và với đồng loại anh em của mình. Tất cả vì văn minh ngẫu tượng và bái vật không nhận ra là làm thế nào con người có thể xây dựng giá trị nhân bản; mà lại không hiểu nhân tính (humanity) của con người là cái gì. ĐÓ LÀ SỰ MÙ QUÁNG VÀ THẤT BẠI THÊ THẨM CỦA CHỦ NGHĨA NHÂN BẢN CỦA ÂU CHÂU VÀO THỜI PHỤC HƯNG. Những con người khai sinh, đề cao và cổ súy cho chủ nghĩa nhân bản (humanism) hoàn toàn không biết và hoàn toàn xa lạ với lương tâm, nhân tính của con người. Đó là cái bi thảm nhất của văn minh ngẫu tượng và bái vật của Tây phương và Đông phương.

Bởi vì Lão - Trang đều cho rằng "Đạo là cái nguyên lý tối cao của vũ trụ, thường hằng mà không bao giờ thay đổi, nguồn gốc của vạn vật, cái đức của nó sinh ra trời đất, vạn vật và con người, mà tính là biểu hiện cái đức. Tính vốn chân chất, nếu tính bị vẩn đục, ô nhiễm bởi một cái gì đó thì không còn là tính nữa (trang 85).

Vương Thủ đời Minh đưa ra nhận xét: "xét về trình thể thì gọi là TRỜI, xét về cái phú bẩm cho người thì gọi là TÍNH, xét về cái chủ thể của thân ta thì gọi là TÂM."

Vấn đề chính mà tất cả các nhà hiền triết Đông phương luôn luôn ưu tư trên hết là TÍNH THIÊN ÁC của con người. Đối với các nhà Đạo Học một khi đã coi giáo hóa con người là quan

trọng nhất đối với cá nhân, với gia đình và với cả quốc gia, xã hội --- nghĩa là coi CHÍNH TRỊ và ĐẠO LÝ chỉ là một. Vì vậy không thể không bàn đến NHÂN TÍNH được. Tuy nhiên tùy theo quan niệm của từng nhà mà có quan niệm về tính thiện hay ác, mà phương pháp giáo hóa có thể thay đổi. Từ đó do tập tành và thói quen mà tính khí khác nhau. Họ cho rằng, "Tính là phần thiên lý của trời phú cho tất phải thiện." Mạnh Tử cho rằng con người có chỗ tính thiện và có tính ác. Nuôi dưỡng cái tính ti tiểu thì thành tiểu nhân, nhưng nuôi dưỡng phần tính tốt cao thượng thì thành quân tử.

Tuân Tử thì nhận thấy, "Tính con người sinh ra là hiếu lợi, sống theo tính ấy thì thành ra tranh đoạt xâu xé vì lòng vì lòng từ nhượng không có; từ đó sinh ra đố kỵ, sống theo tính đó thì dễ sinh ra đạo tặc bạo tàn vì không còn lòng trung tín; sinh ra ham muốn của tai mắt, thích thanh sắc, sống theo tính đó thì thành ra dâm loạn vô luân chỉ vì lẽ nghĩa không có... cho nên phải có khuôn thước và thầy để giáo hóa các tính ấy, có lẽ nghĩa để uốn nắn, điều dắt rồi sau mới biết lẽ phải và lòng từ nhượng, hợp với thiên lý và đạo lý mà thành ra trị. Đó là phần vụ của CHÍNH TRỊ và GIÁO DỤC."

Cáo Tử thì đưa ra quan niệm: "tính người như dòng nước chảy mạnh, khơi qua đông thì nó chảy qua đông, khơi nó qua tây thì nó chảy qua tây." Đời Tống có Vương An Thạch và Tô Thức thì bổ túc thêm vào: "Tình sinh ra từ tính, có tình sau mới có thiện ác. Còn tính thì không gọi là thiện - ác được. Người xưa bảo hỉ, nộ, ái, ố, ai, cụ, dục là tình đấy ư? Hỉ, nộ, ái, ố, ai, cụ, dục nếu biết tiết chế và điều hòa cho hợp với đạo lý và nghĩa thì là thiện. Thất tình mà buông thả theo nhân dục là bất thiện dễ thành bất nhân."

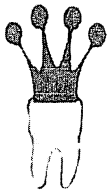
Trong sách Trung Dung và Đạo Học có bàn luận về chữ TÌNH, trong đó Phu Tử nói: "Mừng, giận, thương ghét, vui buồn chưa phát ra thì gọi là Trung; phát ra đúng chừng mực thì gọi là hòa. Trung là cái gốc lớn của thiên hạ, hòa là con đường đồng nhất trong thiên hạ. Nếu trung hòa hết mực thì trời đất yên vị, muôn vật từ đó mà sinh sôi." (trang 117).

Nói tóm lại, mặc dù chủ đề Tôn Giáo và Chính Trị quá bao la, không thể nào đưa ra được một định nghĩa ngắn gọn và đơn giản được, nhưng khi duyệt xét lại lịch sử như chính Đức Giáo Hoàng John Paul II đã kêu gọi: "Chúng ta đã phạm tội... phải sám hối, thanh lọc tâm và canh tân." Từ đó đưa chúng ta trở về với tinh thần Giáo Hội Tiên Khởi. Muốn thế phải nhìn lại đặc tính của thời Phục Hưng tại Âu châu để tìm kiếm lại sự thật của lịch sử. Điều quan trọng nhất là các DÒNG ĐẠO HỌC ĐÔNG PHƯƠNG để phân biệt đâu là chính giáo, đâu là tà đạo và đâu là BÁ ĐẠO và đâu là VƯƠNG ĐẠO. Các tôn giáo và các tín hữu phải có khả năng để phân biệt thế nào là NỘI KHỞI TÂM TRUYỀN và thế nào là NGOẠI TÁC CÔNG TRUYỀN để đi về với CHÍNH GIÁO. Khi con người đã nhận ra Đông phương chính là Quê Hương Tinh Thần của tất cả nhân loại thì phải tìm mọi cách để phát huy TÂM ĐẠO. Chính Thiên Đạo và Tâm Đạo là nơi gặp gỡ của Đông phương và Tây phương. Cả hai nền văn minh Đông phương và Tây phương đang chịu chung một thử thách cực kỳ lớn lao -- đó là sự va chạm không phải là giữa Đông phương và Tây phương --- mà là SỰ VA CHẠM KHỐC LIỆT GIỮA VĂN MINH TINH THẦN VÀ VĂN MINH TÔN THỜ NGẪU TƯỢNG VÀ BÁI VẬT, và SỰ VA CHẠM KHỐC LIỆT GIỮA LƯƠNG TÂM CỦA CON NGƯỜI VÀ BỌN VÔ THẦN. Tất cả đã làm nên tội ác vĩ đại của chính trị bá đạo và tạo nên cái mà Toynbee gọi là: "Sự hư hỏng suy đồi thê thảm trong lịch sử của con người."

Nguyễn Anh Tuấn

Đọc- Cổ Động & Yểm Trợ Tập San Thế Đạo

Xin thành thật cảm ơn



DENTAL P.C

SANDY DENTAL P.C

1672 Mc Kee Road, San Jose, CA 95116.
(Góc Mc Kee & Mc Donald giữa 101 & đường King)

Điện thoại: (408)-272-3999.

Fax:(408)-272-2202. Email: SandyDental@aol.com

SANDY

Sandy Dental P.C. hệ thống nha khoa Việt Nam hoạt động tại nhiều tiểu bang và được sự tín nhiệm của đông đảo đồng bào từ năm 1987, có nhiều Bác-Sĩ Nha Khoa Việt Nam trên 10 năm kinh -nghiệm điều hành.

Địa điểm thuận tiện trung tâm thành phố San Jose gần Fwy 101, 280, 680 tọa lạc giữa một vườn cây khu thị tứ, có đường & parking rộng rãi.

Trang thiết bị tối tân & vệ sinh tối đa.

Nước dùng thật tinh khiết.

Một **bộ dụng cụ riêng** cho mỗi bệnh nhân.

Đặc biệt:

Pokémon Game cho trẻ em & TV cable

Tẩy trắng răng thật đẹp chỉ \$75.00

Thay các trám chỉ để hợp màu với răng.

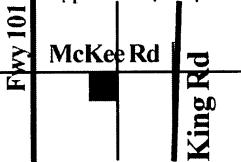
Giá cả nhẹ nhàng, uy tín, kỹ thuật cao cùng với tinh thần nghệ thuật và tình cảm.

Giếp đãi ân cần, khung cảnh trang nhã .

Có vườn cây suối nước, cá vàng và nhạc êm dịu.

Nếu đã trên 6 tháng má quý vị chưa đi làm sạch răng ,

Nhãy đến với Sandy Dental để có một hàm răng trắng đẹp và một nụ cười thật duyên dáng.



**NHẬN MEDI-CAL
BẢO HIỂM
VISA- MASTER CARD**

Sandy Dental P.C

1672 Mc Kee Rd, San Jose, CA 95116

(408-272-3999)

COUPON

Tẩy Trắng Răng \$75
Tooth Whitening Giá bình thường \$300

Sandy Dental P.C

1672 Mc Kee Rd, San Jose, CA 95116

(408-272-3999)

COUPON \$25

**Khám Tổng Quát - X Ray
Làm Sạch Răng - Cleaning**



TẬP SAN THẾ ĐẠO
3076 Oakbridge Dr
San Jose, CA 95121-1716
Điện thoại : 408-238-6547
Fax 408-440-1372